

Văn hữu

Tâm trạng
phụ nữ

Việt nam
ngày nay

VỀ VẤN ĐỀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ — **QUẦN
PHONG** ★ MẤY ĐẶC ĐIỂM VỀ TÂM LÝ VÀ
SINH LÝ CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ — **THU
THỦY** ★ HAI NGƯỜI ĐÀN BÀ VIỆT ĐẦU
TIÊN KẾT HÔN VỚI NGƯỜI PHÁP — **HOÀNG
CÔNG HÀ** ★ NỮ TÍNH VÀ CHỨC NGHIỆP —
ĐÔNG MAI ★ SỨC MẠNH CỦA PHÁI YẾU —
VỊ VŨ ★ PHỤ NỮ VIỆT CẦN HỌC GÌ? —
NGUYỄN HỮU NGƯ ★ SỰ SA ĐỌA CỦA
ĐÀN BÀ QUA VĂN NGHỆ — **TỬ VI
LANG** ★ CÁNH QUẠ ĐEN — **XUÂN
PHỤNG** ★ CHIỀU BIÊN ĐỘNG — **HOÀNG
MAI** ★ ĐỜI TRƯA — **ĐỖ TẤN** ★ ĐƯA
CON TRAI — **ĐỨC QUANG** ★ EM ĐI VỀ
GIỮA — **PHỤNG LOAN** ★ BÁT NƯỚC
ĐẦY — **TÚY HỒNG** ★ ĐỜI THAY — **HOÀI
KHANH** ★ MÁI TÓC GIAI NHÂN — **NGỌC
LINH** ★ XA — **TƯỜNG LINH**

một cuộc chiến thắng

Truyện ngắn của **TUYẾT-HƯƠNG**

V ă n H ữ ' u

DO VẤN HÓA VỤ ÁN HÀNH

Tòa soạn và trị sự : 15 đại lộ Lê Lợi, Saigon

Điện thoại : 25.902

Giám Đốc : NGUYỄN DUY MIỀN

Ban Biên Tập : VÕ PHIẾN — SĨ TRUNG

THƯỢNG SĨ — TRẦN VĂN LONG

Với sự cộng tác của quý bạn :

(Phần đặc biệt về Phụ Nữ)

QUẦN PHONG

THU THỦY

ĐÔNG MAI

NGUYỄN HỮU NGƯ

HOÀNG CÔNG HÀ

VỊ VŨ

TỬ VI LANG

Phần sáng tác

CÔ TUYẾT HƯƠNG

PHAN DU

CÔ HOÀNG MAI

— TÚY HỒNG

NGỌC LINH

HOÀI KHANH

TƯỜNG LINH

CÔ PHỤNG LOAN

ĐỖ TẤN

XUÂN PHỤNG

ĐỨC QUANG

Phần tin tức

và tài liệu : HOÀNG LAN — VỊ VŨ — TRẦN VĂN LONG

ĐOÀN THẾ NHƠN

Phần ấn loát :

Ấn quán TÍN ĐỨC THU XÃ

Số 29, Tạ-thu-Thấu — Saigon — Giấy in : 20.678

Bài vở thư từ gửi cho : HÀ SĨ-TRUNG

Tiền bạc bưu phiếu gửi cho : NGUYỄN CỬU VỊNH

MỤC LỤC

— <i>Bạn đọc viết</i>	VĂN HỮU	trang 1
— <i>Phụ Nữ, một vấn đề</i>	—	7

PHẦN THỨ NHẤT (đặc biệt về người Phụ Nữ)

— <i>Về vấn đề giải phóng phụ nữ</i>	QUẦN PHONG	11
— <i>Mấy đặc điểm về tâm lý và sinh lý của người đàn bà</i>	THU THỦY	17
— <i>Hai người đàn bà Việt đầu tiên kết hôn với người Pháp</i>	HOÀNG CỘNG HẠ	24
— <i>Nữ tính và chức nghiệp</i>	ĐÔNG MAI	32
— <i>Sức mạnh của phái yếu</i>	VỊ VỮ	39
— <i>Phụ nữ Việt cần học gì ?</i>	NGUYỄN HỮU NGƯ	44
— <i>Sự sa đoạ của đàn bà qua văn nghệ</i>	TỬ VI LANG	53

PHẦN THỨ HAI (sáng tác văn nghệ)

— <i>Một cuộc chiến thắng</i>	CÔ TUYẾT HƯƠNG	65
— <i>Cánh quạ đen (thơ)</i>	XUÂN PHỤNG	76
— <i>Chiều biển động</i>	CÔ HOÀNG MAI	77
— <i>Đời trưa (thơ)</i>	ĐỖ TẤN	93
— <i>Đứa con trai (truyện dịch)</i>	ĐỨC QUANG	95
— <i>Em đi về giữa...</i>	CÔ PHỤNG LOAN	100
— <i>Bát nước đầy</i>	CÔ TÚY HỒNG	101
— <i>Đổi thay (thơ)</i>	HẢI KHANH	112
— <i>Người đàn bà đá</i>	PHAN DU	113
— <i>Mái tóc giai nhân (truyện dịch)</i>	NGỌC LINH	125
— <i>Xa (thơ)</i>	TƯỜNG LINH	134

PHẦN THỨ BA (tín tức và tài liệu)

Gió Đông ... Gió Tây (trang 137) — Những Triền Vọng của Khoa Nghiên Cứu nhiệm sắc thể (trang 144) — Phải chăng nghệ thuật là một chứng thần kinh suy nhược (trang 147) — Giới thiệu sách (159) — Hộp thơ lỏa soạn (160)

Bạn đọc viết

ÔNG PHAN-VĂN-THIỆT GÓP Ý KIẾN
VỀ VĂN HỮU SỐ 10

Phải chăng miền Nam không hề có quá khứ văn học ?

L.T.S.— Mục này dành cho bạn đọc bốn phương tham gia ý kiến nhận xét, phê bình Văn-Hữu. Trong tháng qua, chúng tôi nhận được khá nhiều thư của độc giả gửi về tòa soạn, trong số đó có bài góp ý của ông Phan-văn-Thiết, một bạn đọc ở Sài Gòn. Nhận thấy bài của ông P.V.T. có nhiều điểm nhận xét lý thú có thể làm sáng tỏ thêm phần đặc biệt của Văn-Hữu số 10 (văn học Miền Nam), chúng tôi cho đăng tải đề rộng đường dư luận. Chúng tôi sẽ tiếp đăng những ý kiến xây dựng của bạn đọc xa gần ở kỳ tới, cũng trong mục này.

TRONG số 10 (tháng tư 1961) của nguyệt san Văn Hữu, nơi bài « Quan điểm », chúng tôi thấy đoạn này :

« Trong quá khứ, thành tích văn học của miền Nam nước Việt-Nam so với của miền Bắc thật là ít ỏi. Đó là điều dĩ nhiên, bởi vì miền Nam mới được khám phá sau này. Khi người ta đến một miền đất mới, thoạt tiên phải lo làm ăn đã, sau đó mới nghĩ tới chuyện học hành, ngắm vịnh. »

« Dù ít, nhưng trong một trăm năm nay đã có những tác giả và tác phẩm nổi tiếng khắp nước. Bảo rằng miền Nam không hề có quá khứ văn học chẳng qua là một lời nói liều lĩnh thốt ra trong lúc vội vàng... »

Trong đoạn chót buổi diễn văn « Hương sắc miền Nam » của ông Nguyễn thành Cung, diễn giả có trích câu nói của ông thạc sĩ Vũ-văn-Mầu :

« ... Riêng về miền Nam, điều kiện lịch sử và sanh hoạt đã tạo một hoàn cảnh đặc biệt thích hợp cho một nền văn hóa, một nền thi ca rất gần gũi với dân tộc và vẫn thăng trầm theo vận mạng của dân tộc... »

Hai đoạn rút trong hai bài của hai tác giả, không hên mà nên, tự bỏ lúc lấy nhau và có thể trả lời câu nói quá hấp tấp « miền Nam không có quá khứ văn học. »

Theo thiện ý chúng tôi tưởng không nên phân chia Bắc, Trung, Nam trong nhiều vấn đề tổng quát của một dân tộc thuần nhất như vấn đề văn

học chẳng hạn. Hay là, nếu cần có phân biệt trong chi tiết là chỉ phân biệt để cho người đọc thưởng thức cái hương sắc của địa phương mà thôi.

Như Văn Hũu đã nói trong bài xã thuyết « Quan điểm », quá khứ văn học miền Nam đã có nhiều lắm là vài ba chục năm sau khi ông cha ta an cư trên lãnh thổ miền Nam. Vì lẽ dễ hiểu, ông cha ta vốn là dân miền Trung di cư vào Nam, khi đến miền Nam họ đã có sẵn một nền văn hóa rồi. Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ rằng vì đất miền Nam thuở xưa là một nơi hoang vu, khi ông cha ta mới đến thì phải lo khai mở cái đã. Nếu như vào lúc bấy giờ thì khai mở không mất bao nhiêu thì giờ với cơ khí tối tân, nhưng mấy trăm năm về trước thì với khí cụ mộc mạc, thô sơ, chắc chắn ông cha ta phải mất nhiều thì giờ, chúng tôi phỏng đoán cho là độ ba mươi năm đến năm mươi năm thì công việc mới hoàn thành.

« Cư an » trước rồi mới « lự nguy » sau. Khi đất đai có thể sản xuất, thương mại được phồn thịnh, cuộc giao thông được thuận tiện, tương lai của gia đình vững chãi rồi, ông cha ta rảnh rang mới nghĩ đến sự dật gấm thêu hoa cho đời sống mình.

Vốn là đứa con sinh sau đẻ muộn — đứa con út — miền Nam trở nên « thành niên » sau hai chị của mình, điều đó là lẽ dĩ nhiên. Văn học miền Nam, vì đó mà mới thấy mặt trời độ hơn một thế kỷ nay.

Sự phỏng đoán này không có nghĩa rằng ngay từ lúc xuyên rừng lướt bụi mà di cư vào Nam, ông cha ta không có văn làm thi, nhưng dù cho có đi nữa vì sự ít ỏi lẽ tẻ, vì sự thiếu phương tiện công bố cho nên không thấy truyền lại. Thảng hoặc có năm ba bài được truyền khẩu đến ngày nay và được đăng báo hay in sách về sau thì ở dưới chỗ đề tên tác giả, chúng ta thấy đề bốn chữ « Vị tướng danh thị ». Cũng như bao nhiêu những câu ca dao (có đến mấy ngàn do bộ sách quý báu của bạn Trọng-Toàn » Hương Hoa đất nước) còn truyền tụng trong khắp nơi làng mạc, hòn quê của miền Nam.

Về thi văn chánh thức xưa nhất của miền Nam mà chúng ta được biết là của các văn hào Mạc-Thiên-Tịch, Phan-Thanh Giản, Huỳnh-Mẫn-Đạt, Nguyễn-văn-Lạc, Nguyễn-dinh-Chiều, vân vân. Cụ Phan-Thanh-Giản là người Miền Nam được ra Huế thi hội đồ tiến sĩ đầu tiên.

Đúng như câu của thạc sĩ Vũ-văn-Mẫu mà ông Nguyễn-thành-Cung đã đơn cử trong bài diễn văn « Hương sắc miền Nam » dẫn ở trên đây, điều kiện lịch sử và sanh hoạt đã tạo một hoàn cảnh đặc biệt thích hợp cho một nền văn hóa, một nền thi ca rất gần gũi với dân tộc và vẫn thăng trầm theo vận mạng của dân tộc.

Có thể nói rằng một trong những bài thi đầu tiên của cụ Phan-thanh-Giản là bài « Từ giã vợ đi thi » (chứ không phải « Từ giã vợ đi làm quan » như có lắm quyền sách giáo khoa đề làm) :

Từ thuở vương xe mới chỉ hồng,
 Lòng này ghi tạc có non sông.
 Đường mây cười tở ham không ruổi,
 Trưởng liễu thương ai chịu lạnh lòng,
 Ôn nước nợ trai đành nỗi phận,
 Cha già nhà khó cậy nhau cùng.
 Mấy lời dặn bảo khi lâm biệt,
 Rằng quên, rằng nhớ, lòng hồi lòng.

Chắc bạn trẻ ngày nay lấy làm lạ sao đi thi, có vắng nhà bao lâu mà phải làm thơ làm văn đề gởi gắm « cha già, nhà khó » cho vợ ? Các em có biết đâu hơn một thế kỷ trước, từ một quận xa như Kiên-giang (Rạch giá), Vĩnh an Tân-châu), Tân Thành (Sadec), vắn vắn mà muốn đến Bến Nghé (Saigon) hay Phiên An (Gia Định) thì phải mất cả mười ngày, nửa tháng. Còn từ một trong sáu tỉnh miền Nam mà đi ra để kinh thi phải mất một hai tháng tùy theo thuận gió hay nghịch gió vì phải đi ghe bầu. Cụ Phan đi thi, vừa đi vừa thi xong đợt kết quả, vừa chờ có ghe bầu mà về, có thể mất trọn một năm như chơi ; chính vì thế mà phải thiết tha gửi gắm gánh nặng thờ cha, nội trợ cho vợ hiền trẻ tuổi !

Bài thơ sau đó của Cụ Phan được truyền tụng nhiều nhất là bài « Cảm tác » :

Non nước tan tành hệ bởi đâu,
 Ngùi ngùi mây bạc cõi Ngao-châu. (1)
 Ba triều công cán vài hàng sớ.
 Sáu tỉnh cương thường một gánh sầu.
 Ai Bắc ngày chờ tin nhận vắng,
 Thành Nam đều chạnh tiếng quyên sầu.
 Minh sanh chín chữ lòng son tạc (2)
 Trời đất từ đây bật gió thu !

Bài này Cụ Phan làm trước khi uống thuốc độc mà chết, vì không tránh được dó đốc Lagrandière lấy luôn ba tỉnh miền Tây, y như một tướng lãnh võ sĩ đạo Phù tang, đúng với thuyết quán tử của nho : thành mất, tướng không còn. Cũng y như câu thơ về cụ Thủ Khoa Nguyễn-hữu-Huân « bất hàng cam đoạn tướng quán đầu », lại cũng đúng như câu nói của nguyên soái Hàng-cầm-Hồ nhà Tùy bên Trung-Quốc « chỉ có đầu tướng quán chứ không có tướng quán đầu ! »

(1) Chính cũng vì vội vàng mà tác giả một quyển sách Giáo khoa trước đây đã chưa : « Vì chỗ bài biển ấy có sò hến nhiều, cho nên gọi là Ngao-châu. »

(2) Có chỗ chép : Minh sanh chín chữ lòng son tạc.
 Trời đất từ đây mặc gió thu.

Cụ Huỳnh-mãn-Đạt nguyên làm tuần phủ của triều đình, khi Tây lấy ba tỉnh miền Đông, cụ từ quan ẩn sĩ qui điền, xúc cảnh một buổi « Trời chiều », cụ làm một bài thơ :

Chợ lợi trường danh gió bụi nhiều.
Vườn quê vui thú cảnh trời chiều,
Nhành chim rải rác đơm bông bạc.
Màng rản xuê xang trái gấm điều,
Ngã ngón lưng trâu ngơ vọt mục,
Sớ thơ bài học khăm thoàn tiều.
Xót người xao xác trong chằm chạn,
Ngóng mống trông mây biết bấy nhiêu !

Đây là một bài thơ vịnh cảnh, thế mà hai câu chuyển kết chừng như không dính lưù gì với toàn bài. Cứ như các vị lão nho nói lại thì đó là một lối « thư trung ý ngoại » : lúc ấy, hàng sĩ phu trong Nam phần đông giữ tiết tháo, không chịu hợp tác với ngoại xâm, cứ trông mong triều đình vua Tự Đức cho binh tướng vào phản công, đánh Tây mà lấy lại ba tỉnh, chẳng khác nào trời hạn trông mưa ! khốn nỗi ! trông hoài mỗi mắt, binh tướng không thấy, rút cục :

« Hay đâu ba tỉnh lại châu ba ! »

Ông Tôn Thọ Tường, cũng vì theo bọn thực dân cướp nước mà phải làm « thập thủ liên hườn » để khuyến dụ đồng bào, mở đầu bằng những câu giả dối, phỉnh phờ đe dọa :

Giang sang ba tỉnh hời còn đây,
Trời đất xui chi đến nỗi này !
Chớp nháng thấy bọn dây thép kéo,
Mây tuôn đen kịch khói tàu bay.
Xăng văng thảm tỉnh thương đòi chỗ,
Khấp khởi riêng lo biết những ngày
Miệng cộp hàm rồng dân dễ chọc,
Khuyên đàn con trẻ chớ thầy lay

Làm cho ông Cũ-nhơn Phan-văn-Trị phải sôi gan nghĩa sĩ mắng lại từng lời :

Hơn thua chưa quyết đó cùng đây,
Chẳng đã nên ta mới thế này,
Bến ghé quân bao cơn lửa cháy,
Cồn Rồng dù mặt bụi tro bay
Nuôi muông giết hổ còn chờ thuở,

Bủa lưới săn nai cũng có ngày.
 Đừng mượn hơi hùm run nhát khi,
 Lòng ta gán đá há lung lay ?

Loạt bài thơ « Thập thủ liên huân » của hai nhà văn Tường và Tri không những là một tài liệu văn chương mà lại còn là một tài liệu lịch sử trong một giai đoạn quê hương lâm nguy.

Trong bài « Theo dấu Bùi-Hữu-Nghĩa » của nhà văn Thái-văn-Kiểm (cũng trong Văn Hữu số 10) tác giả có nhắc đến những bài chúng tôi đã viết về Thủ khoa Bùi-hữu-Nghĩa mà ông Paul Midan tấn sĩ văn chương có nói đến trong bài tựa quyển « L'union merveilleuse de Kim et Thạch » — tức Kim Thạch Kỳ Duyên phiên dịch ra pháp văn, chúng tôi xin phép ông Thái-văn-Kiểm mà bỏ tức thêm vài lời. Lúc ông Paul Midan đến viếng chúng tôi mà hỏi thêm tài liệu về Thủ-khoa Nghĩa để viết trong quyển nói trên mà nộp thi Tấn sĩ văn chương, chúng tôi có nói với ông đến bài thơ chúng tôi được đọc trong một tập sự loại thông khảo của cụ Sĩ-Tãi Trương-vĩnh Kỳ không có đề. Ông Paul Midan hiểu lộn là hai bài « Gió Tây » và « Ai khiến Tây đến. » Lúc ấy, vì lẽ bạn đọc sẽ hiểu ngay chúng tôi không thể nói nhiều với ông Paul Midan cho nên ông mới lừ như vậy. Bài thơ này, tôi còn nhớ bốn câu :

Ai khiến thẳng Tây tới vậy à ?
 Đất bằng bỗng chốc nổi phong ba,
 Hăn hời ít kẻ đền ơn nước,
 Tráo chác nhiều tay rồi đạo nhà...

.

Ông Nguyễn-văn-Lạc tức Học sanh Lạc hay Học Lạc có làm một bài thơ là « Cáp gà » :

Hai bên chưa chắc đặng cùng không,
 Thiên hạ ngày tròn mỗi mắt trông
 Một trận quyết đền ơn tấm mắng,
 Hai người chớ ngại nắm xương lông,
 Rũ mai đã có người nhang khói,
 Khuya sớm cho cam trễ ẩm bông.
 Lừng lẫy lấy danh trong mấy nước,
 Làm sao năm đức giữ cho đồng.

Bài thơ này tuy đề là « cáp gà » dùng những danh từ áp dụng nơi trường gà nhưng tác giả hướng hẳn về thời cuộc ngay từ câu phá tác giả nói như câu phá bài đầu của « thập thủ liên huân » : hơn thua chưa quyết

đó cùng đây. Chúng ta thua trận Bến Nghé và trận Cù lao Rừng chứ chưa chắc chúng ta chiến bại. Câu thừa có một ý nghĩa như hai câu chuyện kết của bài « Trời chiều » của Huỳnh-mãn-Đại : xót người xao xát trong chầm nhận, ngóng mong, trông mây biết bấy nhiêu ! Ai cũng hướng về miền Đệ kinh, trông một đạo binh triều đến mà lo việc khôi phục ba tỉnh đã mất !

Cặp trạng nói rõ với thanh niên Việt-Nam rằng : các em không nên xem trọng tấm thân bảy thước của mình, phải cương quyết xông pha nơi chiến địa để mà đền ân quốc cũng như con gà nòi gặp độ, không quản năm xương lông mà đền ơn nuôi nấng của chủ.

Tác giả dụng tám khuyến khích thanh niên sung vào các bộ đội Nghĩa dũng của các tướng lãnh kháng chiến như Bình táy đại nguyên soái Trương-công-Định, các vị lãnh binh hay đốc binh Thiên-hộ-Dương tức Võ-di-Dương, Thủ-khoa Nguyễn-hữu-Huân, Nguyễn-trung-Trực, Phan-văn-Kiều. Vì triều đình đã ký kết giao ba tỉnh miền Đông cho Pháp nên không thể công khai chống lại phải ngầm ngầm hợp thức hóa sự kháng chiến đột nhiên của các tướng lãnh địa phương trên đây.

Việc đánh giặc có một phần may rủi là vì chiến trường là nơi dạn lại tên bay, chiến sĩ ra đi không hẹn ngày về. Như rủi mà bỏ thấy nơi chiến địa thì sẵn có người của triều đình phải ra lo việc nhang khói (mỗi độ gà đá có dùng nhang để ấn định thời gian mỗi hiệp) và như thế cho cam lòng quân quốc hy vọng nơi mình, cũng như con gà nòi thà là chết lại trường chứ quyết không chạy để đền ơn cho chủ đã lo tấm mủng cho mình khuya sớm ẩm bồi dưỡng nuôi nấng mình. Cặp chuyện kết táng bốc danh dự các người chinh chiến đối với nước ngoài (nước gà tức là những hiệp đá của gà, có độ đá sáu bảy nước hay hơn nữa mới thấy ăn thua, có độ chỉ một hai nước mà thôi). Năm đức đây là năm đức của con gà, có lẽ tác giả dùng năm đức mà nói « ngũ thường » của nhà nho, nên giữ cho đồng không nên nặng bề cha mẹ, vợ con mà nhẹ tấc đất ngọn rau ơn chúa.



CHỈ một bài nhỏ này gọi là dùng góp vào vấn đề rộng lớn « Hương sắc miền Nam » của ông Nguyễn-thành-Cung chúng ta đã thấy rằng dĩ vãng văn học của miền Nam tuy kém hơn miền Trung và Bắc về phần lượng (lẽ dĩ nhiên), chứ chưa chắc đã kém hơn về phần phẩm là bao.

Điều chắc chắn mà dù ai cũng phải thừa nhận là lịch sử văn hóa miền Nam cũng có nhiều điểm lý thú nghĩa là không kém hương sắc hơn lịch sử văn học của hai chị lớn của mình vậy.

Ai dám nói : miền Nam không có dĩ vãng văn hóa ?

Phụ nữ, một vấn đề

TR Ơ Ở đây chừng nửa thế kỷ, ở nước ta chẳng hề có ai tính chuyện đặt ra vấn đề phụ nữ. Xưa kia, từ lúc thành hình chế độ phong kiến tập quyền, người đàn bà được đối xử thế nào thì sau này họ tiếp tục được đối xử thế ấy ; hàng ngàn năm như thế, họ không thoái cũng không tiến...

Nhưng gần đây người đàn bà được chú ý : phụ nữ thành ra một vấn đề. Ở Việt-Nam hiện nay hiến pháp thừa nhận phụ nữ có quyền tham chính, luật gia đình đặt họ ngang hàng với đàn ông, trong thực tế họ đã có mặt trong nghị viện, trong công sở (nhiều nơi ở những chức vị điều khiển), ở tòa án, đã có những luật sư, ở bệnh viện những nữ bác sĩ và trong quân đội những nữ trợ tá. Ngoài ra ở Do-Thái chẳng hạn, người ta còn gặp người đàn bà cầm súng ra mặt trận, ở Nga-sô gặp người đàn bà dưới hầm mỏ, ở Trung-Cộng gặp họ kéo cày ngoài nông trường ... trong một số sách nghiên cứu người ta chứng minh rằng đàn bà khoẻ hơn đàn ông, trong một số tác phẩm nghệ thuật người ta trình bày những cô gái không chịu chứa đê để cho được bình đẳng với các bạn trai v.v...

Do đó không khỏi có kẻ tự hỏi : Như vậy có quá đi chăng ? Đàn bà và đàn ông thực ra bản chất khác nhau như thế nào ?

Hơn kém ra sao ? Giá trị đàn bà đến đâu ? Họ có những khả năng đặc biệt gì ? Ra ngoài xã hội họ có nên theo bèn gót đàn ông vào mọi ngành hoạt động chăng ? Nếu quả có một cái gọi là nữ tính, thì cái nữ tính ấy lợi hại cho họ thế nào khi họ ra phụ trách nghề nghiệp ? ... Biết rõ về những điều ấy, xã hội sẽ phân công xác đáng hơn ; tự biết rõ về mình, người đàn bà sẽ chọn lựa được con đường phát triển thích hợp, lợi ích cho hạnh phúc mình hơn.

Ở ta hiện nay, trong thời kỳ mà cái lực lượng lớn lao của phụ nữ đang ý thức vai trò quan trọng của mình, đang vươn mình tiến lên, chúng tôi cho rằng việc nêu lên một số vấn đề phụ nữ để mọi người tìm cách giải quyết không phải là vô ích.

VĂN HỮU

Phân thứ nhất

Phần đặc biệt về Phụ nữ của Văn HỮU số 11 này được hoàn thành nhờ sự cộng tác biên khảo của quý bạn : Quấn-Phong — Thu-Thủy — Đông-Mai — Vĩ-Vũ — Nguyễn-hữu-Ngư — Tử-vi-Lang — Hoàng-công-Hà.

QUẦN PHONG

Về vấn đề giải phóng phụ nữ

TỪ xưa, ngay ở những thời kỳ mà nữ quyền chưa được đề cập tới, người đàn bà không phải lúc nào cũng chịu nép dưới quyền đàn ông. Chắc chắn ở thời nào cũng có những gia đình trong đó người chồng « nề vợ » tới xanh mặt : trong các truyện xưa, tuồng hát xưa, có nhan nhản những trường hợp như thế. Những « đấu tranh thành công lẻ lẻ » của đàn bà như vậy nhiều lúc vượt ra ngoài phạm vi gia đình : ở Đông phương cũng như Tây phương thỉnh thoảng vẫn có những người đàn bà lỗi lạc hay tham lam, hoặc trực tiếp điều khiển chính quyền hoặc ảnh hưởng rõ rệt đến việc triều chính. Nhưng cái hiện tượng cả một xã hội đàn bà cùng gọi nhau, cùng nổi lên đòi ngang quyền với đàn ông thì là một hiện tượng mới mẻ của một vài thế kỷ gần đây thôi.

Ngoài xã hội, cuộc giải phóng phụ nữ đã đem lại cho người đàn bà hai thứ quyền là : quyền bầu cử và quyền làm việc.

QUYỀN BẦU CỬ

Về quyền bầu cử, nước đầu tiên đã công nhận cho phụ nữ là Nouvelle Zélande (từ năm 1893). Và cho đến nay chỉ còn lại chừng hơn mười nước trên thế giới chưa cho đàn bà bầu cử, trong đó có : Aphú-hân, Ai-cập, Arabie Séoudite, Ethiopie, Iran, Irak, Jordanie, Cao-mên, Lybie, Nicaragua, Thụy-sĩ, Yémen... Nhiều xứ khác không cấm hẳn đàn bà, nhưng định rằng muốn được bầu cử, họ phải có một vài điều kiện, chẳng hạn tuổi tối thiểu của nữ cử tri cao hơn của nam cử tri (ở Ích-lan), hoặc nữ cử tri phải có bằng cấp tiểu học (ở Liban, Syrie), hoặc phải biết viết biết đọc (ở Chili, Guatemala) ..

Khi sử dụng lá phiếu đàn bà có thường dùng nó để chống lại đàn ông chẳng, nghĩa là họ có thường bầu cho những ứng cử viên đối lập với các ứng cử viên mà đàn ông ủng hộ chẳng ? Một cuộc điều tra thăm dò của Liên hiệp quốc tổ chức tại Hòa-lan đã cho biết rằng 92% cử tri phụ nữ bỏ phiếu cho ứng cử viên mà chồng họ ủng hộ, hiện tượng thuận vợ thuận chồng ấy chắc càng rõ rệt hơn ở các xứ Đông-phương. Như vậy, cho tới nay, sự tranh đấu của phụ nữ để giành quyền đầu phiếu chưa gây thiệt hại gì cho nam giới ; xét kỹ lại thì vẫn là một cuộc tranh đấu rất dễ huề !

Đã được đầu phiếu, phụ nữ ngày nay được quyền giữ các chức vụ trong chính quyền, nhưng số ấy hãy còn ít. Cho đến năm 1950, trong số 59 quốc gia tiên tiến trên thế giới, chỉ được có 11 vị bộ trưởng đàn bà, và chỉ có bốn quốc gia là cử đàn bà ra làm đại sứ. Hiện giờ con số ấy đã tăng lên, nhưng không phải là nhiều lắm.

QUYỀN LÀM VIỆC

Về quyền làm việc, trên nguyên tắc, xã hội tân tiến đã thừa nhận cho người đàn bà, làm một công việc ngang nhau, phải được hưởng lương bổng ngang với người đàn ông. Và phụ nữ đã thực sự tham gia vào mọi ngành hoạt động kinh tế, văn

hóa, xã hội, và luôn cả quân sự nữa ở nhiều nước. Từ trong giới bác học đến giới công nhân, phụ nữ tỏ ra họ xứng đáng với cái quyền hạn mà họ đã đòi được. Tuy nhiên về vấn đề này chưa phải đã giải quyết được hết mọi tranh luận. Có kẻ cho rằng đàn bà dẻo dai hơn đàn ông, họ thường mập mập hơn, sống dai hơn đàn ông, và cứ xem sức chịu đựng của họ trong thời kỳ thai nghén mang nặng đẻ đau, thì biết rằng họ thừa sức cáng đáng những việc nhọc nhằn nhất của nam giới. Vả lại nếu không ra làm việc ngoài xã hội để hưởng lương bổng thì công việc trong gia đình của người đàn bà cũng chẳng phải nhẹ nhàng gì : theo cuộc điều tra của ông Jean Daric, trong Viện Nghiên Cứu Nhân khẩu Quốc-gia ở Pháp thì trung bình mỗi tuần một người đàn bà phải bỏ ra cho tới bảy mươi giờ đồng hồ để làm việc trong nhà. Số giờ làm ở các sở công tư có bao giờ tới chừng ấy đâu. Lại theo cuộc điều tra của Liên Hiệp Quốc do giáo sư Ashley Montagu phụ trách thì cứ ba người đàn ông bị tật nói lắp mới tìm thấy một người đàn bà bị tật ấy, và gần như ở bất cứ nước nào số đàn ông tự tử cũng nhiều gấp ba số đàn bà. Như vậy sự chịu đựng về thể xác cũng như về tinh thần ở người đàn bà nếu không hơn thì thôi chứ không hề thua kém người đàn ông; do đó không thể viện lẽ gì để đặt người đàn bà thấp hơn người đàn ông trên công việc làm. Tuy vậy lại cũng có kẻ cho rằng không thể nào so sánh sự chịu đựng mang nặng đẻ đau với những gian lao cực nhọc của người đàn ông ở chiến trường được, và họ nghi ngờ khả năng của người đàn bà trong cuộc cạnh tranh sinh sống hàng ngày nhiều lúc rất gay go quyết liệt. Họ chủ trương rằng có những công việc mà xã hội không nên trao cho người đàn bà.

Vấn theo kết quả một cuộc điều tra của Tổ chức Văn hóa quốc tế trong Liên hiệp quốc thì 41% số người được hỏi ý kiến cho rằng dù làm công việc gì, nghề gì, đàn bà cũng cần được một đối đãi riêng biệt, không thể tuyệt đối ngang với đàn ông, 17% không muốn cho đàn bà phải làm những công việc nặng nhọc trong rừng sâu hay dưới hầm mỏ, 12% không bằng lòng người đàn bà cáng đáng các chức vụ tôn giáo, 5% nữa muốn miễn cho phụ nữ các công việc trong quân đội.

Trên thực tế, người ta nhận rằng ý chí muốn thoát ly những công việc vụn vặt trong bếp núc đề ra ngoài xã hội tìm một nghề nghiệp, ý chí đó càng ngày càng mạnh mẽ trong giới phụ nữ. Số phụ nữ có nghề nghiệp, có thể sinh sống độc lập, không phụ thuộc vào đồng lương của chồng mỗi ngày mỗi gia tăng ở khắp các nơi. Tuy nhiên cũng phải đề ý rằng hiện thời ngay ở Hoa kỳ là nơi mà phụ nữ được ưu đãi nhất trên phương diện lao động, người đàn bà làm việc vẫn chưa được hưởng những quyền lợi ngang bằng với người đàn ông : 48% phụ nữ kiếm được 1.000 mỹ kim một năm và chỉ có 3% phụ nữ là hưởng được số lương trên 3.000 mỹ kim, trong lúc đó thì chỉ 20% đàn ông phải lãnh dưới 1.000 mỹ kim và 26% khác có thể lãnh lương trên 3.000 mỹ kim một năm. Ở một xứ tiến bộ đã lâu như Pháp vẫn có những nghề nghiệp tuy rằng không cấm đoán mà dùng rất ít phụ nữ : chẳng hạn lái ô-tô-ray chỉ có 18 bà, lái xe hạng nặng chừng 320 bà trong toàn quốc.

Mặc dù đến nay, như ta đã thấy, số phận của phụ nữ chưa phải đã tốt đẹp đều hết trên thế giới, và sau khi được « giải phóng » chưa phải họ đã có thể gặp ngay những điều kiện thuận lợi chờ đợi họ trong sinh hoạt nghề nghiệp ngoài xã hội, nhưng không còn ai có thể nghi ngờ gì nữa về việc dần dần tất cả họ sẽ được coi ngang hàng tới nam giới về phương diện chính trị, và tùy theo khả năng họ sẽ có thể từ chối những việc lặt vặt trong gia đình để nhận lãnh một công việc hẳn hoi ngoài xã hội. Cuộc đấu tranh của người đàn bà ngay trong lòng xã hội từ trước đến nay vẫn do đàn ông quản trị, về phương diện chính trị và xã hội, chắc chắn là thành công. Về phía nam giới, người ta đã chẳng lấy làm phiền hà ganh tị về sự lấn bước của người đàn bà, mà trái lại còn xem đó là một điềm đáng mừng. Giáo sư Montaigu cho rằng văn minh thế giới ngày nay sở dĩ mà tiến đến một tình trạng khó khăn gay cấn như thế này, lỗi lớn là do người đàn ông từ trước tới giờ không chịu nhận sự cộng tác của người đàn bà ở những việc hệ trọng. Điều mà thế giới ngày nay đang cần chính là những đức tính sở trường của người đàn bà : cái thiên tính từ ái, yêu thương đồng loại, bảo vệ nâng niu sự sống... « Nhiệm

vụ của đàn bà là dạy cho đàn ông biết sống cho nhân đạo »
(*C'est le rôle des femmes que d'apprendre aux hommes à être humains*)

VÀ KHÔNG CHỊU CHỮA ĐỀ

NHƯNG có điều ngộ nghĩnh là gần đây sự quật khởi của người đàn bà không ngừng lại ở phạm vi chính trị và xã hội, mà còn muốn tiến về phía những hướng khác lạ. Cái ý muốn ngang bằng với người đàn ông, không chịu thua thiệt người đàn ông bất cứ về điểm gì, có những biểu lộ khá lạ lùng. Không biết ở ngoài đời có ai cư xử như vậy không, nhưng trong một số tiểu thuyết của mấy nữ tác giả Âu Tây sau cuộc thế chiến thứ hai có những người đàn bà có thái độ kỳ quặc. Có kẻ nhận thấy trong sự tiếp xúc sinh lý với người đàn ông họ có vẻ bị áp đảo, chế ngự, bị thua (!); do đó họ từ chối tiếp xúc, họ bằng lòng một đời sống không có đàn ông. Họ không ngần ngại thú thật rằng đề bù đắp vào chỗ thiếu thốn ấy họ chọn những cuộc luyện ái đồng tính, giữa đàn bà và đàn bà với nhau. Có kẻ ghê sợ cái việc phải làm mẹ: họ thù nghịch với cái ý tưởng mình phải mang thai! (*Quelque chose en moi était hostile à la protubérance, au bourgeonnement* — Suzanne Allen).

Ai cũng phải nhận rằng tinh thần « bất khuất » của những vị nữ lưu này đi quá xa! Xa và ngược lại sự xếp đặt tự nhiên của tạo hóa. Cuộc tranh đấu để giải phóng phụ nữ bằng cách đổi thay một trật tự xã hội thì được, nhưng bằng cách từ chối và đảo lộn một trật tự thiên nhiên này e không thành công. Ngay chính nhân vật trong *La Mauvaise conscience* của Suzanne Allen, sau một lần phá thai đề tự « giải phóng » khỏi định luật bất bình đẳng của thiên nhiên, ngay sau đó lại ẵm sang nhận chịu một cái thai khác. Trong *Les Mandarins* của Simone de Beauvoir, cô Nadine cũng có một thái độ tương tự.

Người ta tự hỏi tại sao phụ nữ lại có cái tâm lý đối kháng quyết liệt như vậy đối với những « kẻ đối lập » nhiều khi rất

thân thiết của mình. Freud có đề ý rằng đứa con gái từ ngày còn thơ ấu đã sớm nhận thấy sự khác nhau về bộ phận sinh dục của nó với của con trai. Nó có mặc cảm ở nó có một sự thiếu sót, và âm thầm ước ao có được « một cái gì tương tự » (*envie du pénis*). Lớn lên, sự ước ao vô ý thức ấy phát sinh ra một tâm lý so bì. « Người đàn bà không có óc công bình... và nguyên do là vì tất cả đời sống tâm linh của họ bị óc so bì chi phối. » *La femme n'aguère le sens de la justice... et cela tiens au fait que sa vie psychique toute entière cède à l'envie*). Simone de Beauvoir không chịu, bà cho rằng quan niệm của Freud là quan niệm chủ quan của một người đàn ông, giọng văn ông ta rõ ràng là giọng của cảm tình chứ không phải là giọng của khoa học !

Tóm lại khi bị chuyển sang địa hạt triết lý, siêu hình, khi người đàn bà không chấp nhận số phận của họ thì vấn đề trở nên rắc rối và làm phát sinh những phản ứng tuồng như trái với « thiên lý ». Nhưng chỉ trong phạm vi xã hội và chính trị thì công cuộc giải phóng phụ nữ đang tiến những bước chắc chắn và hứa hẹn một kết quả tốt đẹp cho tất cả nhân loại cả nam lẫn nữ.

QUẦN PHONG

HẦU hết những người đàn bà có tài năng siêu việt và muốn bước lên đài danh vọng đều giống như nàng Herminie mang nhung phục và vũ khí. Quân giặc thấy mũ đồng, lưỡi giáo chùm lông giấp giới liền vội tưởng đã gặp một sức mạnh. Họ bèn hùng hổ tấn công và ngay phút đầu đã đâm trúng quả tim.

BÀ DE STAIL

THU THỦY

Mấy đặc điểm về tâm lý và sinh lý của người đàn bà

ĐÀN bà thực ra có gì khác với đàn ông? Thua kém đàn ông chẳng? Hơn đàn ông chẳng? — Xưa nay có những xã hội coi « mười người đàn bà kể như không có » (*Thập nữ viết vó*), có những danh nhân xem đàn bà như là một khiếm khuyết (« *La femme est un homme manqué* » — Saint Thomas) hay như là một tội ác (« *La femme est un diable perfectionné* » — Victor Hugo). Lẽ dĩ nhiên đàn bà phản kháng. Trong những phản kháng dũng cảm nhất của đàn bà trong phạm vi văn học có lẽ nên kể công việc của Simone de Beauvoir. Bà đã ra công phân tích, trình bày và biện hộ cho phụ nữ trong tác phẩm « *Phái thứ hai* ». Gọi *phái thứ hai* là không công nhận lỗi gọi thông thường

cho rằng phụ nữ thuộc *phái yếu*. Nhưng không yếu thì người đàn bà có thể mạnh đến đâu? Họ có những khả năng đặc biệt gì về sinh lý và tâm lý? Chúng ta muốn được trả lời một cách khoa học, nghĩa là không bị tự ái của phái này hay phái kia, không bị ý thức đua tranh ảnh hưởng. Giáo sư F.J. Buytendijk, một nhà bác học Hòa lan, trong quyển sách nhan đề là « *Người đàn bà* », đã dày công gom góp tài liệu để đưa ra một cách giải đáp.

Bốn đặc điểm sinh lý

TRƯỚC hết hai bên có hai thân thể cấu tạo khác nhau. Đã đành con người không phải hoàn toàn là thể xác, cơ cấu

sinh lý của thể xác không thể qui định tất cả sự phát triển của người ta. Nhưng con người đã hiện hữu bằng thể xác thì thể xác là một hoàn cảnh không thể không đếm xỉa đến. Con người có tự do chọn lựa trong sự phát triển, nhưng không thể bất chấp hoàn cảnh.

Vậy thì về mặt sinh lý, người đàn bà có bốn đặc điểm :

1) *Thân thể của họ được cấu tạo liên quan mật thiết với nhiệm vụ truyền giống.* Đàn ông không chữa không dễ, mà đàn bà phải chữa phải dễ. Có những kẻ cố giải thích dễ phụ nữ tin rằng cái độc quyền được truyền sự sống từ thể hệ này qua thể hệ khác, đó là vinh dự của người đàn bà. Nhưng phải chịu rằng rất ít người trong « phái thứ hai » ham thích cái vinh dự đó. Nhưng người đàn bà thất học chất phác thì cam chịu số phận, nhưng càng có học thức càng có nhiều người đàn bà bất bình về sự « bất công » sinh lý ấy. Trong khi người đàn ông có tự do, việc thỏa mãn dục tình là do hứng khởi sáng kiến riêng của họ, thì trái lại đàn bà mỗi lần chịu nhượng bộ dục tình là mỗi lần chịu chấp nhận qui hàng một định luật khắt khe của tạo hóa. Bởi vậy, ngay đến

hiện tượng kinh nguyệt hàng tháng, nhắc nhở đến cái cơ cấu sinh lý đặc biệt của họ, cũng khiến họ có ác cảm. Người Anh gọi kinh nguyệt đàn bà là « the curse », nghĩa là điều bất hạnh. Sự phân công tiền thiên của tạo hóa ngay trong cơ thể đàn bà ấy, mãi mãi người đàn bà phải nhận chịu lấy, không có cuộc cách mạng nào giải phóng nổi, không có phát minh khoa học nào, cho tới ngày nay, giải thoát nổi.

2) *Đàn bà có những bắp thịt yếu ớt hơn nhưng lại có nhiều mỡ hơn đàn ông.* Đó là vì trong cơ thể đàn ông và đàn bà có những chất kích thích tố (hormone) khác nhau.

Sự khác nhau đó còn nhiều ảnh hưởng nữa : nó khiến cho thân hình người đàn bà nhỏ nhắn hơn, đường nét tròn trặn hơn, ngực nở hơn, xương mỏng rộng hơn, vai hẹp hơn của người đàn ông. Ngoài ra cũng nên đề ý rằng sự yếu đuối nói trên không phải do hẳn nơi bắp thịt mà phần lớn do nơi hệ thống thần kinh của nó.

Chẳng những yếu, trong khi vận động sức lực các bắp thịt nữ giới cũng tỏ ra vụng về hơn nam giới. Người ta đề ý rằng

ngay từ hồi 5,6 tuổi, một đứa con gái muốn quăng quả banh ra xa thường ném từ trên xuống còn đứa con trai đã biết chuyền mình ném ngang cho thuận hơn. Càng lớn lên, sự giáo dục trong một xã hội do người đàn ông vẫn điều khiển từ mấy ngàn năm nay càng làm cho cái ý thức về sự yếu đuối ấy ăn sâu vào trí não đàn bà, tạo cho họ một mặc cảm Thỉnh thoảng không phải ta không gặp những người đàn bà khoẻ mạnh hơn đàn ông tuy vậy những cá nhân ấy vẫn cảm thấy mình ở trong hàng ngũ phái yếu. Cái mặc cảm về giống phái đó có thể ví với trường hợp cá nhân trong xã hội thường mang những đặc tính của giai cấp mình. Và lại lẽ lối sinh hoạt, phong tục tập quán, phép tắc giao tế trong một nền văn minh do đàn ông xây dựng nên lại có tác dụng củng cố cái mặc cảm yếu đuối của phụ nữ. Chẳng hạn trên xe cộ đàn ông nhường chỗ ngồi cho đàn bà, xuống xe đàn ông đưa tay cho đàn bà vịn, lúc nào xung quanh người đàn bà cũng có kẻ chú ý nhắc nhở đến sự yếu đuối của họ, khiến cho họ thêm vụng về, và thêm yếu. Bởi vậy về đặc điểm thứ hai của phụ nữ chúng ta nên phân

biệt phần yếu đuối bẩm sinh và phần ảnh hưởng của giáo dục. Một nề nếp sinh hoạt mới có thể sửa chữa ảnh hưởng của phần sau này.

3.) *Hệ thống thần kinh sinh trưởng (système neuro végétatif) tức là hệ thống thần kinh điều khiển những cơ năng vô thức trong người đàn bà dễ xúc động hơn ở người đàn ông.* Chính vì vậy mà động một tí là nhịp tim đập của người đàn bà có thể vụt nhanh lên, động một tí là mặt họ có thể tái mét đi hay đỏ như lên. Nguyên do nhiều khi chỉ là một chuyện cớ con không đáng kể mà xúc cảm bộc lộ của họ thì quá đáng. Rồi chính vì cái thành kiến « đàn bà nhạy cảm, đa cảm » ấy phổ biến trong xã hội lâu đời mà nó lại làm phát triển cái đa cảm của họ thêm nữa. Nhiều khi chưa thẹn họ đã ngê đầu đỏ mặt, họ xem cái đặc điểm đó là ưu điểm, là nữ tính chân chính. Đàn ông tìm cái đẹp trong vẻ bình tĩnh thì đàn bà họ làm dỏm, họ tìm cái đẹp trong sự cảm xúc bối rối.

4.) *Nhưng đàn bà sống lâu hơn và chịu đựng bệnh tật giỏi hơn đàn ông.* Theo một bản thống kê của Hoa-kỳ năm 1942

thì đàn ông chết 602.228 người trong lúc đàn bà chỉ chết có 430 005 người. Ngay từ hồi còn là một cái bào thai, thì bào thai con gái đã mạnh hơn bào thai con trai : số con trai chết trong bụng mẹ nhiều hơn con gái ước chừng 25%. Cho đến những nguy hiểm lúc sanh nở con trai chịu đựng cũng kém con gái : số chết ngay lúc ra đời con trai nhiều hơn con gái 54%. Cho đến lớn lên nữ giới vẫn cứ giữ mãi được cái ưu thế ấy : tuổi thọ trung bình của họ bao giờ cũng hơn tuổi thọ trung bình của nam giới là 5 năm. Người ta để ý rằng vào khoảng dưới 30 tuổi, cứ một người đàn ông chết vợ là có hơn hai người đàn bà phải để tang chồng ; vào khoảng từ 30 đến 40 tuổi, cứ một người đàn ông góa vợ lại có đến 5 người đàn bà chết chồng.

Điều đáng ngạc nhiên hơn nữa là đàn bà có thể mắc nhiều bệnh hơn đàn ông, thế mà họ vượt qua dễ dàng hơn đàn ông. Như vậy về phương diện dẻo dai chịu đựng, thực phái đàn bà không phải là phái yếu. Tuy thế thành kiến đã ăn sâu trong xã hội rồi : đánh đàn bà dù bằng cái hoa cũng có lỗi, chia việc cho đàn bà toàn chia việc

nhẹ (Đàn bà làm công việc nấu ăn đến 91,5% chỉ có 8,5% đầu bếp đàn ông ; thêu dệt, đàn bà làm 84% ; làm đồ gốm, đàn bà 82% ; ngược xuôi buôn bán, đàn bà 26% ; săn bắn 3% ; còn trong kỹ nghệ về kim khí và trong việc trần mạc thì sự tham dự của đàn bà hầu còn rất ít).

Tâm lý đàn bà

TRỞ lên trên chỉ là những đặc điểm sinh lý của phụ nữ. Nhưng trong sự tìm hiểu người đàn bà, các đặc điểm sinh lý không quan trọng bằng các đặc điểm tâm lý. Chúng ta muốn biết về những khả năng trí thức và tình cảm nam giới và nữ giới khác nhau thế nào. Điều đó khó khăn và tế nhị : về mặt sinh lý, đàn bà có khả năng thụ thai còn đàn ông nhất định không, như vậy thực minh bạch rõ ràng ; nhưng về mặt tâm lý nếu bảo rằng đàn bà hay sầu muộn, thì nhiều cậu thanh niên lại « đàn bà » hơn là những bà cụ có con cháu ! Tuy vậy nhiều cuộc điều tra, quan sát, thí nghiệm, trắc nghiệm ? phỏng vấn rộng rãi cũng lưu ý chúng ta về một số nhận xét sau đây :

— Từ ngày một tuổi rưỡi, con trai đã thích xếp chồng những miếng gỗ lên cho thực cao, tới khi nào đổ xuống mới thôi. Còn con gái thì không « cất nhà lầu » cao như thế, chúng xếp những chồng thấp mà vững chải hơn.

— Con gái, từ 2 tới 4 tuổi nhớ hình giỏi hơn, nhớ màu giỏi hơn, biết nói sớm hơn, biết cởi mặc quần áo sớm hơn con trai.

— Con gái trong các trò chơi, cũng tỏ ra tỉ mỉ hơn, cẩn thận hơn. Chúng thường bắt chước người lớn giả cách làm những việc trong nhà thuộc về phần việc đàn bà (như nấu ăn, quét dọn, may vá, đi chợ v.v...)

— Con gái thích đọc sớm hơn con trai vì chúng sống yên tĩnh hơn, không mất nhiều thì giờ nhảy giỡn lang thang lung tung như con trai. Môn ăn tinh thần sở trường của nữ giới là sách báo nói về tổ chức gia đình, rồi đến những chuyện lòng ! Con trai lúc còn bé thì rất ghét cái môn chuyện lòng ấy.

— Con gái không giỏi toán bằng con trai. Nguyên do là vì cái thông minh của nữ giới không sở trường về sự suy luận trừu tượng. Đàn bà họ không

ưa phân tích, không ưa phiêu lưu vào trong những lý luận vô hình. Vì vậy khi nào có những vấn đề cần phải giải quyết bằng tranh luận gay go, họ khéo đặt cuộc tranh luận ấy trong một khung cảnh cụ thể để giúp cho sự giải quyết dễ dàng : mời dự một bữa cơm gia đình chẳng hạn.

— Trên khuôn mặt của người đàn bà vẫn có một vẻ gì cân đối hơn của người đàn ông. Một người đàn bà mà nhãn nhỏ, châu mày, mà trợn mắt tròn xoe, mà suy nghĩ đến nỗi trên trán dùn những lằn xếp... thì lại... hơi có vẻ đàn ông rồi đấy. Vẻ cân đối an hòa ở nữ giới biểu lộ một tâm lý ít bất khoan. Trái lại, ở người đàn ông thường có thắc mắc, lo ngại, hoang mang, tìm kiếm không ngừng... Chính vì vậy mà đàn ông có nhiều óc sáng tạo hơn : thiên tài trong nữ giới xưa nay vẫn hiếm hơn trong nam giới.

— Ngay từ hồi chưa đầy một tuổi con gái đã có những cử động khác con trai. Con gái vung tay múa chân dịu dàng, nhịp nhàng hơn, uyển chuyển, mềm mại hơn ; trái lại con trai đột ngột, rắn rỏi, cứng cỏi hơn. Lớn lên sự khác biệt ấy mỗi

ngày một rõ rệt : bước đi của đàn ông lụp chụp, đột ngột còn cử động của người đàn bà trong điệu đi liên tục hơn. Cử động của nam giới làm cho nó có ý nghĩa xung đột với ngoại giới, có ý muốn chiến thắng trở ngại. Cử động của nữ giới không coi ngoại giới như trở lực, nó bao hàm ý nghĩa thông cảm, thích nghi với chung quanh. Mỗi bên có mỗi cách thể riêng biệt trong sự tiếp xúc với sự vật, đối xử với xã hội.

Không có một người hoàn toàn đàn bà

NHỮNG điểm dị biệt về sinh lý và tâm lý nêu ra trên đây phải chăng có thể đưa tới kết luận : có một giống đàn bà khác biệt với một giống đàn ông ? — Không, không hề có sự tách biệt nào cứng nhắc như thế. Trong nữ giới dĩ nhiên có nhiều cá nhân có những đặc điểm « đàn bà » hơn trong nam giới. Nhưng giữa người đàn bà thật đàn bà và người đàn ông thật đàn ông có vô số mức độ trung gian, nghĩa là có những người đàn ông chia sẻ các đặc điểm phụ nữ và những người đàn bà chia sẻ các đặc điểm bên nam

giới. Hơn nữa lại có những anh chàng « đàn bà » hơn là nữ giới, và những thiếu nữ « đàn ông » hơn là các cậu.

Terran và Miles đã dùng một bản trắc nghiệm gần 450 câu hỏi để dò xét, câu trả lời nào biểu lộ nam tính thì đánh dấu +, câu nào biểu lộ nữ tính thì đánh dấu —. Kết quả về phía đàn ông xê dịch từ khoảng + 200 đến — 100, về phía đàn bà từ + 100 đến — 200. Như vậy ta thấy hai mức độ đều ngang nhau : bên nam phái kẻ « đàn ông » nhất được + 200 thì bên nữ phái kẻ « đàn bà » nhất cũng được — 200, bên nam phái kẻ « đàn bà » nhất có — 100, thì người « đàn ông » nhất bên nữ phái cũng được + 100.

Kết quả ấy có thay đổi tùy theo nghề nghiệp, tuổi tác. Các lực sĩ, kỹ sư thường đàn ông hơn là các tu sĩ và nghệ sĩ. Nữ lực sĩ và nữ bác học có thể « đàn ông » gần bằng các nam nghệ sĩ và nam tu sĩ. Những cô làm nghề đánh máy, uốn tóc, giáo viên, y tá là những cô gái « đàn bà » nhất. Về tuổi tác thì nam giới vào khoảng 16 tuổi là « đàn ông » nhất, từ đó về sau họ dịu dần xuống. Còn bên nữ giới thì có khác : 14 tuổi

các cô « đàn bà » nhất, rồi từ đó bớt dần cho tới trên 20 tuổi; trên 20 các cô trở lại mỗi ngày mỗi « đàn bà » thêm cho tới già. Như vậy con người cả hai giới càng về già càng mất bớt nam tính và phát triển nữ tính.

Tóm lại, nữ tính chỉ là một số đặc điểm, người ta thường gặp bên nữ giới nhiều hơn, nhưng cũng có thể gặp

bên phía nam giới. Và chẳng đó chỉ là những đặc điểm không thể nói hơn hay kém đặc điểm của nam tính. Giáo sư Buytendijk gạt hẳn vấn đề hơn kém giữa đàn bà và đàn ông ra, và nói rằng : « Chỉ có một sinh vật gọi là con người mà thôi ». . và « Không có một người cụ thể nào gọi là hoàn toàn đàn ông hay hoàn toàn đàn bà ».

THU THỦY

Nếu trong thời buổi có trật tự kỷ cương, người đàn bà là một trong những lực lượng bảo thủ nhất của một dân tộc, thì trái lại trong lúc hỗn loạn và thiếu kỷ luật, họ là một lực lượng phá hoại mạnh mẽ nhất vì sự xa hoa, sự trụy lạc và sự cố ý không sinh đẻ của họ.

HOÀNG CÔNG HÀ

Hai người đàn bà Việt đầu tiên kết hôn với người Pháp

NGƯỜI nước này kết liên với người nước khác, chuyện ngày nay rất thường và chẳng có ý nghĩa gì xấu xa. Cái việc « lấy Tây » chỉ hóa xấu là trong thời kỳ đồ hồ của người Pháp, nó thành ra một thứ « Kỹ nghệ » như lời Vũ-trọng-Phụng đã nói. Trước kia, khi sự giao thiệp giữa hai quốc gia còn bình đẳng, lịch sử đã ghi lại những cuộc hôn nhân giữa vợ Việt chồng Pháp, những người đàn bà ấy không được sự kính trọng của chồng và gia đình nhà chồng mà triều đình chính phủ hai bên cũng có thiện cảm đối với tính tình đức hạnh của họ.

Hai người đàn bà ấy là Benoite Huê và Nguyễn-Thị-Sen hay Madeleine Sen-Dống. Và chồng hai bà đều thuộc hạng khai quốc công thần của Gia-Long cả : cô Benoite Hồ-Thị-Huê lấy ông Jean Baptiste Chaigneau ngày 18-8-1802 và cô - Madeleine Sen-Dống lấy ông Philippe Vannier, ngày 11-11-1811.

Hai ông này vốn thuộc người Pháp tinh nguyện theo Bà-Đa-Lộc sang giúp Nguyễn-Ánh đánh Tây-Sơn, được phong quan tước và giúp đắc lực chúa Nguyễn trong việc luyện tập quân sĩ, làm tàu, đúc súng... và từng lập được nhiều chiến công.

Khi thống nhất được lãnh thổ, Nguyễn-Ánh lên ngôi, thì chỉ

còn có ba người Pháp ở lại làm quan tại triều : Despiaud, Chaigneau và Vannier, và cũng được Gia-Long trọng đãi.

Chaigneau được Nguyễn Ánh đặt cho tên Việt là Nguyễn-văn-Thắng, còn được gọi là chúa Tàu Long.

Vào khoảng giữa năm 1802, trước khi ngự giá Bắc tuần vua đầu nhà Nguyễn có thân mật nói với Chaigneau :

« Sao ? Khanh còn đợi bao giờ mới cưới vợ ? Người ta ở đây chỉ trích sự thủ tiết của khanh lắm đó. Quả nhân cũng dư biết rằng khanh theo những nguyên tắc rất nghiêm khắc, nhưng đạo của khanh không phải ở trên đầu môi chót lưỡi mà thôi đâu. Quả nhơn có thể giới thiệu với khanh một người vợ hiền, song chắc khanh từ chối vì người ấy ngoại đạo. Vậy thì khanh nhờ cố Verène chọn cho một người trong đạo, để cho các bạn đồng liêu hết cười khanh khi họ gọi khanh là ông quan không vợ ».

Lối hai tháng sau, ông làm lễ thành hôn với cô Benoite Huê, tại nhà thờ làng Phurong-Đức.

Cô Huê vốn người làng Thọ-Đức (Huế), con ông Hồ-văn-Hung và có sáu anh em. Trước trận đại chiến vừa rồi người ta còn thấy giầy cưới của ta ở tòa án Lorient thuộc miền Bretagne.

Cặp vợ chồng Pháp-Việt đầu tiên này sống chung được mười ba năm và sinh được mười một đứa con. Thật là một kết quả tốt đẹp. Khi sinh đứa con chót thì bà Benoite Huê từ trần ngày 12-9-1815. Người con trai đầu của bà, cậu Michel Đức đã chưa xót ghi : « *Cette sainte femme mourut par suite de la maladresse d'une sage-femme* ». (Người đàn bà thánh đức này chết vì sự vụng về của cô mụ).

Tưởng nên nhắc sau ngày cưới, Jean-Baptiste Chaigneau được vua Gia-Long, sau khi tuần du ở Bắc-Hà về, phong chức hầu (Thắng-Đức-Hầu) và cô Hồ-Thị-Huê được phong chức Trinh liệt phu nhân.

Bà Benoite Huê được chôn tại làng Phước-Quả (Phủ-Cam, Huế) cùng bốn người con trai và hai người con gái lúc tuổi còn thơ.

Bà chết, ông Chaigneau rất đau buồn. Năm năm sau (1820), ông dẫn năm người con về Pháp.

Cái kết quả của hai dòng máu Pháp-Việt ấy đã tỏ ra thông minh từ thuở nhỏ. Cậu Michel Đức nói tiếng Việt rất thạo. Và lên tám, cậu đã nói được chữ Hán với vua Gia-Long. Có hôm cậu cùng cha vào nội, vua Gia-Long kêu cậu lại, vuốt mũi, cười nói với ông Chaigneau : « Khanh giỏi thật ! Khéo nắn cái mũi con Khanh giống mũi người Việt lắm ! » Chữ quốc ngữ, Michel Đức rất thạo, cậu làm hai quyển thơ, in tại Pháp, năm 1876, với nhan đề : « Thơ Nam-Kì » và « Thơ tiếp theo thơ Nam-Kì. »



CÒN cô Nguyễn-Thị-Sen, người ta thường gọi là Madeleine Sen (cô cũng là người theo đạo Da-Tô như cô Benoitte Huê), trong giá thư, ghi Madeleine Sen-Dống (Dống là tên cha). Cô người làng Phường Đức, cha là Nguyễn-Văn-Dống, hai anh là Nguyễn-Văn-Hương và Nguyễn-văn-Hữu.

Điểm đặc biệt là bà Philippe Vannier, tức bà Nguyễn-văn-Chấn (Nguyễn-văn-Chấn là tên Việt do Nguyễn-Ánh đặt cho, còn được gọi là chúa Tàu Phụng) được sang quê chồng (1) sống ở Pháp, sanh cơ lập nghiệp ở đấy, và được gặp đoàn sứ bộ Việt-Nam (2) tại Paris, khi sứ bộ qua Pháp để điều đình việc chuộc lại ba tỉnh Biên-Hòa, Gia-Định, Định-Trường (Tự-Đức năm thứ 16, 1863). Bộ « Tây hành nhật ký » (3) chép chuyện hằng ngày về việc đi sứ này, do Phan-Phú-Thứ thảo, có ghi chuyện bà Nguyễn-Thị-Sen đến thăm sứ bộ và đến dự lễ Vạn Thọ.

Chúng tôi xin sao lại đây bản dịch của bạn Nễ-Uy đăng

(1) Trần-Trọng-Kim ghi năm 1824; Phan-Khôi chép : 1829; còn theo lời bà Sen thì : 1826 (1863-67).

(2) Gồm có Phan-Thanh-Giản, chánh sứ, Phạm-Phú-Thứ, phó sứ và Ngụy-Khắc.

(3) Theo Nễ-Uy, thì chính bộ nhật ký này tên là « Tây trình nhật ký » chứ không phải là « Như Tây sứ trình nhật ký » như lời chú Bulletin des amis du vieux Hué dưới bản « l'Ambassade de Phan-Thanh-Giản » của Nguyễn-Đình-Hòe (số 1 nhị và 2, tháng tư tháng 6 năm 1919).

trong tuần báo « Thanh niên », số 33, ra ngày 29-4-1944, đề hẳn bạn đọc một sử liệu lý thú và cảm động. Từ đây, tất cả chú thích đều là của dịch giả).

« Ngày 23 tháng 8 năm Tự-Đức 16 (5-10-1863)...

« Chiều, có bà Nguyễn-Thị-Sen, vợ của Nguyễn-văn-Chấn, nguyên quản Tàu *Phụng*, cùng con gái là Ma-Duy (4), từ Lô-Ri-Ăn (5) đến quán sứ bộ thăm. (Mười ngày trước, bà ta nghe sứ bộ lời, viết thư nhờ ông Hà-Ba-Li (6) đưa lại, ông Hà-Ba-Li đã đưa, bèn viết thư trả lời, bà ta được thư, liền cùng con gái đáp xe lửa đến Pha-Li (7) thuê quán ở.

« Bà ta cảm thấy đồng bào, cảm động lụy rơi ràn rụa và nói rằng theo chồng về Tây đến nay đã *bấm bảy năm*, bà ta được *bảy mươi lăm tuổi rưỡi*; (theo cách Tây, đủ mười hai tháng mới gọi một tuổi) chồng bà hồi còn sống có hứa sẽ đem bà về Nam, chẳng dè ông ta qua đời; bà thì tuổi tác già nua lại thêm bị con cái ngăn trở: ngày về thôi đã hết rồi!

« Bà có ba trai, bảy gái. Một trai có con được hai mươi tuổi theo quan Tây sang Gia-Định. Hai gái có nhà cửa; Ma-Duy sanh ra được hai tuổi thì về Tây; nay đã *bấm chín tuổi*, có một trai mười *bảy tuổi* nói học đã thông.

« Nay sứ bộ nước nhà qua cho phép bà đến thăm thật là ngoài lòng ước ao của bà! Hân hạnh cho bà biết bao! Bà bèn cung tay kính thăm Hoàng đế vạn an.

« Nhân đó bà khai rằng chồng bà hồi Gia-Long, Minh-Mạng có được vua thưởng triều phục và bà được ban hơn mười bộ áo quần rất đẹp, nay còn giữ cất, bà xin muôn vãn ghi nhớ.

« Chúng tôi khiến đãi trà bà. Bà nói chuyện rằng nhà bà ở tại Phường-Đúc (8), cha là Nguyễn-văn-Dống, anh là Văn-Hương,

(4) Marie

(5) Lorient

(6) Subaret

(7) Paris

(8) Chú tượng Phường.

Văn-Hữu ; đã từng làm tá cai đội dưới thuyền. Từ khi bà đi, tin tức thư từ không có đã lâu.

Bà ta hỏi thăm cùng trong sứ bộ ; nhưng chỉ có Tạ-Huệ-Kế và Ngô-văn-Nhuận nghe biết sơ về việc nhà bà. Bà lại nói hai mươi năm trước, nhờ có người nước ta là Văn-Liều (đó là tên của Tôn-thất-Thường khi ấy ; Thường đã mất) và Đồng có trú tại nhà bà ; vợ chồng bà chẳng ngờ được gặp, tình làng nước khôn xiết mừng vui ; chẳng biết ngày nay người ấy còn không. Chúng tôi nửa quên, nửa nhớ, đáp rằng đó là người của Thượng-Bạc sai đi mua đồ, Bà bồi hồi nửa vui nửa buồn.

« Chỉ tại ở lâu ngày bên Pháp nên bà ít nhớ tiếng ta ; trong khi chuyện trò, có khi bà sen tiếng Pháp vào thì cô gái bà ở bên cạnh liền nhắc (có Ma-Duy cũng hiểu một vài tiếng ta). Ông Hà-Ba-Lí và ông Li-Á-Nhi (9) ngồi đấy đều lấy làm vui lắm. Giờ lâu ai nấy đều cáo về quán trọ. » (*Tây hành nhật kí*, quyền giữa, tờ 19 và 20).



« **NGÀY 25 (10)** là ngày lễ Vạn Thọ. Hai ngày trước, chúng tôi nói với người cai quán tên là A-Giam-Bề (11) dọn một bữa tiệc bốn cỗ :

« Chúng tôi muốn, trong lúc đi ra, tỏ lòng mừng chúc của tất cả sứ quan, viên thuộc, lính tráng. Chúng tôi có mời các ông bà Lê (11), Hà-Ba-Lí, Li-A-Nhi, A-Tô-Mang (11) cùng ông Mô-Tô-Uy (11) ; ông này, khi trước làm quan năm tại Định-Tường, thường hay thăm chúng tôi (từ trung tuần tháng này, ông năng đến, nhà ông ở gần sứ quán). Vừa lúc đó, ông Nguyễn-văn-Đức (12) bà Nguyễn-Thị-Sen cùng em trai là Nguyễn-văn-Lê (người này hôm nay mới theo đến thăm lần đầu, y đã được năm mươi một tuổi) và con gái là Ma-Duy đều đến dự tiệc. (Bà

(9) Ricunier (theo Khương — Việt).

(10) Tháng tám, tức là ngày 7-10-1863

(11) Không biết tên Pháp là gì

(12) Tức Đức Chaigneau, con của J.B. Chaigneau

Sen bạn đồ ta : khăn nhiều áo lót bằng hàng mỏng có bông. Cô gái của bà cũng khăn áo như thế. Bà ta nói đó đều là của vua ban. Theo đến ông Lý-A-Nhi là ký lục Tôn-Thọ-Tường, Phan-quang-Hiệu và thông ngôn Trương-vĩnh-Ký, Nguyễn-văn-San. Mấy người này cùng những người coi việc trong quán đều ngồi bàn riêng dự tiệc.

Trong tiệc, Hà-Ba-Lí đưa cho chúng tôi một phong thư của ông đại học sĩ Đò-Du-Anh-Đê-Luy (13) và nói rằng nhân dịp lễ Vạn thọ, quan đại học sĩ xin chia vui cùng nước ta, và vâng mạng Quốc Trưởng họ, trình cho sứ bộ một bức thư tỏ lời mừng chúc thành tâm. Chúng tôi đáp lại rằng : « Rất cảm ơn tấm thịnh tình ấy, chúng tôi xin trân trọng lãnh thư và xin sẽ trả lời. »

« Đến tối, trên cây, trước sân quán, trên cửa, trên tường, các nơi đều có treo đủ thứ lồng đèn gương, lồng đèn giấy màu. Chỗ vườn quán giáp với mặt phố thì đốt pháo bông.

« Ông Bà-Lê cùng với mấy người Pháp khác ở lại chuyện trò, xem chơi đến canh ba ra về. Hôm ấy trời vừa mưa, vừa sấm một khắc (14) mới tạnh.

« Hôm trước, khi chúng tôi đã khiến người ta dọn tiệc thì ông Hà-Ba-Lí đến và nói năm ngoái, cũng ngày này, qua An-Giang gặp lễ Vạn thọ, xem đốt pháo bông đẹp lắm. Chúng tôi liền hẹn mời ông ta đến dự tiệc ; ông ta đáp rằng sứ ta ở tại nước ông thì đó là phận sự của ông ta.

« Đến ngày sau, chúng tôi đưa ra năm mươi lượng bạc giao cho viên coi việc dọn tiệc để sắm sửa. Viên ấy nói quan đại học sĩ đã xuất tiền để lo liệu rồi nên không dám nhận. Đến chiều, ông Hà-Ba-Lí đến nói với chúng tôi để cho quan bộ Lễ họ làm thế chúng tôi dâng lễ một lòng tôn kính và một tình mừng vui thành thật chung, và xin chúng tôi chờ lấy việc đó làm ngại. Chúng tôi bàn với nhau rằng nước họ đã có lòng tốt như thế thì hãy đợi tiệc xong sẽ tính.

(13) Prouyn de Shuys.

(14) Tức 15 phút.

« Ngày đó, khi quan bộ Lễ họ đến chúc mừng rồi, ông Hà-Ba-Li đưa bà Nguyễn-Thị-Sen ra giới thiệu ân cần. Vị quan kia xây về phía mẹ con bà, bắt tay chào và nhượng bàn ngồi trên trường kê chuyện văn, hỏi han. Chúng tôi hỏi mới biết rằng phương Tây trọng đàn bà : phạm có tiệc tùng đàn bà đều dự, cách đãi đằng y như đối với đàn ông, chớ chẳng riêng biệt gì cả, dầu chưa từng quen biết nhau cũng vậy. Lễ của họ như thế mà bà Nguyễn-Thị-Sen lại là người nước ta nên quan Pháp càng khen, càng chuộng. » (*Táy hành nhứt kí*, quyển giữa, tờ 31b và 32).

Bản dịch của Nễ-Uy tới đây là hết.

Phan-Khôi dựa theo bộ sách trên kể tiếp cho chúng ta được biết thêm (Hà-Nội báo, số 17, ngày 29-4-1936) :

« Trong những ngày sứ bộ ở Paris, mẹ con bà Nguyễn-Thị-Sen cứ hay tới lui sứ quán mà thăm viếng các quan. Tối hôm mừng 10 tháng 9 (ta) các quan trong bộ Ngoại giao Pháp đến chơi ở sứ quán thì cũng có gặp mẹ con bà ở đấy. Các quan hỏi biết lai lịch của bà thì ai nấy đều khen lao và an ủy.

« Hôm đó, ba vị sứ thần hỏi bà Nguyễn-Thị-Sen ở lâu tại Paris như thế, chẳng kéo hồ bẻ công việc ở nhà chẳng. Bà nói con cái đã ở riêng cả rồi, việc nhà chẳng có gì hệ lụy. Còn không bao lâu nữa sứ bộ về nước, bà muốn ở lại tiễn chân bà mời ăn tâm.

« Quả nhiên đến ngày 26 tháng 9 (ta), các quan sứ thần sắp sửa dời Paris để đi sang I-Pha-Nho thì mẹ con bà Nguyễn-Thị-Sen lại đến sứ quán tống biệt. Cố nhiên lần này bà phải khóc nhiều hơn lần trước.

« Các quan sứ thần chi ra 50 lượng bạc, 10 ngàn tiền, 10 tấn vừa the vừa lụa cấp cho mẹ con bà. Số bạc và lụa chi cấp ấy về sau có đem bảng kê khai trình Ngự lãm.)

LẬT lại trang sử cũ, chúng ta cảm mến hai bà « người đàn bà kết hôn với người Pháp » đầu tiên này.

Bà Hồ-Thị-Huê sau mười ba năm chẵn gởi mất đi, để lại cho người chồng Pháp ly hương một nỗi buồn đau sâu đậm.

Bà Nguyễn-Thị-Sen thì lại lìa quê mẹ để gánh vác giang san nhà chồng. Và tuy sống ở nước người gần bốn mươi năm, bà vẫn không quên đất tổ : tìm thăm sử bộ nước nhà, cùng con gái mặc đồ quốc phục dự tiệc, tổ tình lưu luyện người đồng hương. Quả hai bà là những người đã làm rạng danh quê nhà phần nào và đáng cho chúng ta quý mến.

HOÀNG CÔNG HÀ

(viết theo Hà-Nội báo (1936) và báo Thanh-niên (1944)

Trong 100 người đàn ông hư hỏng trên thế gian, 99 người nhờ đàn bà cứu vớt, và chỉ có một người là được hưởng trực tiếp ơn Thánh-Chúa.

ĐÔNG MAI

Nữ tính và chức nghiệp

TR Ư Ớ C pháp luật, người đàn bà bây giờ được đặt ngang hàng với người đàn ông.

Bản « tuyên ngôn nhân quyền » ngày 10-12-1948 đã công nhận rằng : tất cả con người đều được tự do và bình đẳng về phương diện nhân phẩm và pháp luật, không phân biệt chủng tộc, màu da, đàn ông hay đàn bà.

Hiến chương Liên Hiệp Quốc cũng công nhận công lý căn bản ấy.

Qua năm này, sang năm khác, qua thế hệ này đến thế hệ khác, các mẹ, chị, chúng ta đã đóng góp một phần lớn vào mọi công cuộc xây dựng xã hội. Dần dần sự cách biệt giữa hai phái bị xóa nhòa, người phụ nữ cứ tiến dần từ trong gia đình bước ra ngoài xã hội, tham gia vào đủ mọi công việc sánh ngang với người đàn ông. Dù muốn dù không người đàn bà hiện nay cũng là một người bạn đường của người đàn ông trong cuộc tiến chung của xã hội.

Từ đã lâu, điều tất đúng là người đàn ông vẫn tỏ cả cái sức mạnh của bắp thịt. Thời cổ xưa, họ phải đi săn để cung cấp thức ăn cho gia đình. Vì thế không những họ chỉ làm cái công việc nuôi dưỡng mà lại còn đem cả sự hiểu biết ở bên ngoài về cho những người trong nhà.

Trong khi ấy thì người vợ ở nhà lo cơm nước và trông nom con cái. Những kỳ công của người đàn ông tất nhiên khiến cho người đàn bà khâm phục và coi như một bậc trên mình. Song những công việc mới đây của các nhà nhân chủng học, và theo những bản thống kê, thì người ta có thể kết luận rằng « Chính thống giống khoẻ lại là giống mà xưa nay người ta gọi là phái yếu. »

Ngay bây giờ người ta đã chứng minh được rằng, dù người đàn bà sinh nở nhiều nữa vẫn sống lâu hơn đàn ông. Những công trình của giáo sư Montaigu chuyên khảo về tương quan các chủng tộc, đã đưa ra các chứng cứ tỏ ra rằng người đàn bà mạnh hơn đàn ông :

— Người đàn bà có một tinh lực mạnh mẽ và một cơ thể chịu đựng hơn đàn ông.

Họ chịu đựng những bệnh truyền nhiễm, những bệnh về tim dễ dàng hơn ;

— Sự chịu đựng về thần kinh hệ của người đàn bà cũng hơn đàn ông, một cô gái đánh máy chữ chịu đựng chứng nhức đầu ghê gớm hơn hẳn một nhà điễn kinh, một võ sĩ hạng nặng. Bất cứ ở xứ nào, số đàn ông tự tử cũng gấp ít nhất là năm lần đàn Bà.

Phái nam thường tuyên truyền một cách quả quyết rằng : « phái nữ làm việc ít quá, người đàn ông phải làm mọi việc khó nhọc trong công tác chung.

Một nhà nhân chủng học khác, ông Daric muốn tìm hiểu xem ý tưởng ấy có đúng không, bèn mở một cuộc điều tra, kết quả cho thấy : hiện thời công việc của phụ nữ Pháp trong các ngành hoạt động về chuyên môn hay gia đình lên đến 46 tỷ giờ.

Ở các nước Anh, Bỉ, Mỹ người ta cũng làm một cuộc điều tra, thì thấy tổng số giờ làm việc tỷ lệ so vẫn hơn đàn ông.

Khi nói đến trí thông minh của phụ nữ, các nhà giáo dục công nhận suốt thời kỳ học ở bậc tiểu học và trung học sư thông minh của nữ sinh vẫn trội hơn nam sinh. Vẫn theo giáo sư

Montaigu thì ở bậc đại học, số nữ sinh viên vẫn tỷ lệ mỗi ngày vẫn tăng lên.

Bây giờ vấn đề đặt ra không còn là sự nghi ngờ giá trị của người đàn bà ngang hay không ngang với người đàn ông, mà chỉ là phân biệt những khả năng đặc biệt để tìm ra con đường phát triển thích hợp riêng cho mỗi bên mà thôi.

Chín phụ nữ Pháp nổi danh trong các ngành hoạt động : Văn, họa, kịch, nhạc, luật, điện ảnh v. v... sẽ nói với các bạn về những đức tính riêng của phụ nữ qua ba câu hỏi trong một cuộc phỏng vấn của tạp chí « LA FAMILLE ET LA VIE », xuất bản ở Ba Lê gần đây :

1— Những đức tính đặc biệt nào của phụ nữ đã giúp ích gì cho nghề nghiệp của bạn ?

2— Do đức tính nào mà bạn thành công ?

3— Bạn có cho rằng sự giải phóng phụ nữ là điều hay không ?



Ở một vài trường hợp, người đàn bà có thể kém người đàn ông. Trong nghề làm luật sư, có lẽ họ kém ảnh hưởng về sức lực, nhất là khi nói. Song trái lại, họ biết lợi dụng những nữ tính khiến cho cái không khi thành hòa điệu, trở nên thân mật hơn.

— Tôi biết lợi dụng cái dụng nói của tôi, phần khác sự rung cảm của người đàn bà đã giúp tôi gần gũi khách hàng của tôi, do đó cho họ thêm lòng tin cậy.

— Tôi rất thành thật tin tưởng ở cuộc giải phóng phụ nữ. Cái thời mạnh mẽ của kẻ cầm dao cung đã qua rồi vì nay người ta chỉ tranh đấu bằng trí óc, cho nên tôi chắc rằng giá trị người đàn bà cũng ngang như đàn ông ».

Germaine Sénéchal

(Nữ Luật sư)

« **K**HI tôi thực hiện cuốn phim đầu tiên « *Les Malheurs de Sophie* », một nhà sản xuất nói với tôi : « Tôi phân vân việc trao hàng mấy chục triệu cho người đàn bà còn ít tuổi ». Suốt đêm hôm ấy tôi buồn bã không ngủ ?

— Tôi phản ứng theo tính cách phụ nữ. Người đàn bà có quan niệm riêng và quan sát nhìn sự vật khác hẳn đàn ông. Tôi thực hiện những cuốn phim bằng một con mắt đặc biệt của người phụ nữ chẳng hạn như cuốn phim *GiGi* là bằng cớ.

— Tôi hết sức kiên nhẫn, tôi bước dần từng bước và lật nhào tất cả những chương ngại vật trước mắt.

— Để chống đỡ với cuộc sống hiện thời, để đi theo kịp bước tiến hóa, khi có hai người không phải là thừa. Tôi nghĩ không có lý nào lại ngăn sự giải phóng của phụ nữ ».

Jacqueline Audoy
(Điện ảnh gia)



« **N**OI nào người đàn ông không vào được thì người đàn bà vẫn len lỏi được. Người đàn ông không trông rõ những điều tiết khắp nơi, chỗ nào người đàn bà cũng như một người mẹ.

— Tôi không thành công. Tôi quá ham mê những cái gì đồ sộ. Trong năm phút để tiếp đón các thân hữu, tôi đã tiêu tất cả tiền thu trong một tháng.

— Phụ nữ là cái rún của vũ trụ, chỗ ngồi của họ rất nhỏ nhoi, bên cạnh tay lái gần người đàn ông. Dù muốn dù không thì sự giải phóng phụ nữ cũng đã hoàn tất.

A. Ronbé Jansky
(Giám đốc kịch trường ở Balé
viết báo, tác giả nhiều bộ sách)



« **N**GUỜI đàn bà kiên nhẫn hơn đàn ông. Tôi làm việc rất ghê gớm tôi không ngại gì khi phải thức suốt đêm làm việc

— Tôi thành công do cái tên tôi mang. Tôi là người giúp việc rất đặc lực, luôn luôn bên cạnh chồng tôi. Khi chồng tôi chết đi, tôi tiếp tục công việc như cũ.

— Có và không. Điều làm cho tôi khó chịu hiện thời là lẽ ra người đàn bà nghĩ đến sự sinh con, đẻ cái, và dạy dỗ chúng thì lại đi kiếm tiền. Tôi không có con, chỉ có một con nuôi. Trong khi tôi săn sóc nó tôi vẫn làm được công việc chuyên môn ».

Gabrielle Flammarion

(Giám đốc đài thiên văn Javisy)



« **T**ÔI là một người đàn bà rất kiên nhẫn trong công việc. Tôi không tin ở may rủi.

— Cái mức văn minh của một dân tộc do ở địa vị của người đàn bà. Giải phóng phụ nữ là một việc thiết yếu. Chống với cuộc tiến hóa của phụ nữ, chẳng khác nào chủ trương kỳ thị chủng tộc. Tôi rất tin tưởng ảnh hưởng của phụ nữ trong dân chúng. Tôi không đòi hỏi một chế độ mẫu hệ, song muốn rằng các cô gái phải có một nghề trong tay ».

J. Alexandre Debray

(Luật sư Phó chủ tịch hội đồng thành phố hạt Seine)



« **Đ**ƯA con gái nhỏ sẽ làm gì, trong khi đưa trai nhỏ chơi làm lính bắn súng ? Nó cũng có lối chơi đặc biệt của nó. Nó giả làm mẹ, đỡ con bú bê. Ngay từ tuổi thơ ấu, nó đã học tập theo mẫu tính.

— Bạn gái trẻ muốn gì ? vào các công tư sở làm việc hành chánh Theo một thiên điều tra có đến 59% thiếu nữ xung vào công việc hành chánh. Thật là đáng thương hại.

— Sự giải phóng phụ nữ sẽ rất hay, nếu để họ đứng trước những trách nhiệm của họ ».

Yvonne Foinant

(Phó chủ tịch ủy ban kim khí)



« **T HÊU** may là nghề của phụ nữ. Muốn thêm hiểu nghề đó, phải đúng là phụ nữ. Người đàn bà ăn mặc, trang điểm là thiên tính và họ có tính thích làm đom. Về nghề thêu may, họ khéo léo, họ cắt và may giỏi. »

— Trước kia tôi có học qua lớp kiến trúc tôi có khiếu về các màu sắc và pha màu.

— Tôi tin ở sự giải phóng phụ nữ. Có những người sinh ra như chỉ để làm mẹ, cũng nhiều người có tài năng vượt hẳn đàn ông. Tôi vẫn nghĩ rằng vai trò của người đàn bà trong gia đình là rất cần thiết ».

Carmen de Thomasso

(Giám đốc nhiều tiệm y phục và thêu may)



« **T ẤT** cả con người đều có lẫn nam tính và nữ tính. Vốn là một phụ nữ, tôi không muốn nói đến những đức tính của người đàn bà. »

— Nói đến thành công, thì ở về phương diện nào ? Thực hiện hay kết quả ? Một đức tính « phụ nữ » giúp ích cho tôi trong mọi hoạt động nghệ thuật đó là ý thức của chân và mỹ.

— Tất nhiên tôi hoàn toàn đồng ý ».

Léonor Fini

(Họa Sĩ, có nhiều tác phẩm trong viện Bảo tàng nhiều nước)

« **TÔI** không nghĩ đến sự đặc biệt của nam tính hay nữ tính. Cả hai đều không có gì quan trọng. Điều đáng kể là giá trị của tác phẩm.

— Sáng tác nhạc đòi hỏi nhiều sự cần cù kiên nhẫn và tâm hồn vui vẻ.

— Giải phóng phụ nữ là điều rất hay, miễn người đàn bà đừng thay thế người đàn ông. Họ không được đi quá trớn. Tôi đã sống theo một khuôn khổ hoàn toàn của một phụ nữ, một người mẹ, một người bà ».

Germaime Faillferre.

(Nhạc sĩ thường soạn nhạc cho sân khấu và điện ảnh)

ĐÔNG MAI

VI VỮ

Sức mạnh của phái yếu

Từ xưa đến nay người phụ nữ vẫn bị coi là phái yếu.

Riêng ở Việt-Nam ta, quan niệm ấy lại càng phổ biến một cách sâu rộng từ giới bình dân đến thượng lưu trí thức.

Tục ngữ có câu : « một trăm con gái không bằng cánh tay trái đàn ông » đã nói lên tất cả sự miệt thị của nam giới đối với sức mạnh thể xác của phụ nữ. Hạng bình dân đã thế, mà các bậc thượng lưu trí thức cũng không kém gì. Trong các áng văn chương, người đàn ông được tượng trưng bằng cây tùng cây bách là loại cây cứng cáp mạnh mẽ, không sợ mưa lạnh gió bão, luôn luôn che chở cho loại cây tầm gửi yếu ớt là phụ nữ.

Nghìn tâm nhớ bóng tùng quân

Tuyết sương che chở cho thân cất đấng

(Kiều)

Nhưng người ta đã làm... lắm to. Ngày nay, khoa học đã khám phá ở người đàn bà những tiềm lực lạ lùng vượt hẳn người đàn ông. Một nhà khoa học trứ danh, chuyên môn nghiên cứu về tim đã nói : « Chính phụ nữ mới là phái mạnh ».

Trong phong trào thi đua khám phá không gian đương diễn ra sôi nổi giữa hai phe Nga Mỹ hiện nay, người ta bàn tán xôn xao về « người đàn ông » đầu tiên sẽ được phóng lên không gian.

Nhưng các nhà bác học lại cho rằng con người đầu tiên của không gian đó phải là đàn bà mới hợp lý. Là vì không những người đàn bà nhỏ hơn hoặc vì họ có sức chịu đựng nóng lạnh hơn đàn ông nhờ cơ thể điều chỉnh nhiệt độ hoàn toàn hơn, mà nhất là vì họ có khả năng sinh tồn đặc biệt, một thứ khí giới bí mật chống lại những sự tấn công về vật chất cũng như tinh thần.

Thế là, các giới khoa học đã công nhận người đàn bà là phái mạnh. Và quả thực như vậy.

Các cơ cấu thích nghi của người đàn bà tinh xảo hơn người đàn ông. Cơ thể họ chịu đựng những cuộc mồ xẻ hơn, và có sức kháng cự hầu hết các bệnh tật.

Trong trận thế chiến vừa qua, các bác sĩ đã có dịp nhận thấy người đàn bà có sức chịu đựng những cảnh ghê sợ của các trại tập trung hơn đàn ông. Họ cũng tỏ ra can đảm hơn đàn ông, trong những cơn hoạn nạn, nhất là lúc gia đình gặp tai biến.

Trong các an dưỡng đường thần kinh, người ta thấy đàn ông nhiều hơn đàn bà và theo các bảng thống kê, số người đàn ông tự tử vẫn nhiều hơn.

Không những thế, người đàn bà cũng sống lâu hơn. Kề ra người đàn bà năng chịu đựng vật hơn đàn ông, nhưng họ lại hơn đàn ông ở chỗ có sức chống lại hết mọi bệnh nặng, trừ ra bệnh đường. Trong 64 nguyên nhân chính gây nên sự thiệt mạng—kể cả các tai nạn, các lật bầm sinh, ốm đau, án mạng và tự sát—có đến 57 nguyên nhân năng xảy đến cho đàn ông hơn đàn bà.

Tất cả các hiện tượng đó phải giải thích như thế nào?

Có người cho rằng cuộc sống văn minh ngày nay mang lại cho nam giới quá nhiều nặng nhọc. Nhưng thực ra thuyết này không đứng vững được. Số là vị linh mục dòng Tên, cha Francis Madigan đã hợp tác với một nhà xã hội học nghiên cứu mức sống lâu của 37.000 tu sĩ chuyên ngành giáo dục thuộc cả hai giới. Cuộc điều tra nhằm nghiên cứu một khoảng thời gian 50 năm và trong

lúc đó các tu sĩ hai giới tiếp tục sống cuộc đời gương mẫu thường ngày của họ. Năm 1957 hai nhà nghiên cứu đã tổng kết cuộc khảo sát và nhận thấy rằng về phương diện sống lâu, nữ tu sĩ hơn nam tu sĩ là, 1 năm trong năm 1960 và vào những năm sau, con số ấy tăng lên tới 5, 8, gần giống với kết quả thống kê dành cho những người sống ngoài đời. Do đó, điều kiện cuộc sống ngày nay hình như không có ảnh hưởng gì đối với sự sống lâu của hai giới... Vậy chỉ còn một cách tìm hiểu điều bí mật trên là đến chất vấn các nhà sinh-vật-học.

Phản ứng đầu tiên của một nhà sinh vật học là đi tìm nguyên nhân ở nhiễm sắc thể (chromosome) bỏ túc, xuất hiện ở người bà lúc bắt đầu thụ thai (nhiễm-sắc-thể chứa đựng những yếu-tố di-truyền). Nên chú ý rằng người đàn ông vốn dễ mắc một số chứng bệnh di truyền như chứng xuất huyết, chứng sắc mạnh và hàng trăm chứng khác, có liên hệ với nam giới; các cuộc nghiên cứu sinh vật học hiện nay còn tìm thêm nhiều chứng bệnh khác nữa, như chứng thiếu go-lô-bu-lin là chất của huyết thanh có công dụng chống cự các chứng bệnh truyền-nhiễm. Khi các loại thuốc trụ sinh chưa ra đời, các trẻ nam mang chứng bệnh nói trên đã ngã gục trước khi người ta kịp khám phá chúng bị bệnh gì.

Chắc chắn rằng cái dấu hiệu rõ ràng và lý thú nhất giúp ta biểu hiện tượng đàn bà sống lâu hơn đàn ông bộc lộ trong thời kỳ thai nghén. Ngày nay, nhờ các tiến bộ kỹ diệu của ngành y học, người đàn bà ít gặp phải những nguy hiểm đến tánh mạng trong lúc lâm bồn, và vì vậy số tử của nam giới gần xấp đôi nữ giới trong lứa tuổi từ 25 đến 44.

Bác sĩ Jeremiah Stamler, phụ trách việc nghiên cứu bệnh tim ở Hội đồng Vệ sinh thành phố Chicago cho rằng các chứng bệnh quan trọng động mạch (artères coronaires) giúp ta am hiểu nhiều về ưu thế sống lâu của phụ nữ. Những chứng bệnh này năng xảy đến cho đàn ông hơn đàn bà đến 5, 6 lần trong lứa tuổi trên. Từ 45 tuổi trở đi, số người đàn ông mắc chứng quan trọng động mạch lại tăng lên, cũng như những người đàn bà bị hoạn vì trường hợp giải phẫu hoặc tắt kinh sớm.

Hiệu như sự thai nghén có liên quan ít nhiều với tình trạng các động mạch quan trọng (các động mạch quanh trái tim và dạ dày).

Vì vậy, người ta nghĩ rằng nguồn gốc của vấn đề là các kích thích tố chũng tính (hormones sexuelles) : kích thích tố dương và kích thích tố âm. Giới nào cũng mang cả 2 kích thích tố ấy, nhưng số lượng khác nhau. Kích thích tố âm thường có tính cách làm dịu và gây ảnh hưởng trên toàn cơ thể người đàn bà trong thời thai nghén. Trái lại kích thích tố dương có tính chất gây hưng khởi, làm tăng sự biến hóa cơ thể, làm tim đập nhanh và thở mạnh. Vì vậy người ta nghĩ rằng đàn ông chống tiêu hao sức lực hơn đàn bà.

Khi bắt đầu nghiên cứu về chất dăm-chi (cholestérol), các nhà chuyên môn về tim nhận thấy rằng ở đàn ông — và cả những người đàn bà lớn tuổi — những cơn đau tim bao giờ cũng đi đôi với một số lượng mỡ khá cao trong máu. Năm 1950, người ta bắt đầu chích kích thích tố âm cho những bệnh nhân ấy, thì thấy số lượng mỡ lại hạ xuống ngang mức bình thường ở một người đàn bà. Trái lại, kích thích tố dương làm tăng thêm số lượng mỡ.

Tại bệnh viện Michael Reese ở Chicago, Bác sĩ Ruth Pick cũng đã làm thí nghiệm ở gà con. Ông nuôi chúng bằng một thứ đồ ăn có thể gây nên hiệu quả giống như đồ ăn nhiều chất mỡ đối với con người. Khi đem mổ để khám nghiệm, bác sĩ thấy rằng các quan trọng động mạch của gà trống con đều bị thương tích trong lúc quan trọng động mạch gà mái vẫn không việc gì. Nếu người ta cho thêm kích thích tố âm vào đồ ăn của gà trống con, quan trọng động mạch của chúng sẽ trơn tru như của gà mái và ngay những động mạch bị thương cũng trở lại trạng thái bình thường.

Ở Anh và Mỹ, người ta đã dùng kích thích tố để điều trị chứng đau quan trọng huyết quản và số người lành bệnh tăng thêm nhiều. Tuy nhiên, nhiều hiện tượng đã phát sinh ở phần nửa số những người được lành, như họ cảm thấy mệt nhọc hoặc chán ngán, râu bớt rậm và bớt cứng. Trái lại, những người hói

được cái thích thú thấy tóc mọc lại. Cuối cùng mặc dù một số người có thể có con nhờ lối điều trị đó, nhưng họ cảm thấy mất dần sự hứng thú trong vấn đề giao hợp. Hiện nay các nhà bác học đang cố tách biệt những chất trợ tim của kích thích tố âm khỏi những yếu tố nữ tính hóa của chúng.

Có lẽ những ảnh hưởng của các kích thích tố ấy đối với chất mỡ trong máu chỉ là một trong các đặc tính của chúng. Bác sĩ Edward Henderson, nhà chuyên môn trứ danh về trạng thái suy lão, cho rằng thời kỳ thai nghén là lúc người đàn bà chống lại các căn bệnh truyền nhiễm có hiệu quả hơn hết. Phải chăng số kích thích tố ấy do cơ thể đàn bà tiết ra rất nhiều trong lúc thai nghén có sức đẩy mạnh tác dụng của các thực-khuẩn tế bào (phagocyte) và như thế có thể hủy diệt các vi trùng cũng như các chất cặn bã khác trong máu?

Bác sĩ Henderson cũng nhận thấy rằng sự thai nghén cũng có thể chữa lành tạm thời chứng đau khớp xương của người đàn bà. Và nhiều bác sĩ khác cũng đồng ý như vậy.

Bác sĩ Robert Fuman, nhân viên Viện nghiên cứu y học Oklahoma nghĩ rằng việc nghiên cứu gan, bộ phận sáng chế kích thích tố, sẽ có thể giúp ta hiểu nhiều hơn về nguồn gốc sức mạnh bí-mật của đàn bà. Căn cứ vào những hiện tượng biến hóa của gan khác nhau ở mỗi giới, ông quả quyết sẽ khám phá điều bí mật trên.

Nếu kích thích tố âm quả là nguồn gốc sức mạnh của phụ nữ thì bí quyết sức mạnh họ nằm ngay trong bản chất phụ nữ của họ. Theo bác sĩ Louis Katz ở bệnh viện Michael Reese thì đàn ông là những con người mỏng mảnh mà vai trò sinh lý thu gọn ở sự kích thích chóng qua. Nếu đàn bà sống lâu hơn đàn ông phải chăng chỉ vì họ là những con người sáng tạo sự sống?

NGUYỄN HỮU NGU

Phụ nữ Việt cần học gì?

TRÊN ngàn năm Bắc-thuộc và còn trăm năm đô hộ của người Pháp đã để lại trong tâm hồn và trong nếp sống của họ một dấu vết sâu đậm, một ảnh hưởng lớn lao, nhưng dù sao người phụ nữ Việt vẫn giữ được cái bản sắc riêng biệt của mình qua bao nhiêu thế kỷ.

Trong xã hội Khổng-Mạnh thời trước, mặc dầu theo nguyên tắc, người đàn ông nắm cả mọi quyền hành, họ đã biết nâng cao phẩm cách bằng sự làm việc và tận tâm.

Nay thì đại gia đình hầu như tan rã trước làn sóng của chủ nghĩa cá nhân, thì họ vẫn do sự làm việc và tận tâm mà vừa củng cố cơ sở gia đình vừa tiến đến một mức sống cao hơn, dễ chịu hơn.

Và mai sau, lại cũng do sự làm việc và tận tâm mà họ sẽ ảnh hưởng không ít đến nền độc lập và sự thịnh vượng của xứ sở.

Trong suốt bốn nghìn năm lịch sử của dân tộc những đức tánh cùng tiềm lực hi sinh và năng lực chịu đựng của họ đã được thử thách hơn một lần. Mà mỗi lần thử thách là họ đã sau bằng tất cả những chông gai mọc trên đường họ tiến.

Nhưng bình hình mà xét, chúng tôi không ngần ngại mà đưa ra nhận xét này : người phụ nữ Việt còn có thể làm hơn thế nữa.

Vì dầu người ta có nói gì thì nói, sánh với chị em phụ nữ Âu, Mỹ, phụ nữ nước ta còn lắm điểm chưa bằng. Và, theo chúng tôi, thì tình trạng thua kém trên đây hoàn toàn do nền giáo dục sút kém mà người ta đã ban cho họ.

Ta chẳng cần đưa ra con số ít ỏi những thiếu nữ hay phụ nữ học giỏi đồ cao, hoặc những kết quả khả quan của công cuộc chống nạn mù chữ. Nhiệm vụ của chánh phủ đối với phụ nữ nước nhà vẫn còn nhiều, về hai phương diện học vấn và giáo dục.

Nước Việt ta dầu là một quốc gia thành lập lâu đời dĩ nữa, hiện chỉ là một nước trẻ đang cần bắt kịp những nước tân tiến khác đã đi trước ta khá nhiều. Mà muốn khỏi đóng vai bà con nghèo trong cuộc hội đồng các dân tộc, thì một cuộc duy tân trọn vẹn phải được thừa nhận.

Và bất cứ cuộc duy tân một nước nào (duy tân theo nghĩa đi đến sự hay) cũng hàm ý : duy tân công dân trong nước mà phụ nữ chiếm hơn phân nửa dân số phải lãnh một vai trò đặc biệt vì thế mà vấn đề giáo dục cải cách cho phụ nữ trở nên quan trọng và cấp bách...

Để chuẩn bị phụ nữ nước nhà trong việc làm tròn các nhiệm vụ của lớp nữ công dân mới của người mẹ và người giáo dục cho những công dân tương lai, ta cần phải có một nền giáo dục đầy đủ và toàn vẹn khả dĩ vừa giữ cho phụ nữ mình một bản sắc riêng của nòi giống và giúp họ góp sức (mà không có chút tự ti mặc cảm) với chị em Âu Mỹ vốn đã tiến bộ nhiều.

Người đàn bà sở dĩ phải sống lệ thuộc là vì họ không mở mang về đường trí thức và tình trạng này được kèm giữ trong bao thế kỷ bởi những ý tưởng lạc hậu cho rằng đàn bà vốn thua kém đàn ông.

Ở đây chúng tôi không bàn cãi về sự bình đẳng hay bất

bình đẳng giữa nam và nữ giới, vì dùng chung một bản vị để đánh giá hai vật khác nhau, thì còn gì vô lý cho bằng.

Cho dầu người ta cứ cho đàn bà như đàn ông hoặc người đàn bà cứ bắt chước sao cho giống hệt người đàn ông, thì họ cũng sẽ trở thành một thứ đàn ông bụt, nghĩa là một loại thua kém.

Chúng tôi đi từ nguyên tắc : nữ và nam cần phải bổ túc, bổ sung cho nhau, chứ không phải cần phải cạnh tranh với nhau, và vì thế, chúng tôi đòi hỏi cho phụ nữ một nền giáo dục thật là tương hợp với thể chất, với sinh lý, với trí tuệ và tâm hồn của họ. Chúng tôi không hề nghĩ đến việc phản đối đàn bà giữ những trách nhiệm vốn dành cho đàn ông, nếu quả tình họ có khuynh hướng; cũng như chẳng thấy gì trở ngại khi người đàn ông lo việc nội trợ nếu anh ta thích và tỏ ra đặc lực.

Song chúng tôi không tán thành việc « nam nhi hóa » phụ nữ bằng cách đào tạo họ về phương diện trí tuệ và đạo đức như đàn ông. Chúng tôi ngại rằng làm thế sẽ biến đổi một cách sâu xa và đáng liếc cái hình ảnh dịu hiền của người phụ nữ Việt do bao thế kỷ tạo thành.

Đàn ông hay đàn bà mỗi phái đều có con đường riêng để làm tròn bổn phận của mình đối với xã hội.

Chúng tôi nhớ đến lời của Ernest Legouvé : « Phụ nữ có quyền được dạy dỗ như nam giới, nhưng mà dạy dỗ khác hơn nam giới ; và cả trong trường hợp phải dạy một điều cho cả hai, người dạy có bổn phận dạy cho phụ nữ một cách khác ».

Dầu cho nền giáo dục phụ nữ cổ truyền phạm vài cái lỗi hoặc thiếu sót hoặc nghiêm khắc đi nữa, nó vẫn có, điều hay là nó tương hợp với phụ nữ và chỉ quan niệm cho phụ nữ thôi.

Chúng tôi xin đề cho các giới hữu trách soạn một chương trình giáo dục đầy đủ hơn cho phụ nữ. Ở đây, chúng tôi chỉ xin phát triển quan điểm mình về sứ mạng của người phụ nữ Việt trong xã hội nước nhà hiện thời và mai sau.

Sứ mạng của người đàn bà Việt

NGUỜI đàn bà Việt bản tính vốn dịu dàng, có tính hay thương người, và nhất là rất tận tụy với người thân. Trừ trường hợp quá ư đặc biệt do hoàn cảnh gây nên — thường thì vì mực sống khó khăn bắt buộc họ phải ra khỏi gia đình để kiếm công ăn việc làm — thì họ thích lo việc tề gia nội trợ thích sống cạnh chồng con để có thể chăm sóc và tổ tình triu mến.

Ta chớ lầm tưởng rằng các khuynh hướng tự nhiên ấy chỉ là một thứ di truyền, vì rằng người đàn bà Việt trải bao thế kỷ đã nhiễm thói quen sống hãm giam trong phạm vi nôi con ơ cá.

Không đâu. Bạn hãy hỏi người phụ nữ tân tiến nhất có học nhất về lý tưởng của họ. Nàng sẽ trả lời chẳng chút ngập ngừng : lý tưởng của họ là gia đình : một người chồng xứng với nàng để nàng đem lại hạnh phúc và những đứa con xinh xắn để nàng nuôi dạy với tất cả tình mẫu tử.

Vậy thì cái sứ mạng của người đàn bà Việt vốn luôn luôn là cái sứ mạng của thương yêu.

Một sứ mạng thứ nhì là sứ mạng xã hội. Hai sứ mạng này thực hiện đi đôi và tùy thuộc lẫn nhau. Trong lúc thương con mình, họ càng hiểu nỗi khổ đau của người khác, cũng như lúc cảm kích trước những cảnh thương tâm và những cảnh túng thiếu của kẻ khác, họ càng un đúc tâm hồn con họ về hướng thương người.

Sau mười năm khói lửa, nước ta cần có những bàn tay cứng rắn của đàn ông để cất lại nhà, làm lại cầu, sửa lại đường thì cũng cần những bàn tay êm dịu của đàn bà để băng bó những vết thương, xoa dịu những niềm đau nỗi khổ và đem nguồn hy vọng cho mọi người.

Nước ta cần trùng tu, cần kiến thiết, cần kỹ nghệ hóa để có thể sống cùng một nhịp với các nước khác, thì sự

tham gia tích cực của phụ nữ vào công cuộc sản xuất lại càng cần thiết.

Thế thì người đàn bà Việt không chỉ sống quanh quẩn trong khuôn khổ gia đình, trong phạm vi những công tác xã hội và giáo dục, mà còn sẵn sàng phụ với nam giới ở những nơi mà việc làm không quá trái ngược với tâm tính và thể chất của họ.

Vả lại, bao giờ cũng thế, hễ chỗ nào người đàn ông có phần yếu thế, thì người đàn bà tiếp sức, phụ thay. Cuộc hợp tác chặt chẽ và hồn nhiên này vẫn luôn luôn có hiệu quả trong lịch sử nước nhà, mặc dầu đã có những sự phân công. (nam nội, nữ ngoại)

Nhưng dù họ là mẹ, là vợ, là nhà giáo dục, bận công tác xã hội hay làm việc trong một ngành kỹ nghệ nào, họ cũng cần được hưởng một nền giáo dục kỹ lưỡng, một nền học vấn về trí tuệ và về chuyên môn hợp với họ. Sự nâng cao về hiểu biết về đạo đức hay về kỹ thuật này chỉ giúp ích thêm cho các cộng đồng trong đó có họ, vì cái vốn liếng quý báu ấy sẽ giúp cho chồng, cho con họ và cho công việc xã hội hoặc công việc kỹ nghệ mà hằng ngày họ phải làm.

Tính chất của nền giáo dục tân tiến

CHÚNG tôi xin nói ngang rằng nền giáo dục này phải được toàn vẹn về mọi mặt tín thức, chuyên môn, thân thể và đạo đức.

I. — TRÍ DỤC. Như chúng tôi đã nói ở trên, sự học vấn phụ nữ nước ta còn lắm khiếm khuyết đã nhận rằng phụ nữ vốn là nền tảng của bất cứ sự tiến bộ nào của loài người, nhất là trong hiện tình của dân tộc, thì những nhà hữu trách về vấn đề này cần phải mở một trận giặc không đội trời chung với dốt nát, bằng đủ phương tiện. Đó là điều kiện tất yếu để củng cố nền độc lập mà chúng ta đã dành được với biết bao gian khổ.

Chẳng cần nói đến những công việc chúng đòi hỏi người đàn bà Việt ở thời này một trình độ trí thức vừa đủ, chỉ một

việc có thể hiểu chồng con mình thường học hỏi trên mình nhiều cũng đủ buộc họ phải luôn luôn đề ý đến tất cả những ngành hiểu biết của loài người, kéo trở thành lạc lõng giữa người thân và lạc lõng trong những cuộc tiếp xúc hàng ngày ngoài xã hội, những cuộc tiếp xúc mỗi ngày mỗi rộng, ngoài phạm vi gia đình.

Nhưng sự học của phụ nữ cần hướng về nẻo : ích lợi cho con cái sau này. Chính nhờ những kiến thức về văn chương, mỹ thuật, khoa học của họ mà họ giúp đắc lực vào sự giáo dục con họ.

II.— GIÁO DỤC VỀ NGHỀ NGHIỆP.— Trong cuộc sống ngày nay, sự dạy dỗ về nghề nghiệp chắc chắn là một trong những điểm quan trọng của chương trình giáo dục. Phụ nữ hiện thời không những hoạt động trong phạm vi bếp núc mà thôi mặc dầu công việc nội trợ vẫn còn giữ vai chánh.

Hơi nước, điện lực, than đá... đang chỉ huy thế giới, phụ nữ vì những lẽ sống mà bị bắt buộc tham gia vào công cuộc sản xuất trong các nhà máy, các xí nghiệp, thì một nền học vấn chuyên nghiệp cần phải có.

Dẫu chỉ có lo việc nội trợ không thì đời sống hiện thời buộc người đàn bà phải có một số hiểu biết, trong đó có kế toán có vệ sinh, có phép dưỡng nhi.v.v...

Và người đàn bà Việt lại cần phải có một sự huấn luyện kỹ càng chuyên nghiệp để dự vào những công tác xã hội mà chúng tôi hằng mong phụ nữ nước nhà sốt sắng tham gia, tỉ như học để thành thợ tá xã hội, y tá trong cơ xưởng...

THỂ DỤC.— Đây là một điểm bị bỏ quên trong nền giáo dục cổ truyền.

Thế mà những bà, những mẹ chúng ta thường mạnh khỏe

chịu được bao mệt mỏi và cam khổ, có lẽ vì nhờ đã sống ở đồng quê, đã thở không khí trong lành. Và thói quen sống đời kham khổ chắc cũng đã dự một phần vào sức chịu đựng dẻo dai ấy. Cái quan niệm xưa về cái đẹp của phụ nữ : mình hạc sương mai đến nay cũng còn ám ảnh tâm trí của một số người.

Hiện thời tại các trường nữ, môn thể dục cũng có trong chương trình dạy, nhưng người ta xem nó như đứa con hoang !

Chúng tôi không khuyến khích thiếu nữ nước nhà chơi những môn thể thao dữ tợn như : quyền Anh, như túc cầu chẳng hạn mà trái lại nữa là khác, vì làm thế là đem tai họa tới cho những ai sau này muốn cùng các cô tay trong tay đi trợn đường đời ! Vả lại, có gì xấu xí cho bằng thấy những bắp thịt lực sĩ nổi bật lộn trên thân thể một « yểu điệu thục nữ » ! Song chúng tôi cho quả là một điều nhục nhã cho quốc gia các cô nàng ốm tong teo, bệnh hoạn trông thấy trong các thành phố chúng ta, các cô nàng mà vàng bạc, kim cương, phấn son, cùng tài khéo của người thợ may hay của người sửa sắc đẹp hợp lại cũng không thể nào khiến các cô có chút gì quyến rũ như các cô hằng mong ước.

Nước muốn mạnh, thì phải có trai mạnh.

Mà muốn có trai mạnh, thì phải có gái mạnh.

Người ta hỏi một bà mẹ xứ Sparte (thuộc cổ Hy Lạp) : « Chỉ có các bà ở trong các gia đình Hy-Lạp làm chủ nam giới ? ».

Bà trả lời :

« Bởi vì chính chúng tôi đã tạo ra nam giới. »

Người ta có thể khắc câu trả lời tự đắc ấy bằng chữ vàng ở các trường nữ học nước ta.

Chúng tôi lấy làm vui thích mong mỗi rằng gương của các quốc gia tân tiến và nước Hy-Lạp cổ điển về phương diện thể dục phụ nữ, có thể khuyến khích chúng ta giành một địa vị danh dự cho sự giỗi mài thân thể.

IV.— ĐỨC DỤC.— Sở dĩ chúng tôi nói đến đức dục sau hết, là vì chúng tôi cho nó quan trọng hơn, nhất là ở thời đại này, mà tri tuệ con người lẫn át đạo đức.

Có những người cho rằng một công lệ cho mọi dân tộc là hễ họ càng tiến bộ thì họ phải mất đi một vài đức tánh cổ truyền. Ở nước Việt ta, tuy rằng phụ nữ ngày nay còn giữ những tánh tốt như : trung thành, hi sinh, cam chịu do các bà chúng ta để lại, nhưng có một cái gì rất đẹp và kín đáo mỗi ngày như mỗi biển tan đi.

Chúng tôi không hề muốn làm sống lại cái luân lý xưa rất đồi nghiêm khắc, ở phương Tây cũng như ở phương Đông cái luân lý cổ mà chúng tôi hiểu cái giá trị lớn lao. Nhưng chúng tôi không ngại mang tiếng là bảo thủ (tức là phản động trước sự tiến hóa) mà cổ xúy chị em giữ vẹn từ đức (công dung ngôn hạnh) của Khổng-Tử mà chúng tôi tin rằng bốn đức ấy chắc chắn sẽ đem lại cho người phụ nữ tân thời tất cả cái duyên mà người đàn ông mong muốn.

Quyền người tộc trưởng trong gia đình không còn như xưa nữa thì « tam tòng » không còn hợp với đời sống hiện nay của chị em. Nhưng có nên mong rằng bao giờ con gái còn vị thành niên thì oai quyền của người cha không nhường chỗ cho sự yếu mềm, như thường xảy ra trong lắm gia đình muốn theo đòi dân chủ ?

Còn nói đến điều « nam nữ thọ thọ bất thân » ở thời buổi này, thì quả là lỗ bịch ! Song học đường và gia đình cũng cần coi chừng coi đỡ con em mình đang độ dậy thì trong các cuộc giao thiệp hằng ngày của chúng.

Còn có một điểm mà chúng tôi muốn nhấn mạnh trong việc dạy đức dục cho thiếu nữ, đó là điểm phát triển cái khuynh hướng xã hội đề sau này góp sức vào việc làm cho dịu bớt bao nỗi khốn khổ của loài người.

Cái phần cống hiến muôn đời này của phụ nữ cho xã hội đã cho ta thấy nhiều phương diện mới. Tưởng chúng ta nên

đặc biệt chú ý đến sự quan trọng này bởi vì chẳng có chi cho ta thấy rõ hơn sự thiết yếu của xư mạng người đàn bà hơn là lời kêu gọi của một xã hội tàn nhẫn, máy móc, vô nhân đạo khi cần tìm lại cái luật sâu xa « các người hãy thương yêu lấy nhau ».

Chúng tôi tha thiết mong rằng, rồi đây ở khắp nơi của nước Việt yên vui, sẽ đứng lên những đạo binh « nữ thập tự quân xã hội » âm thầm mở trận giặc êm thắm trên khắp lãnh thổ nước nhà để đem lại hòa bình xã hội hạnh phúc cá nhân và tình bằng hữu sâu xa.

Hơn nữa, có tham gia vào những công tác xã hội, phụ nữ chúng ta sẽ thấu hiểu : cái ý nghĩa của sự hợp quần mà đôi khi họ thiếu, cái tinh thần đồng đội mà thời đại chúng ta đã khám phá ra sức mạnh, cái tình bạn bè thẳng thắn nó kích thích vui vẻ và sự hăm hở để làm cho nước được mạnh giàu.

Từ lâu, người đàn bà Việt đã tỏ ra rất xứng đáng trong các công cuộc có tánh cách ích lợi chung, nhất là trong cuộc chiến đấu chống nạn mù chữ. Rồi đây, họ càng tỏ ra xứng đáng hơn nữa, bởi vì họ biết rằng các thể hệ tương lai và hình thể cái lâu đài xã hội ngày mai sẽ như thế nào, một phần lớn sẽ tùy nơi họ.

(*Nguyên văn bằng tiếng Pháp của*

LÂM-TÔ-BÔNG)

NGUYỄN HỮU NGU dịch

*G*ÁI thì trình lịch lòng son. Sớm hôm gìn giữ kéo còn chút sai
(ca dao)

*S*ÔNG sâu biết bắt mấy câu. Phận em là gái biết hầu mấy nơi.
(ca dao)

TỬ VI LANG

Sự sa đọa của đàn bà qua văn nghệ

ĐỌ C báo hàng ngày, chúng ta thường thấy những tin tức nho nhỏ, in trên một cột báo, hoặc chỉ là vài hàng văn tắt, những tin tức mà độc giả thích văn nghệ, chính trị.. cho là những tin vụn vặt choán phi giấy mực, nhưng có những nhà đạo đức rất quan tâm đến, cho rằng đó là những tin bêu xấu xã hội ta. Có những nhà giáo dục coi đó là những tin báo động sự suy đồi của tinh thần một số thanh thiếu niên phụ nữ... Có những nhà chính trị kinh tế, cho đó là những tin chứng tỏ nền kinh tế của ta đang lâm bước bế tắc, nạn thất nghiệp gây ra những tệ tục, có những nhà xã hội cho đó là tình trạng tự nhiên do sự trai thiếu gái thừa mà ra... Những tin tức ấy là gì ? Là những tin : chỗ này một « ồ gái » mãi dâm bị bắt, chỗ kia một quán giải khát « trá hình » bị khám phá, một số nữ chiêu đãi « giả mao » với mấy khách tìm hoa bị điệu về công sở, chỗ nọ một cụ « Tú Bà » quyến rũ gái vị thành niên về rước khách, bị bắt và bị tổng giam...

Trước cái cảnh không đẹp đẽ gì của xã hội như thế, mỗi con người đứng về mỗi phương diện thường cứ nhận xét riêng về một khía cạnh, hoặc quá nặng về một khía cạnh. Trường hợp thứ hai này có vẻ hợp lý hơn, vì cái tệ tục mãi dâm tuy do nhiều nguyên nhân đưa đẩy tới, nhưng có nguyên

nhân chính, nguyên nhân phụ, hoặc nói cụ thể hơn : có một động lực mạnh hơn hết thấy các động lực khác, đã gây ra nạn mãi dâm và làm trở ngại công cuộc tẩy trừ của giới hữu trách.

Vậy thì nhà chính trị kinh tế đã nhận xét nó ở khía cạnh kinh tế thì cứ đặt vấn đề kinh tế, nhà đạo đức đã nhận xét nó ở khía cạnh thời đại, thì có thể... bi quan, nhà giáo dục xã hội cứ đặt vấn đề cải thiện dân sinh... Còn riêng giới văn nghệ, xin thử đặt vấn đề... văn hóa xem sao ?

HAI HÌNH THỨC MÃI DÂM

TRƯỚC khi đặt vấn đề văn hóa cho nạn mãi dâm, chúng ta hãy tìm định nghĩa danh từ mãi dâm. Vậy mãi dâm là gì ? Mãi là bán, dâm là khoái lạc vật chất giữa nam nữ. Như vậy, mãi dâm tức là hành động của kẻ « đem thể xác làm thỏa mãn thú tính một kẻ khác để đổi lấy tiền » chứ còn là gì nữa ?

Định nghĩa rồi, chúng ta lại thử chia ra hai thứ mãi dâm, tức là hiểu rằng ở đời sự mãi dâm có hai hình thức : Hình thức thô sơ và hình thức tinh vi.

1) Hình thức thô sơ của mãi dâm

Trong xã hội ta, xưa nay đều có những mẹ Tú-Bà, những gã Mã-Giám-Sinh, những thanh lâu, thời đại nào cũng có, không nhiều thì ít. Thường là lén lút, nhưng cũng có thời người ta mãi dâm công khai (như thời chiến tranh vừa qua, những nhà Binh-Khang được tổ chức ở Sài-gòn chẳng hạn) Còn ở các xứ Tây-Âu, thì nhan nhản những hộp đêm những tiệm ma cô, tửu quán yên hoa thiếu gì ? Những con người đa tình ngồi ở xứ ta, chưa hề sang chơi thú đô hoa lệ Ba-lê của Pháp mà cũng đã nghe tiếng cái xóm Montmartre !

Ở các thanh lâu hay ở những xóm Montmartre, ở nhà Binh-Khang có tổ chức hay ở một căn nhà lá nhỏ hẹp bí mật... những người con gái bạc phước phải làm nghề mãi dâm đều đem thể xác bán cho đàn ông chơi bởi một cách trắng trợn, khách chơi bởi bỏ tiền ra mua thể xác đàn bà con gái một cách tàn nhẫn rõ rệt. Người đàn bà ở đây đã biến ra món

hàng vật chất, một dụng cụ cho đàn ông. Người đàn ông đã bỏ tiền ra mua đàn bà — dù chỉ trong chốc lát — như mua mớ rau mớ cá !

2) Hình thức tình vi của mãi dâm

Đến như những lối mãi dâm mà người đàn ông không trực tiếp cầm nắm tiền gửi vào tay cô gái chơi, hoặc quẳng ra trước mặt người chủ chứa... thì thật là nhiều.

Sự kết hợp thể xác giữa âm và dương. Trời đất còn dành cho khắp cả muôn loài động vật, thực vật, chim muông hoa cỏ... nói chi giống người ? Nhưng trong xã hội loài người, mà một người đàn ông đã có vợ chính, còn nuôi hàng chục cô hầu thiếp như thời phong kiến, thì những nàng hầu này có khác gì gái mãi dâm ? Dù có những người con gái bị kẻ quyền thế áp bức, không làm hầu thiếp cũng không xong, nhưng các cô cũng không thể chối cãi với lương tâm (nếu còn giữ được) rằng mình không bán dâm nuôi thân ! Mua bán người tức là mua bán dâm. Thậm chí người đàn ông còn đem nàng hầu trao đổi với người đàn ông khác, có người đem thị thiếp của mình ra bán cho kẻ dưới đề thưởng công, hoặc gọi tỷ thiếp ra tặng cho ông bạn tri kỷ giữa tiệc rượu. Người con gái biến thành kẻ nô lệ, người ta mua bán trao đổi nó lệ cho nhau và những kẻ nữ nô lệ này đã bán dâm để sống chứ còn gì nữa ?

Thời đại này, có những ông chủ hãng, chủ sở, chủ xí nghiệp... mỗi khi vợ vắng nhà, lại đem cô thư ký « riêng » đi ăn uống say sưa, nháy mưa cuồng loạn, rồi dần dần đi đến chỗ bỏ ra một số tiền đưa cho cô thư ký đi... nghỉ mát... Cô thư ký lại trích ra một số để gửi một gia đình nghèo khó, nhờ nuôi giùm một... đứa bé sơ sinh. Như vậy, cô thư ký kiêu này có thể chối cãi với lương tâm rằng mình không hề mãi dâm chăng ?

Ở những xứ Cộng-Sản, một ông cán bộ cao cấp đã được hội nghị chi bộ, huyện bộ, tỉnh bộ v.v... chỉ định cho một nữ đồng chí làm vợ. Thế mà mỗi khi ông đi công tác đến đâu vẫn cần đến những « nữ đồng chí hộ lý », nếu ngẫu nhiên người

đàn bà con gái này thụ thai, thì con đẻ ra là con... xã hội, con Đảng. Như vậy người con gái này còn có thể tự nhủ rằng : mình chỉ phục vụ Đảng, vì Đảng mà hiến thân cho đồng chí « cấp trên », chứ đâu có bán dâm cho... « cá nhân » nào? Phải, xã hội Cộng-Sản « theo lý thuyết » thì không còn cá nhân nào có tiền của riêng (tư hữu) để mua thừ nọ thừ kia nữa, nói chi chuyện mua dâm? Nhưng thử hỏi : một cô cán bộ đã có chồng « thường trực » nhưng chồng cô ở cấp dưới, cô lại làm việc cùng cơ sở, cùng tổ chức nào đó với một nam đồng chí cấp trên, rồi cô thừa dịp « thân mật » với đồng chí này, giải quyết cùng nhau.. đủ mọi vấn đề, để mong nam đồng chí cao cấp này đề bạt cô lên cấp cao hơn, hoặc tìm cách cất nhắc cho chồng « thường trực » của cô tăng địa vị một chút, thì cô có thể chối cãi rằng cô không bán dâm chẳng? Nếu là gái mãi dâm công khai ở xã hội khác, thì người con gái bán dâm lấy tiền, rồi đem tiền mua địa vị, nhưng ở xã hội Cộng-Sản thì người đàn ông « cần » trả tiền dâm một cách « gián tiếp », nghĩa là.. « trực tiếp » đưa cô gái « cung » lên địa vị luôn! Thì ra người ta mua dâm bằng tiền, bằng ân huệ, bằng.. đủ thứ!

Người con gái mãi dâm đã bị kêu là « đi », cho nên ở đời mới có những danh từ : đi quý phái, đi chính trị, đi thương lưu, đi nhà thổ, đi rai đi rác, đi công khai, đi bí mật v.v.. Và tất cả mọi hạng « đi » đều đáng được thương hại hơn là nguyên rủa. Còn cái sự bị khinh, thì ít ai tránh khỏi.

TRÁCH NHIỆM VỀ AI ? NAM PHÁI ? HAY NỮ PHÁI ?

TỆ tục mãi dâm đã lôi kéo thêm ra trăm tệ tục khác, đã gây vết nhơ cho xã hội, thì xã hội cần phải bài trừ nó. Mà muốn bài trừ nó, phải tìm xem những ai là phạm nhân. Ở bài này chúng tôi không đặt vấn đề (quy tội) xã hội, không đặt vấn đề văn hóa, cho nên chúng tôi xin trực tiếp quy trách nhiệm cho « con người ». Vì con người là của chung của tất cả mọi xã hội, thời đại..

Nhưng con người chia hai phái : nam và nữ. Mà trong

một vụ mãi dâm, cả « chàng và nàng » đều là phạm nhân, thì trách nhiệm về bên nào ? Chúng tôi ước lượng rằng : nếu đem trưng cầu ý kiến quần chúng, thì 99 phần trăm phụ nữ đổ trách nhiệm cho người đàn ông tìm hoa, và 80 phần trăm đàn ông con trai đổ lỗi cho người con gái mãi dâm. Rủi mà xảy chuyện cãi nhau tay đôi giữa một ông quá khích với một bà quá .. quắt, thì cãi đến chết cũng không ai chịu lép ai một lời. Người đàn ông sẽ hỏi vặn :

— Nếu con gái không bán thì đàn ông mua ở đâu ?

Người đàn bà sẽ vặn lại :

— Nếu đàn ông không mang lòng tham, lòng dục, mang tiền ra đòi hỏi thì đâu đến nỗi ?

— Không mua thì còn ai bán ?

— Thế không bán thì còn ai mua ?

Cứ thế, cứ thế mà đổ vấy cho nhau, xoay quanh cái vòng luẩn quẩn, thì đến muôn đời cũng không xong.

Vậy chúng tôi xin phép « dung hòa » đề nam nữ... sống chung trong hòa bình, đừng gây tranh đấu « sống mái » với nhau nữa. Nghĩa là chúng tôi xin kết luận :

— Tại anh, tại ả, tại cả đôi bên !

1) Một số phụ nữ chịu trách nhiệm

Là một người phái nam như chúng tôi, mà lại đặt trách nhiệm phụ nữ lên trước, ắt có những chị em sẽ cau mày mắt miêng khi đọc đến đây ? Nhưng xin hãy bình tĩnh : Sở dĩ chúng tôi nói về lỗi của một số phụ nữ trước, là vì giới nữ phạm ít lỗi trong vấn đề mãi dâm. Nam giới phạm... quan trọng hơn, cần phải nói dài dòng hơn, nên đề nói sau. Thì như chúng tôi đã ước lượng : 99 phần trăm phụ nữ đổ lỗi cho phái nam, chỉ có 80 phần trăm nam giới đổ lỗi cho phụ nữ mà !

Vậy thì đây, một số gái mãi dâm phải chịu trách nhiệm là vì :

— *Dâm tính* (chánh phạm)

— *Thiếu giáo dục* (liên đới)

a) Dâm tính của một số đàn bà con gái là căn do của cái tệ mãi dâm. Các nhà sinh lý học, thần kinh bệnh học đã cho biết rằng: có những người đàn bà đòi hỏi quá nhiều về sinh lý mà một người đàn ông (làm chồng) không thể chịu nổi. Có những gái làng chơi nhan sắc được những chàng « Thúc-Sinh » cố mua chuộc ra khỏi xóm Bình-Khang, mà cô gái không chịu trở lại đời lương thiện chỉ muốn ở lại « vũng bùn nhơ » để đắm mình thỏa thích như con trâu. Hạng đàn bà này nếu có chồng sẽ phá vỡ hạnh phúc gia đình, đi tới chỗ ngoại tình ngang ngửa bất chấp. Nếu sa vào vòng mãi dâm thì say mê sớm đào tẩu hẳn không thể nào hoàn lương được nữa.

b) Tuy nhiên, sự giáo dục — nhất là giáo dục tinh vi khoa học — sẽ không chịu thất bại trước những người con gái có cơ cấu sinh lý đặc biệt như trên. Cho nên nếu một cô gái kiểu này sinh vào một gia đình có giáo dục, được cha mẹ thức thời kiểm chế, được « xã hội chung quanh » lành mạnh làm gương, lại được học đường trang nghiêm uốn nắn nữa, thì cô gái có thể tránh được sa ngã. Phải từng ấy điều kiện mới mong thoát khỏi, thế mà có những cô gái sinh vào gia đình thất học, sống trong chỗ tối tăm, gần gũi bọn người ăn thô nói tục, có hành động bỉ ổi... lại không được ăn học, lại thiếu hẳn giáo dục gia đình, thì chỉ sau một lần bị quyến rũ hoặc bị cưỡng bức, là cô gái ấy đắm mình vào khoái lạc vật chất để sống một cách lười biếng, bán thân nuôi... thân !

2) Một số đàn ông chịu trách nhiệm

Trong việc bán dâm, đàn ông chỉ là kẻ « mua », người đàn bà có quyền bán hay không bán. . ấy thế mà trách nhiệm của đàn ông lại nhiều hơn, nặng hơn ! Đàn ông phạm lỗi vì :

- Dâm tính,
- Vai trò chủ động,
- Tham lam,

a) Dâm tính của một số đàn ông cũng tương tự như dâm tính đàn bà. Khỏi cần nói nhiều.

b) Từ thượng cổ con người sinh ra, đàn ông đã khỏe

mạnh hơn và cai quản đàn bà. Thời trung cổ, dù có xã hội mẫu hệ chẳng nữa, về phương diện sinh lý, đàn ông vẫn giữ quyền chủ động. Và thời cận đại, hiện kim... thì đàn ông luôn luôn « đi tìm » đàn bà, do đó gây ra nạn mãi dâm.

c) Vì được quyền đã lâu đời, đàn ông có tư tưởng trịch thượng tự cao đối với đàn bà. Và họ tham lam trong vấn đề kết hợp với phái « yếu ». Tục ngữ đã có câu : « Trai thấy gái lạ như quạ thấy gà con ». Họ muốn thay đổi, thử thách nhiều đàn bà trong đời họ. Thời phong kiến thì đứng trên hết là nhà vua, giam hãm hàng ngàn đàn bà làm thú vui, ở giữa thì quan lại, quyền quý, ở dưới thì phú hộ... đua nhau mua dâm trực tiếp, gián tiếp...

ĐẶT VẤN ĐỀ : VẤN ĐỀ VĂN HÓA

KHÔNG phải là một nhà chính trị, không am tường về xã hội học, không có thẩm quyền về giáo dục, lại cũng không dám nghĩ mình là nhà đạo đức... tác giả chỉ xin ở địa vị một văn nghệ sĩ mà bàn về nạn mãi dâm, cho nên đã đặt vấn đề, ắt phải là vấn đề văn hóa.

Vả lại nghĩ cho kỹ — ở địa vị văn nghệ sĩ mà nghĩ — thì văn hóa lại bao gồm rộng lớn hơn hết : Chính trị, xã hội, đạo đức, phong hóa, giáo dục và... kinh tế nữa đều bị văn hóa (culture) bao hàm kia mà ? Vậy thì đặt vấn đề văn hóa cho nạn mãi dâm, chúng tôi không khỏi... buồn cười khi nghĩ rằng : « không phải văn hóa càng cao mà nạn mãi dâm càng giảm ! » Thời Thượng cổ, con người ăn thịt sống, trái cây, mình trần ở hang, hôn phối hỗn tạp... chẳng nói làm gì. Thời Trung cổ con người đã biết ăn chất bột, hạt cây, mặc áo, ở nhà cửa kín đáo, nhảy múa ca nhạc, kiến trúc... mới có nạn mãi dâm. Và cho mãi tới ngày nay, cứ văn hóa tiến bộ, văn minh tinh vi đến đâu thì nạn mãi dâm « tiến bộ », tinh vi đến đấy.

Nếu chỉ muốn bài trừ nạn mãi dâm có hình thức thô sơ.. thì đặt vấn đề xã hội, giáo dục, kinh tế hoặc chính trị. Một trong những giải pháp này có thể làm giảm nạn ấy rất nhiều. Dùng cả hai ba giải pháp thì có thể bài trừ tận gốc !

Nhưng muốn bài trừ nạn mãi dâm có hình thức tình vi thì sao ? Nó đã hầu như « đi đôi » với nền văn minh nhân loại, thì... định tiêu diệt cả nền văn minh hiện hữu để tiêu diệt nó theo chăng ? Than ôi !

Thời phong kiến, ngay đến ông Cự thân sinh ra Đức Khổng-Tử cũng còn đi « tìm hoa » ! Cự là Thúc-Lương-Ngột, làm quan Đại-Phu tức cũng như Trương-Quốc, Thừa-Tướng, Thủ Tướng... gánh vác quốc gia giùm cho Vua, thế mà Cự cũng ra lệnh cấm treo đèn ở một con đường « đặc biệt » giữa kinh đô nước Lỗ ! Và đêm đêm quan Đại-Phu « vi hành » đến con đường ấy, tìm vào một căn nhà, nỉ non ân ái với một cô gái để cô đẻ ra một cậu con trai mà Ngài chịu đẻ cho cô đặt tên là Mạnh-Bì. Sinh con mà cha không dám nhận. Có con đấy rồi mà coi như chưa có, sau phải lên núi Ni-Sơn cầu tự, bà vợ chính thức là Nam-Trung-Tại sinh ra một cậu con « công khai », Ngài mới dám nhận là... đã có con. (Tuy vậy Ngài đặt cho cậu Khổng-Khâu cái tên tự là Trọng-Ni. « Trọng » là em thứ hai, « Mạnh » là anh cả ; như thế có nghĩa là Ngài đã ngầm nhận cái giọt máu rơi kia là của mình.) Ngoài ra, khắp thiên hạ, nạn mãi dâm công khai, nhan nhản, bí mật như nèm... kể sao cho xiết ?

Văn hóa nói chung đã thế, đến văn nghệ nói riêng mới càng « ghê gớm » :

Văn chương Á-Đông không có lối « tả chân » trắng trợn như văn Âu-Tây; mà Đỗ-Mục cũng « dám » lên tiếng xưng danh « ta đây là tay cự phách trong làng yên hoa », và ca tụng cái « eo » thắt đáy của gái làng chơi nước Sở mà mình đã ôm trong tay :

« Lạc phách giang hồ tái tửu hành

« Sở yêu tiêm tể chưởng trung khinh

« Thập niên nhất giác Dương châu mộng

« Doanh đắc thanh lâu bạc hạnh danh !

Một thi sĩ đi thi đã đậu tiến sĩ, còn ghé vào ngủ đêm với một gái làng chơi « hạng văn nghệ » để được ca tụng cảnh

« đèn mờ bên gối, ngắm lưng người đẹp, vuốt ve làn da, chuỗi vàng » :

.....

.....

« Tông thờ bất tri lan xạ quý

« Dạ lai nhạ đặc quế chi hương

Là thân gái như Đỗ-Thu-Nương cũng khuyên chồng
« chơi lấy kẻ già » bẻ hoa lúc còn đầy cành :

« Hoa khai kham chiết trục tu chiết

« Mạc đãi vô hoa không chiết chi,

Và mặc dù người ta ca tụng sắc đẹp với những câu :

« Mi đại thúc thành du tử hận

« Kiểm dung sơ đoan cổ nhân trường

(Lãng tử chồn chân vì nét nguyệt

Tri âm đòi đoan nhờ môi hương)

Nhưng cái đẹp ấy đã nung nấu lòng tà, và người ta còn
nói trắng ra ý nghĩ sẵn sàng đón mời ong bướm :

« Vũ bãi cao liêm du mục tống

« Bất tri thủy thị Sở Tương-Vương ?

(Ngừng mưa nâng rèm đưa sóng mắt

Gối chẳng ai đó Sở-Tương-Vương ?)

Văn nghệ Tàu thì thế, đến các cụ văn nhân Việt-Nam
của chúng ta, cũng chẳng kém. Như cái câu đối ứng khẩu :
« Dương-Khuê hữu ý khuy toàn bích — Yên-Đồ vô tình trắc bán
luân » thì hai cụ Dương, Nguyễn chỉ đối đáp cho « gió bay đi »,
nhưng đến cái câu hát này thì lưu truyền mãi mãi :

« Chớ có bảo chữ dâm là chữ bậy

« Nếu không dâm sao có nảy ra hiền ?

Văn nghệ « lâm ly » đến như cụ Nguyễn-Du mà cũng
có câu :

*« Rõ ràng trong ngọc trắng ngà
« Dầy dầy sẵn đúc một tòa thiên nhiên ..*

Còn văn nghệ đời nay thì sao ? Thật không thể nói hết được. Nào tả chân, nào tả thực, nào chuyện tình hời dâm, khiêu dâm.., nào ca xướng ai dâm sâu oán, nào màn ảnh khêu gợi... cho đến những sản phẩm văn nghệ « phóng tác » của Âu-Mỹ mới càng táo bạo hơn nữa. Chỉ sợ rồi đây sẽ có thứ văn hóa « sống dã », văn nghệ thi vị hóa nghề mãi dâm mà thôi !

Các nhà văn hóa nghĩ sao ? Văn nhân nghệ sĩ nghĩ gì về nạn mãi dâm ? Đây là những cái đẹp ẩn tàng trong vũ trụ ? Đây là những cái nhớp nhơ ? Nên ca tụng cái đẹp cái hay nhưng làm thế nào để tránh sự kích thích thú tính của con người ?

TỬ VI LANG

T R Ầ M năm may rủi một chồng. Dù ai thù phụng vẽ rồng mặc ai.
(ca dao)

C Ó chồng thì phải theo chồng. Chồng đi hang rắn, hang rồng cũng theo.
(ca dao)

Phần thứ hai

Phần thứ hai của Văn Hũu số 11 này hoàn thành với sự cộng tác của quý bạn : Phan Du — Đức Quang — Cô Hoàng Mai — Cô Túy Hồng—Đỗ Tấn — Xuân Phụng — Cô Phụng Loan—Hoài Khanh—Cô Tuyết Hương...

Có TUYẾT HƯƠNG

Một cuộc chiến thắng

MẸ tôi vừa mắng thế này :

— Con gái gì mà tính nóng như lửa. Động một tí là giận với dỗi, động một tí là không cần gì hết. Rồi ra chồng nào chiều nổi !

Nghe nói thế, chắc ai cũng hình dung tôi như một « nữ Trương Phi », mày ngài dựng ngược, mặt đỏ bừng bừng, la hét rung cả cửa nhà. Nếu thế thật thì khổ cho tôi không biết chừng nào. Cái oan này còn oan hơn oan thị Kính. Biết nói sao bây giờ !

Khổ quá đấy. Tôi dám chắc trên đời không có người thứ hai gặp cảnh khổ tâm như tôi. Không thể ai hiểu nổi, dù là mẹ tôi. Bởi vì tôi vẫn thường bị trách nói nhỏ quá, ai trêu cũng chỉ biết . . . nhe răng cười, mà chính mẹ đã nói về tôi như vậy. Nếu được « không cần gì hết » như mẹ nói, chắc hẳn tôi đã sung sướng hơn thế này nhiều.

Thật vậy. Tại tôi cứ cần Phương !

Tôi và Phương yêu nhau, nhưng không yêu cùng một phương pháp. Tôi yêu chàng bằng cách của tất cả các thiếu nữ khác. Nghĩa là sẵn sàng dùng đến chữ « yêu », muốn được chàng đến thăm, nói chuyện, viết thư cho biết có nghĩ đến mình.

Phương lại yêu tôi bằng một phương pháp hoàn toàn khác lạ.

Không bao giờ chàng dùng tới chữ yêu. Chính lúc cho biết, chàng cũng chỉ đứng xa xa, nói bằng con mắt, tỏ tình bằng những chuyện không có liên quan gì đến tình ái. Thế rồi chàng biến mất tích từ ngày ấy đến nay, gần hai năm trời rồi. Không bao giờ tự nhiên chàng viết thư thăm tôi. Bất đắc dĩ phải trả lời một vài câu hỏi thì dùng lời lẽ như khi ta nói với người lạ. Đã hết đầu, hơn nửa năm nay chàng đình công, nhất định không viết cho tôi một chữ, dù có bao nhiêu câu hỏi phải trả lời.

Cái đáng kể nhất là tôi cứ yêu chàng, và biết chàng vẫn yêu tôi. Nhưng yêu theo kiểu ấy chẳng bao giờ thấy được yêu. Có nhiều lúc tự nhiên buồn không thể tưởng tượng và bỗng dưng chán đời lạ lùng. Những lúc ấy tôi tức mình hết sức, không cần gì nữa, giận Phương không thể tả, nhất định sẽ đổi một mẻ cho chàng biết tay.

Nhưng mẹ tôi không chịu hiểu gì hết. Hễ tôi phàn nàn là y như được nghe :

— Anh ấy không đến thăm, không viết thư thì không mong đến, không mong thư nữa chứ sao. Việc gì mà tức mình, mà giận dữ, mà không cần gì hết ? Đại lắm !

Tại sao lại đại lắm ? Thật quả tôi cũng không hiểu mẹ như mẹ đã không hiểu tôi. Tôi chỉ hiểu rằng mẹ muốn tôi cũng đối với Phương như Phương đối với tôi. Có lẽ đó là một ý kiến hay. Nhưng tôi không thể bắt chước nổi cái kiểu yêu của chàng. Yêu thế thì thà đừng yêu nữa cho xong. Khốn nỗi tôi cứ yêu chàng và biết chàng vẫn yêu tôi. Thế mới khổ đấy chứ !

Đáng lẽ tôi không tức mình, không giận dữ nhiều đến nỗi không cần gì hết, nếu chàng tỏ vẻ biết lỗi của mình, biết đã làm khổ tôi, hoặc giả tôi có cách nào trả thù chàng, làm chàng khổ như tôi đã khổ. Nhưng không có cách nào hết, Viết thư trêu chọc, nói tức thế nào chàng cũng trả lời rất thản nhiên, rất lễ phép. Một cái thản nhiên và lễ phép có công hiệu như khi ta đề thêm dầu vào lửa. Chỉ còn cách đổi. Đổi thế nào bây giờ ? Không viết

thư nữa ư ? Không được. Không viết thì chàng càng sượng vì khỏi phải trả lời. Làm reo không nói, không cười, không nhìn ư ? Phải gặp mới có thể đối bằng cách ấy. Nhưng chàng có đến đâu ! Nghĩ tới ngày nào chàng đến, tư tưởng tôi làm việc rất trái ngược. Có khi tôi nhất định đối thật ghê gớm thì cũng có khi tôi nghĩ nếu trông thấy mặt sẽ hết ngay giận dữ.

Sau cùng, khi hết sức chịu đựng cái hoàn cảnh kỳ lạ này một cách ngoan ngoãn và biết điều, tôi đã khai chiến với chàng hết sức kịch liệt. Tôi tìm đủ cách bắt buộc chàng phải nói «yêu».

Tôi mơ ước, khao khát tiếng ấy. Để đáp lại lòng mong mỏi của tôi, chàng chỉ viết những câu úp mở, e ấp như :

— « Tại sao cô trách gặp tôi ? » và « Khi nào tâm trạng trở nên bình thường tôi sẽ lại chơi luôn. »

Đã nhiều lần chàng viết :

— « Tôi biết cô đã dành cho tôi một sự cảm mến những cảm tình quá nồng hậu ».

Và chàng bảo cố tránh những cử chỉ ủy mị, yếu đuối.

Tôi cảm thấy chàng đau khổ, và cũng cảm thấy mình thất trận. Tôi thú nhận không thể chiến đấu lâu hơn nữa. Cần phải tìm một giải pháp nếu không muốn... vào nhà thương Biên-hòa. Có lẽ tôi tầm thường, nhưng làm sao sống lành mạnh với kiểu yêu đó ?

Tôi muốn quên Phương, quên tất cả. Tôi tìm một cách quên và đã chọn cách đi tu. Đời sống tu hành sượng lắm. Không phải nghĩ đến ai khác Phật, không phải nghĩ đến việc gì khác tu. Tưởng tượng lúc Phương đau khổ và hối tiếc, tôi sung sướng như người trả được thù. Một cách trả thù vô cùng tàn nhẫn song vô tội, không phải hối hận.

Nhưng ý định ấy không thành. Phương đã viết thư cho tôi. Một bức thư dài. Xem xong tôi quay mặt vào tường dấu nụ cười đắc thắng và không muốn tu nữa. Tuy sự đắc thắng đó chưa

được hoàn toàn. Vì Phương vẫn nhứt định không dùng tới cái tiếng ồm ồm tôi đã mong chờ từ bao lâu nay.

Tôi lại tiếp tục sống một cách ngoan ngoãn hiền biết. Nhưng có nhiều khi tự nhiên buồn không thể tưởng tượng, có nhiều lúc bỗng dưng chán nản lạ lùng. Những lúc ấy tôi hối hận đã chót hứa bỏ ý định đi tu. Bởi vì ngày nào trong tuần lễ tôi cũng chờ người đưa thư mà người ta không dừng lại trước cửa, chủ nhật nào tôi cũng đợi một tiếng gõ cửa quen thuộc mà không có. Thành thử tối nào, trước khi nhắm mắt ngủ tôi cũng nghĩ :

« Đại quá, biết thế thì đừng hứa. »

Sau cùng, khi cảm thấy hết sức chịu nổi kiêu yêu này lâu hơn nữa, tôi lại tìm một giải pháp, Chỉ có cách đi xa, thật xa. Không bao giờ nghe nói tới người ấy tôi mới quên nổi.

Tôi lý luận chỉ hứa không đi tu nữa. Đi xa đâu phải là tu,

Nhưng ý định này cũng không thực hành nổi. Tôi lại nhận được một bức thư. Phương còn khôn ngoan nhờ bao nhiêu người làm quán tiếp viện cho bức thư của mình. Thế là một lần nữa tôi lại hứa, lại sống như trước. Sống để chờ người không bao giờ đến để mong một chữ không bao giờ được nghe !

Thú thật tôi bằng lòng sống như thế, bằng lòng kiêu yêu đó không phải tôi ngoan ngoãn, biết điều hay can đảm. Chỉ vì tôi có một dự định thầm kín rất ghê gớm.

Mỗi lần tự nhiên buồn không thể tưởng tượng, chán đời lạ lùng chỉ nghĩ tới dự định đó là tôi trở nên vui vẻ, yêu đời ngay lập tức.



T H Ậ T vậy, cứ nghĩ đến ngày cưới là tôi sung sướng vô cùng. Người khác tưởng tôi sung sướng vì được làm cô dâu, vì được sống chung bên cạnh Phương. Tôi chỉ mỉm cười hết sức bí mật. Bí mật như dự định của tôi vậy.

Bây giờ mỗi buổi tối trước khi nhắm mắt ngủ tôi không hối hận vì đã hứa không đi tu nữa Tôi nghĩ tới đêm... tán hôn !

... Khi về phòng riêng, tôi sẽ đem sách ra đọc một cách rất say mê, vừa đọc vừa mỉm cười hết sức thú vị. Tôi cứ cắm đầu vào cuốn sách cho tới khi Phương sốt ruột, nhắc :

— Khuya rồi, đi nghỉ đã.

Tôi sẽ ngoan ngoãn gấp sách lại, tìm bộ quần áo ngủ thay, rồi lấy chăn và gối đã đem dấu theo ôm trước ngực, điềm nhiên đi. Qua chỗ Phương đứng tôi sẽ mỉm cười thật tươi, và tiếp tục tiến ra cửa, tảng lờ như không trông thấy chàng đang mở mắt tròn xoe vì ngạc nhiên. Khi tôi dơ tay cầm lấy chốt cửa, chàng sẽ không thể yên lặng nữa, hỏi vội (tại vì không nói nhanh thì tôi đi mất).

— Đi đâu thế ?

— Ra ngoài kia.

— Ra ngoài ấy làm gì ?

Tôi sẽ thỏ thẻ đáp :

— Ngủ. Anh bảo khuya rồi, đi nghỉ mà.

Phương sẽ vội vàng bảo :

— Ngoài ấy chật lăm, không có chỗ ngủ đâu.

Làm bộ mở cửa, tôi nói :

— Em nhỏ lắm, ngủ nhờ cô Lan được.

Chắc Phương phải ngăn tôi lại, không khi nào dám đề tôi ra. Tại vì không khi nào chàng dám đề người khác hỏi tại sao tôi lại ngủ ở ngoài. Lẽ tự nhiên chàng sẽ dùng « oai quyền », ra lệnh cho tôi phải ngủ ở trong phòng. Lúc đó tôi sẽ quay nhìn gian phòng và nói :

— Nhưng không có chỗ ngủ.

Phương sẽ chỉ cái giường, dịu dàng bảo :

— Ngủ ở giường kia.

Tôi sẽ làm bộ « ngây thơ » hỏi :

— Thế anh ngủ đâu ? Anh ra ngoài kia à ?

Chắc Phương buồn cười lắm, tưởng tôi ngây thơ thật, nói :

— Anh cũng ngủ trong này với em.

Tôi sẽ kêu lên :

— Không thể được. Ai lại thế bao giờ !

— Tại sao không thể được ?

Tôi sẽ trả cái thù thứ nhất :

— Tại anh bảo chỉ coi em như bạn. Bạn trai và bạn gái không thể như thế được.

— Nhưng chúng ta lấy nhau rồi.

— Vâng, nhưng anh bảo chỉ coi em như bạn thì chỉ là bạn thôi.

— Thế tại sao lại lấy anh ?

Đến lượt cái thù thứ hai :

— Tại em muốn ở gần anh, được anh nói chuyện với. Không lấy thì không bao giờ được trông thấy, được nghe tiếng anh.

Có lẽ Phương nói hơi lúng túng :

— Đây là chuyện về trước. Bây giờ khác. Anh đã cưới em, chúng mình thành vợ chồng rồi.

— Chỉ lấy nhau thôi chứ không thành vợ chồng.

— Tại sao lại thế ?

Bây giờ tôi sẽ trả thù chính :

— Em chỉ làm vợ người nào thương yêu em. Có bao giờ anh nói yêu em đâu !

Bị dồn vào đường này, chắc Phương phải dùng tới cái chữ bấy lâu tôi khao khát, thèm nhạt. Thế là tôi toàn thắng. Tôi chỉ mong giờ phút này để trả cái thù chàng đã làm khổ tôi bấy nay thôi mà. Tôi sẽ thừa thắng đề đuổi địch đến cùng :

- Anh có biết anh không trả lời em bao nhiêu thư không?
- Không biết nữa. Bao nhiêu?
- Dạ, thưa mới có chín mươi bảy bức thư thôi ạ !
- Thế thì sao ?

— Thì anh phải chờ em như em đã chờ anh vậy. Một thư một tuần lễ. Chín mươi bảy thư, chín mươi bảy tuần lễ. Một là em ngủ dưới đất, hai là anh ngủ dưới đất. Bao giờ hết chín mươi bảy tuần lễ hãy hay.

Nghĩ đến lúc một người nằm trên giường, một người nằm dưới đất trong chín mươi bảy tuần lễ, tôi sung sướng vô cùng.



TÔI vừa tỉnh ngủ, thì ra đã hơn nửa năm nay Phương không viết cho tôi lấy một chữ !

Nghĩ tới bao nhiêu thư không có phút đáp, nhớ tới bao nhiêu câu hỏi không có trả lời, bao nhiêu sự vui thích tốt đẹp về cái đêm tân hôn tương lai đã không cánh mà bay vụt mất từ lúc nào. Thề là một lần nữa dự định lại không thành !

Tôi lại buồn không thể tưởng tượng và chán đời lạ lùng. Buồn và chán, chán rồi tôi tức mình hết sức, giận chàng vô cùng. Càng nghĩ càng tức, càng nhớ càng giận, tôi nhất định không cần gì nữa. Không cần cả hai lời hứa. Hai lời chứ hai trăm lời cũng mặc.

Thế là mẹ tôi mắng :

— Con gái gì mà tính nóng như lửa. Động một tí là giận với đối, động một tí là không cần gì hết. Rồi ra chồng nào chiều nổi !

Có ai bị mắng oan như thế không ? Nhưng đã không cần gì hết mà. Oan thế hay oan bao nhiêu nữa tôi cũng không cần.

Lần này tôi sẽ làm cả hai việc cùng một lúc, vừa tu vừa đi thật xa. Nhất định rồi tôi lấy giấy viết thư cho Phương. Viết một mạch như người nói một hơi tất cả những chi đồn ép chứa chất trong lòng từ bấy lâu.

« Anh Phương,

Trưa hôm nay em vừa đi tiễn anh Khuê đi Nhật. Lần đầu tiên em được xem phi cơ phản lực cất cánh. Thiếu chút nữa thì các người đi tiễn bị hơi của máy bay thổi đi mất.

Anh Khuê đi Nhật một tháng, ăn tết xong sẽ sang Hòa Lan một năm. Thật sung sướng ! Đáng lẽ phải chúc cho em được như thế hay hơn thế mới người tốt bụng. Nhưng anh ấy chỉ nhắc em cho uống rượu trước khi đi Kỳ hết sức. Em đã nói bao nhiêu lần rằng chỉ có rượu bồ, muốn uống bao nhiêu cũng có sẵn.

Em có một chuyện cần muốn hỏi anh. Nhưng thôi. Hỏi chi tốn công. Anh có biết số thư anh không trả lời em là bao nhiêu không ? Thưa mới có chín mươi bảy chiếc. Anh định lấy lý do gì để bào chữa ? Chắc chẳng có lý do nào khác để em đúng viết thư nữa. Chưa có ai khinh em bằng một phần trăm thế.

Em biết anh sẽ cười và bảo anh có cần chơi với em đâu. Để thi giờ làm việc khác có ích hơn. Em không biết việc có ích là việc gì. Chính anh em còn không biết là gì mà. Em chỉ biết anh bận lắm. Tại vì anh nói thế. Và anh không cần gì hết, cả đến tình cảm. Trong một thư viết hồi tháng ba anh cố nói rằng khi nào muốn lấy vợ anh sẽ chọn một người có đức tính vừa ý anh. Thế thôi ! không phải thương yêu gì hết. Anh có muốn đọc lại không ?

Lấy vợ thì như người mua một thứ đồ dùng. Vừa có con để dắt đi chơi, vừa có người coi nhà. Nhưng theo ý em, cô nào lấy một người như thế chỉ là lấy cái bằng, địa vị, lấy vì tham vọng. Tuy vậy việc đó xảy ra thường quá nên cũng được biết rằng họ đều có hạnh phúc : Người nào cũng toại nguyện « của mình ».

Chắc anh khó chịu và bảo em không có quyền động chạm

đời tư của người khác. Em chỉ nhắc lại và bàn sơ một câu của anh thôi mà. Em cần nói để anh biết rằng em không có quyền song em rất có lý để giận và ghét anh bằng hết cả sức mà một người có thể dùng trong việc đó. Đối với một người không quen biết, người ta hỏi gì cũng phải trả lời. Thế mà em hỏi gì anh cũng làm ngơ, không thèm tỏ ra là bị hỏi nữa.

Em oán anh vô cùng. Anh ác vô tận. Cứ để em đi có phải từ ngày ấy đến giờ em hết ngu rồi. Anh nghĩ tại sao em viết thư này không ? Để anh biết không phải lỗi em nếu em không giữ lời hứa bỏ ý định đi xa.

Thư bầy vừa rồi em mới có một con búp bê. Cao hơn búp bê cũ, xinh như một cô bé con thật. Trán nó cao, mặt trái soan. Em không cho nó biết là em quen anh. Với vùng trán ấy mà nó biết em viết gần một trăm bức thư không, nó trả lời thì em chỉ còn cách chui xuống đất.

Trước anh nói anh rất hiền, không bao giờ làm khổ ai. Tại sao anh làm khổ em ? Nếu có ích cho công việc của anh thì cũng được. Song em chắc không có ích gì hết. Chỉ có hại. Vì càng tức em càng viết nhiều, càng làm mất thì giờ của anh.

Đàn bà càng hiền bao nhiêu lúc tức giận người ta càng ác bấy nhiêu. Anh có biết tại sao em khâu khăn cho anh không ? Tại vì có một miếng vải thừa mà chỉ có nhiều quá. Anh có biết tại sao em không vẽ nữa không ? Để dù muốn anh cũng không thể xem được nữa.

Thế mà bảo em ghét anh, không ai tin, Ai cũng coi là em đùa, cũng cho là em nói ngược ! »

Bức thư được đem đến nhà Bru điện, tôi thở dài khoan khoái. Đây là lần đầu tiên tôi không mong thư trả lời. Tại vì tôi còn mãi sửa soạn đi, sớm ngày nào hay ngày ấy. Nhưng không may cho tôi. Phương vừa cho người đến báo tin chủ nhật sẽ đến.

Tôi nghĩ :

— « Đến thì đến, không bao giờ tôi đòi ý đâu ! »

Và tôi nhất định không chờ, không mong, không cho

ai biết Phương sẽ tới. Vậy mà chỉ lời chiều hôm qua cả nhà đã biết. Không hiểu tôi nói lúc nào ?

Mong hay không, chủ nhật cũng tới. Buổi sáng hôm ấy tôi dậy sớm hơn thường lệ một giờ. Không phải để đứng trước gương ngắm vuốt đâu. Tôi muốn làm bánh để thết khách.

Sau khi ăn sáng, tôi đem đồ khâu ra làm việc, chán rồi lại lấy sách ra xem. Xem sách chán lại khâu. Chỉ nghỉ một lúc để ăn cơm trưa tôi lại tiêu thì giờ như thế cho tới bữa cơm chiều. Mười giờ tối tôi mới đi ngủ. Nhưng lâu lắm mới ngủ được. Vì tôi còn mãi nghĩ trước xem ngày mai mẹ sẽ dùng câu gì mắng tôi.

Chưa tìm ra câu mắng sẽ dùng, nhưng may mắn làm sao, cũng chưa có thì giờ để bị mắng đã có người đem thư của Phương đến.

Tôi định không đọc. Nhưng dự định có mấy khi đi đôi với việc làm ! Vì vậy chỉ một lát sau tôi đã xé phong bì, lấy thư ra xem. Xem xong tôi leo vội lên giường nằm lịm đi cho tới trưa. Cả một buổi chiều ngày hôm ấy tôi cứ ngất ngư, lảo đảo. Mãi sáng hôm sau mới hơi hoàn hồn.

... Không hẳn là một bức thư tình, song tôi đã được điều mơ ước : Phương đã dùng tới chữ « yêu » !

Thì ra tôi đã chiến thắng. Chiến thắng tinh rụt rè, tự ti mặc cảm của Phương.

Sau khi đọc đi đọc lại bức thư nhiều lần để biết mình không mơ ngủ, tôi viết thư cho chàng. Một bức thư có lẽ rất « tương xứng » với thư chàng.

« Anh Phương,

« Tiếc rằng em không có nhiều tự ái bằng anh nghĩ. Nhưng thôi. Anh đã khuyên em nên quên anh, và còn chu đáo dạy em cách quên. Tuy không dùng đến, song em cũng cảm ơn anh. Em đã có phương pháp riêng. Mà phương pháp tốt nhất là « muốn ». Bây giờ chỉ cần biết phải làm sao để muốn quên. Song hề chi !

Có nhiều cách khác và có cả một đời người để thí nghiệm. Không sợ thiếu thì giờ.

Anh đã nói tình yêu không thể ép uống, thì lẽ tự nhiên em không thể bắt buộc anh phải yêu em. Như khi tự ý đem biếu ai một món quà, người ta không nhận thì đành vậy. Không thể bắt người ta nhận, cũng không thể cho ai khác.

Lẽ ra anh không nên cho là em thông minh và có tài. Thông minh thì còn có thể tạm được. Bởi vì những lý do anh không trả lời thư em mà anh bảo rất khó nói, em hiểu ngay rằng chỉ vì anh không muốn em viết nữa, hay anh sợ trong lúc mải chú ý viết, có thể lơ đãng, sơ xuất để rơi trên giấy một vài chữ hay câu anh cố ý tránh dùng tới. Còn nếu bảo em có tài thì đúng là chế riếu. Tài cán gì cái người không làm được cái mình muốn ! Vì thử em có tài và thông minh thật, thì đó không phải điều em muốn. Trong tất cả các thứ mà loài người có, em chỉ muốn có một thứ để có thể tạo ra hay đòi lấy thứ em muốn. Ngoài ra chẳng có gì đáng kể.

Em buồn cười khi anh bảo em trau dồi tài năng để đem lại cho dân tộc những cái thiêng liêng, đẹp đẽ nhất của tâm hồn, và em có một bản ngã rất cao thượng.

Chắc anh còn nhớ vẫn phê bình em không chịu nhìn xa hiểu rộng, quá chủ quan, chỉ chú trọng đến cái khổ của cá nhân mình. Như vậy thì em đâu có cao thượng, tâm hồn em đâu có gì thiêng liêng đẹp đẽ mà mong phò bầy ! Đã thế em còn vô cùng ích kỷ. Trong khi bao nhiêu người thiếu ăn thiếu mặc, sống vất vơ vất vưởng, xã hội bị đe dọa bởi bao mối hiểm họa, thì em chỉ nghĩ đến cái khổ sở thiếu thốn của mình, chỉ mải cho là mình khổ hơn những người ấy, mối hiểm họa đang đe dọa mình nguy hiểm hơn tất cả. Vậy mà em khoan khoái vì có can đảm biết cái thật của mình, vì cảm thấy đã thành thật với mình. Đó cũng là một sự thắng trận. Thắng trận đối với tự ái. Mà kẻ chiến thắng nào cũng có quyền kiêu hãnh.

Thật vậy. Em mong được thiếu ăn, thiếu mặc như người ta. Tuy em vẫn đem vải sữa, quần áo cũ, cơm thừa cho chị Tư và chị Sáu, em vẫn phàn nàn cho cái cảnh cơ cực của họ, song đừng

trên gác nhìn xuống, em vẫn nói suốt ngày rằng em mong được như họ.

Anh Tư đi đập xích lô, nghiện rượu. Thế mà vì thương vợ, anh ấy bỏ rượu, chỉ mong kiếm đủ tiền ăn là về chơi với con, chuyện trò với vợ, giúp vợ sang sửa túp lều lụp xụp. Chả bao giờ họ cãi nhau. Không bao giờ một người ăn trước. Em thấy họ sung sướng bằng một ngàn lần những người giàu có, song hề nói chuyện là cãi nhau. Chồng lo tiêu thì giờ riêng, vợ lo tìm giải trí khác. Còn chị Sáu bán hàng cơm. Vợ bán hàng chồng rửa bát, vợ đi chợ nấu ăn chồng bán hàng. Thế mà vẫn lam lũ cơ cực ! Nhưng đêm đêm họ tươi cười dắt nhau đi coi hát ra bờ sông chơi. Còn ai sướng hơn họ ?

Em ao ước, thèm muốn được như họ. Đó, nhiều tính xấu xa như vậy, đừng nên làm hại người khác bằng tư tưởng, tâm hồn mình là hơn.

Thời bây giờ tu cũng là một nghề như trăm ngàn nghề khác. Có khác thì chỉ khác tu là một nghề dành riêng cho hạng người ích kỷ, bèn nhát, lo trốn tránh nhiệm vụ, bòn phận, mãi mơ ước những cái cao xa viển vông. Còn nghề gì hợp với em hơn nữa ? Ngoài ra tu còn là một phương pháp để quên rất mau nhiệm. Còn một cái lợi đáng kể : đời sống tu hành rất dễ thành cao thượng, đẹp đẽ.

Nhưng dù sao cũng nên nói để anh yên tâm. Vài lời nói dịu dàng không hề làm kẻ trượng phu kém oai. Ngược lại, còn tỏ rõ cái oai quyền của mình hơn rất nhiều. Tại vì đâu phải ai cũng có quyền nói những lời ấy. Và về vấn đề thư, anh cũng nên yên trí. Nếu như trí thông minh của em đoán đúng thì sẽ không bao giờ em viết thư nữa, hoặc giả không phải thế thì anh cứ tự do lơ đãng trong lúc viết thư trả lời. Tại vì như đã biết, vài lời sơ xuất không có hại gì cho cái oai của người viết, mà chỉ là tỏ ra biết dùng cái quyền của mình.

Đáng lẽ em sửa soạn thí nghiệm phương pháp quên thứ nhất Song phải hoãn lại. Em còn lo đối phó với cái tai họa đang đe dọa em. Người ta hỏi em nhiều câu chết đứng được. Dù em đã

nói không bao giờ anh đến thăm em, gần một năm nay anh mới viết có một bức thư. Nhưng không ai tin ? Thật quả nguy hiểm hơn hết các mối hiểm họa đang đe dọa thế giới.

Thế giới chỉ lo nhất chiến tranh, thì chuyện đó không thể xảy ra. Nhưng theo ý em, hay theo ý những người « thông minh » kiêu em, đều mong có chiến tranh thế giới ngay lập tức, có bao nhiêu bom nguyên tử rắc đều khắp mặt trái đất đi. Như vậy sẽ có lợi trông thấy ngay : giải quyết được hai mối lo căn bản của loài người, nạn nhân mãn và những khổ sở lo nghĩ về đời sống.

Văn minh, khoa học tiến bộ, tiến mãi... Loài người chỉ là nô lệ của sự tiến ấy. Em mong được trở lại thời thượng cổ. Ít ra cũng được sống ung dung để cảm thấy mình sống. Tránh được biết bao vấn đề phức tạp rắc rối.

Nếu có chiến tranh thế giới ngay bây giờ và em chết trước nhất, thì em là người sung sướng nhất thế : em không phải lo cách quên, không lo đối phó với cái tai họa đang đe dọa.

Anh có biết nếu anh có tài thì em làm gì không ? Em sẽ làm một thứ thuốc nổ thật ghê gớm, thật khủng khiếp, cho vào trong ruột trái đất, có một cái ngòi thò ra. Em sẽ cầm một que diêm châm lửa sẵn và ra lệnh cho không nước nào được can thiệp, dính dáng đến nước khác. Hòa bình, công bằng và nhân ái phải đem thi hành ngay lập tức... nếu không thì em châm lửa vào ngòi.

Hiện giờ đã có một thứ thuốc nổ và em thí nghiệm vào anh trước. Nếu anh không thi hành ngay (hòa bình, công bằng và nhân ái) thì em sẽ xuống bếp lấy lửa châm vào ngòi ngay lập tức. Sống trong bất công, chiến tranh mãi chán lắm rồi.



THẸO công lệ, chiến thắng nào cũng có thiệt hại. Vì vậy tôi đã bị thiệt mất đêm tân hôn đầy vui thích đã sửa soạn sẵn. Tiếc quá ! Chỉ muốn được nghe một chữ mà thiệt như vậy.

TUYẾT HƯƠNG

XUÂN PHỤNG

Cánh quạ đen

ANH và em ngồi trong vườn im lặng
Đôi tay em quấn cổ anh như đôi rắn trắng
Vươn lên nhìn trời
Anh và em cùng im lặng

Đôi tay em pha lê
Đàn quạ đen lượn quanh hai ta
Bóng phấp phới trong mắt huyền

Cánh quạ bay trong mắt em
Bay xa bay thật xa
Sao còn chập chờn đôi mắt đen

Anh phá tan im lặng
Bằng chiếc hôn im lặng
Cánh cửa vườn gió xô bần bật
Phá tan im lặng

Tình xuân chưa được
Hồn thu vội tới
Chia ly ma sát yên thương
Môi anh chơi với

Ái tình là giòng sông trôi qua không trở lại
Chỉ trở lại bên anh
Cánh quạ đen bay trong đôi mắt đen.

Có HOÀNG MAI

Chiều biển động

ĐÀM cười đã qua được hai ngày rồi.

Vấn về với Thiệp tại nhà ba má chàng. Thiệp được nghỉ phép mười lăm hôm. Còn đến mười ba ngày nữa, nhưng việc hai vợ chồng đi hưởng tuần trăng mật vẫn chưa được quyết định dứt khoát. Nguyên do là tại Vấn. Nàng nhất định không chịu ra Cửa-Đại hưởng tuần trăng mật, trái lại, Thiệp cứ khẳng khẳng đòi đi Cửa-Đại cho được. Thiệp viện cớ rằng Cửa-Đại ngày nay đã được trùng tu và kiến thiết đẹp hơn trước nhiều. Ở đó, mọi phương diện về ăn, ở, giải trí đều có đủ, giá lại rẻ so với các nơi nghỉ mát khác nên rất hấp với túi tiền của một công chức hạng trung như anh. Tại đấy, Thiệp lại còn quen với nhiều đồng bào làm nghề chài lưới và trong thời gian nghỉ mát, anh có thể theo một thuyền lưới quen nào đó để thưởng thức cái thú đánh cá chuồn ngoài khơi.

Những lý lẽ Thiệp nêu ra để quyến rũ Vấn đều bị nàng tìm đủ mọi cách để từ chối khéo léo. Lúc đầu, Thiệp cười dễ dãi và cho là Vấn cố làm ra vẻ không thích để được chồng dỗ dành năn nỉ, nhưng khi thấy vợ một mực chối từ, Thiệp cũng lấy làm ngạc nhiên. Anh giả dờ hờn dỗi bảo Vấn :

— Mới sống với nhau được vài ngày mà đã khác ý nhau rồi đấy. Thôi, đi đâu cũng được, tùy em.

Trước lời nói buông xuôi của chồng, Vân biết mình đã thất bại, nàng mỉm cười bảo Thiệp :

— Em đùa đấy. Em cũng thích Cửa-Đại lắm chứ ! Hơn hai năm rồi em chưa có dịp ra chơi ngoài ấy. Nhưng anh đừng theo họ ra khơi đánh cá chuồn em mới chịu. Anh có hứa với em như thế không ?

Thiệp gật đầu rồi tát yêu vào má vợ, nói :

Nên nhớ là « cô » đã « xuất giá » rồi. Tôi đi đâu phải đi theo đấy, nghe chưa ?

Vân cũng không chịu kém :

— Nhớ đấy nhé ! Rồi đây người ta cứ đeo theo như cái « rò mọt » thì đừng có phát cáu.

Thiệp phì cười :

— Cái ấy còn... tùy.

Vân lườm chồng. Thiệp đưa tay búng nhẹ vào má Vân rồi bước ra khỏi phòng lấy vespa lên phố mua thêm ít đồ dùng cần thiết cho một chuyến đi chơi biển.

Vân được Nga và Hạnh, hai cô em chồng tuyên bố « tha » cho phần phục dịch cơm nước, bếp núc từ ngày cưới đến... *khi nào anh chị bớt « bận » thì thôi*. Đó là câu nói của Hạnh. Hạnh chỉ mong được dịp đề bảo Thiệp và Vân đang « bận ». Nhiều khi, những sự việc chung quanh không liên hệ gì đến cặp vợ chồng mới cưới ấy cả, thế mà hề có lời Hạnh góp vào thì y như những sự việc ấy được quần quýt chung quanh Thiệp và Vân. Hạnh làm như nàng là một kẻ có lòng tốt, lúc nào cũng chỉ lo gỡ rối cho người khác. Chẳng hạn, mỗi ngày vào buổi sáng, việc pha một bình trà cho ba là do Hạnh phải lo, đó là sự phân công hẳn hoi của gia đình từ trước đến giờ. Ấy thế mà lúc nào đứng trong bếp để chuyển nước sôi từ ấm vào bình trà, Hạnh cũng cứ nói lớn cho mọi người đều nghe ; dĩ nhiên là phải đúng lúc nào có Thiệp và Vân đứng gần đầu đấy :

— Khô thật ! Còn ba mươi phút nữa đi học, thế mà Hạnh

phải pha trà cho ba. Đáng lẽ phần việc này của chị Vân kia đấy. Ba trông có dấu dề pha trà, nhưng thôi, chị Vân và anh Thiệp đang bận. Hạnh phải làm giúp cho chị Vân vậy.

Những lúc đó Thiệp cười xòa, còn Vân thì lườm Nga, lườm Hạnh như ngầm bảo :

— Rồi sẽ đến các cô, có xa xôi gì !

Nga, em kè Thiệp. Hạnh là em út. Vân và Nga là đôi bạn thân cùng học một trường từ đệ thất cho đến khi thi tú tài phần I. Nga hồng thi đến hai lần, nằng bực mình, bỏ học, rồi nhận một chân quản lý cho một cửa tiệm lớn của người chú ruột tại tỉnh lỵ. Hồng tú tài phần I, Vân không học tiếp đề thi lại như Nga. Nàng theo học Quốc Gia Sư phạm. Tốt nghiệp Vân được về dạy tại trường của tỉnh lỵ nàng ở mà ông hiệu trưởng lại là người có cái tên họ ghi chung với Vân trong giấy giá thú : Nguyễn-văn-Thiệp.

Còn Hạnh thì trước sau Vân cũng chỉ xem là một cô em gái nhỏ, tuy tính nghịch nhưng nết na và rất mến Vân. Việc gia đình Vân nhận lời gả nàng cho Thiệp, ngoài Thiệp ra, còn hai người nữa cũng rất vui sướng là Nga và Hạnh.

Nhờ sự quen biết và cảm tình từ trước giữa Vân, Nga, Hạnh nên đã giúp cho Vân khỏi phải lúng túng, bỡ ngỡ trong những ngày mới về nhà chồng. Họ hứa với nhau rằng đừng bao giờ dễ xảy ra những đụng chạm, xích mích dù nhỏ hay lớn vì mâu thuẫn chị dâu em chồng như thường tình.

Như vậy, đối với cuộc hôn nhân của Vân, nàng đã bằng lòng về Thiệp, về gia đình chàng và các em chồng. Vân không có gì phải buồn bã, khó chịu khi phải rời gia đình cha mẹ để bước vào hôn phận làm vợ, làm dâu.

Vân bằng lòng với cuộc sinh sống mới của nàng tại đây với Thiệp, với Nga và Hạnh. Vân tự nhận rằng mãi mãi nàng vẫn không bao giờ bị vương chút buồn nhỏ xảy ra trong căn nhà ấm cúng và vui vẻ này nếu trong số những người thân đừng ai

vô tình hay cố ý động đến sợi giây vô hình mắc liền cuộc đời nàng, linh cảm của nàng với một quá khứ không vui.

Việc Thiệp cương quyết đưa nàng ra Cửa-Đại để hưởng tuần trăng mật là một điều chính tâm Vân không muốn. Chẳng biết vô tình hay cố ý, Thiệp đã nắm sợi giây vô hình đó và kéo mạnh. Sợi giây bị thu ngắn lại để hai đầu giây được gần nhau. Một đầu giây là cửa ngõ thầm kín đầy buồn thương của tâm hồn Vân mà nàng muốn khép chặt lại, chôn vùi vào quên lãng, đầu giây phía kia là quá khứ, là bóng hình một người đã khuất cùng với bối cảnh là Cửa-Đại năm xưa có gió to sóng cả của một chiều biển động.

Vân thắc mắc :

— Câu chuyện cũ của nàng, Thiệp đã biết chẳng ? Vớ lý, vì hồi ấy Thiệp không có ở nhà. Mà nếu biết, tại sao Thiệp còn đeo đuổi để cưới nàng cho kỳ được và trong thời gian gần gũi nhau, tìm hiểu nhau, không bao giờ Thiệp động đến câu chuyện đáng lý ra chàng phải hỏi Vân nhiều nhất ?

— Hay là Thiệp biết, nhưng đứng trước một « việc đã rồi » nên chàng im lặng để tỏ ra khoan dung về dĩ vãng riêng tây của vợ ?

— Hay Thiệp muốn đưa Vân ra Cửa-Đại để báo thù người đã chết và khéo léo hành hạ nội tâm Vân bằng cách bắt Vân sống lại khung cảnh trời nước bao la nơi đã diễn ra sự đau xót một thời cho nàng ?

— ? ? ?

Vân bước lại đầu tủ, tay vặn nút điều chỉnh cho máy thu thanh kêu to hơn để mong tiếng hát của người nữ ca sĩ nào đó có thể lấp được ý nghĩ hiện tại của nàng. Vân lên giường nằm, lắng nghe. Người ca sĩ hát tiếp đoạn lời thứ hai của bản nhạc khá cũ. Vân cau mày. Nàng không chê bản nhạc cũ ấy, nhưng Vân không thích cái giọng hát của người con gái từng bị dư luận chỉ trích về tư cách một dạo trước đây. Vân đứng dậy, tắt máy thu thanh rồi trở lại giường nằm. Căn phòng trở nên im vắng. Buổi

chiều ngoài kia hình như thiếu gió. Tiếng rì rào của nhà máy đèn bên kia đường vọng sang, không dứt. Trên nóc nhà, mấy con bồ câu rúc lên từng hồi rồi cùng nhau vỗ cánh bay đi. Thiệp vẫn chưa về. Nhìn hai bộ áo tắm mua còn treo mắc áo, Vân thấy khó chịu như người lính nhìn bộ quân phục gã sẽ mặc để đến một chiến trường mà gã không thích tham dự.

Lúc này, giữa căn phòng vắng vẻ, Vân không thể quên được câu chuyện cũ mà hai năm qua nàng đã cố tình không nhớ, không nhắc ; nhất là từ khi nhận lời Thiệp, Vân càng muốn xem như kiện đau thương đã qua không hề xảy ra trong đời nàng.

Đó là cái lý do Vân sợ Cửa-Đại, không muốn cùng chồng ra ngoài ấy để hưởng tuần trăng mật,



LÚC ba má Vân mới dọn nhà về thành phố này, nàng hoàn toàn xa lạ với mọi người. Dần dần, qua những năm học tại trường Trung học tư thục T.Q.C., Vân mới quen một số bạn gái tại nhà trường và nhờ họ, nàng mới biết thêm một ít người nữa nhưng sự quen biết của nàng tại thành phố này chỉ quanh quẩn trong một phạm vi nhỏ, Vân không biết Thiệp. Nàng chỉ biết sơ lược rằng Nga và Hạnh có một người anh đang ở phương xa. Vân cũng không tò mò dò hỏi về Thiệp làm gì.

Năm lên đệ tam, một đêm đang ngồi học bài bỗng Vân ngạc nhiên vì tiếng vĩ cầm của ai từ một phố lâu bên kia đường vọng sang. Vân soát lại trí nhớ một lượt thử xem trong khu phố nàng ở có « tay » nào chơi vĩ cầm không ? Dững này, Hoàng Tuấn này, Quy, Nhã và Tiêu này, Vân không lạ gì những ông mảnh ấy cả. Họ chơi nhạc và từng đàn giúp trường Vân mỗi khi có lễ hay các cuộc vui do nhà trường tổ chức, nhưng họ chỉ sử dụng Tây-Ban-cầm, Hạ-ny-cầm, Băng-cầm, trống và sáo thôi chứ không có cậu nào chơi vĩ cầm cả.

Tiếng vĩ cầm bỗng dưng xuất hiện tại khu phố của nàng là

một sự lạ. Chắc phải có một người nào từ xa mới đến. Vân lắng nghe. Kẻ nào đó đang chơi bản *Beau Danube Bleu* của *Johann-Strauss*. Tiếng đàn rất trong, bậc « octave » cao vút, liêng thoảng. Vân xếp sách, bước lần ra cửa sổ. Người nhạc sĩ lạ như không biết có kẻ đang theo dõi tiếng đàn của gã. Gã say sưa nương nghệ thuật dễ ngao du trên giòng sông xanh đầy âm thanh, ánh trắng và sóng. Có lúc tiếng đàn chậm như con thuyền không người lái lững lờ trôi trên mặt sông êm đềm giữa hai bờ cát ; có lúc vút cao như tiếng gió rít trên ngàn dương liễu, chơi vơi tận cung mây ; có khi dồn dập, gấp rút như tiếng sóng xôn xao, cuồng loạn của một chiều gió bão...

Bản nhạc được điệp khúc. Vân hát nho nhỏ theo tiếng đàn :
 « Sóng về, sóng dào dạt ý. Hát tang bồng, trôi tàu mà đi. Ai
 « giang hồ sau nghìn hải lý. Kết tình duyên nơi đâu đó ghé qua
 kinh kỳ...

« Ôi ! mắt em xanh như đêm dài, để người quên kiếp mai.
 « Sóng về, sóng cười ròn tiếng. Yêu mối tình bên bờ thành
 Vienne... »

Vân buột miệng khen :

— Ở đây không thể có tay nào chơi vĩ cầm cừ đến thế !
 Vân trở vào bàn học. Tiếng đàn vẫn còn réo rắt, trầm bổng.
 Nàng không thể học tiếp được nữa.

Vân thầm bảo :

— Ngày mai phải tìm cho ra « lý lịch » của anh chàng nhạc sĩ lạ này mới được.

Sáng hôm sau, khi Vân ôm cặp vừa ra khỏi cổng, nàng gặp một thanh niên từ căn số lầu bên kia bước ra đường. Vân thoáng nhìn người lạ mặt và biết ngay đó là kẻ độc tấu vĩ cầm đêm qua.

Người ấy đi theo Vân. Đến khi vào trường, Vân nhìn lại, nàng vô cùng bối rối vì gã đã bước theo nàng, vào sân trường. Vân vội vã vào lớp để tránh con người kỳ dị ấy.

Giờ học bắt đầu, Vân lại thêm một sự ngạc nhiên nữa là người ấy đi bên cạnh ông hiệu trưởng, tiến vào lớp.

Ông hiệu trưởng giới thiệu với lớp học :

— Đây là nhạc sĩ Kiều-Vinh, mới đến để dạy nhạc cho trường ta. Tôi xin hân hạnh giới thiệu cùng các anh các chị. Kể từ hôm nay, trường ta khỏi lo thiếu vị giáo sư nhạc nữa.

— À ra thế!

Kiều-Vinh người độc tấu vĩ cầm đêm qua tại khu phố của Vân mỉm cười, nghiêng đầu chào toàn thể học sinh. Một tràng pháo tay vang dậy mừng vị giáo sư nhạc đã đến để đáp ứng nhu cầu của trường và làm thỏa mãn sự chờ đợi của học sinh.

Kiều-Vinh còn trẻ lắm, chỉ vào khoảng hăm bốn, hăm lăm tuổi thôi. Mấy cô bạn cùng bàn biết chuyện bảo Vân rằng : Kiều-Vinh đã theo một lớp tu nghiệp riêng về vĩ cầm tại Pháp mới về và nhận lời dạy nhạc cho trường vì chàng là em vợ của ông hiệu trưởng.

Kiều-Vinh rất ít nói ; ít nói đến cả những khi chàng giảng dạy về nhạc lý. Ngoài giờ dạy, chàng thường im lặng, trầm ngâm và hút thuốc lá liên tiếp.

Kiều-Vinh không có xe riêng và tuy là em vợ của ông hiệu trưởng nhưng chàng không ở với anh chị mà ở riêng một mình tại căn gác cùng khu phố với Vân.

Vì hai nhà ở gần nhau nên cứ sau giờ tan học, Kiều-Vinh và Vân từ trường về nhà cùng một con đường. Bao giờ Vân cũng nhường cho chàng đi trước và không mấy khi hai người nói với nhau câu chuyện gì đáng kể.

Đối với tất cả học sinh nam nữ, Kiều-Vinh xem ai cũng như ai. Lúc nào chàng cũng dè xẻn từng lời nói, chỉ nói với người nào khi có sự cần thiết thôi. Trong giờ dạy học, Kiều-Vinh không chịu nói lời nào ngoài phạm vi giảng giải của chàng.

Học sinh phục tài chàng nhưng ai cũng nhận thấy bəo húng trong giờ chàng dạy mà lẽ ra giờ nhạc là giờ vui vẻ, thích thú nhất.

Vân muốn tìm hiểu Kiều-Vinh, muốn biết con người có một tài năng nghệ thuật như thế, mà còn trẻ nữa, tại sao lại không ham hoạt động?

Nhưng tìm hiểu bằng cách nào?

Thật là khó. Thứ nhất là sự cách biệt giữa Vân và Kiều-Vinh : một đẳng là giáo sư, một đẳng là học trò. Lễ thứ hai là chàng cứ lăm lăm lì lì, khó gọi chuyện, hết giờ dạy tại trường thì về căn gác trọ xem sách hoặc đàn chứ không chịu giao du với những người chung quanh dù là với gia đình các học sinh và phụ huynh của họ.

Có kẻ bảo Kiều-Vinh kiêu hãnh, khinh người ; Có kẻ độc ác hơn lại bảo chàng đã bị một ã nào đó bỏ rơi và mang theo tất cả hờn vía.

Nhưng dù kết luận đầu này, phỏng đoán đối đầu nọ, người ta vẫn không tìm được nguyên nhân lạnh lùng của Kiều-Vinh đối với mọi người.

Vụ nghĩ hè năm đó, một số học sinh yêu cầu Kiều-Vinh dạy nhạc thêm cho họ. Chàng nhận lời. Trong số sáu người học nhạc thêm có Vân và Nga, em gái của Thiệp. Lớp học được mở tại căn gác của Kiều-Vinh đang trọ. Mỗi tuần lễ học hai giờ vào ngày thứ sáu, từ 3 đến 5 giờ chiều.

Được tương đối gần gũi Kiều-Vinh hơn lúc học tại nhà trường, Vân nhận thấy chàng có nhiều đức tính dễ mến ngoài bộ mặt lạnh lùng.

Cũng trong thời gian này, Vân lấy làm lạ về cái nhìn đặc biệt của Kiều-Vinh dành cho nàng. Đôi khi cúi nhìn vào trang sách nhạc hay tập soạn một đoạn nhạc, lúc ngẩng lên, Vân bắt gặp Kiều-Vinh nhìn nàng. Chàng vội vàng quay mặt sang chỗ khác để cải chính một cách im lặng về sự nhìn trộm của mình.

Nhiều lần như thế khiến Vân phải suy nghĩ về Kiều-Vinh. Nhiều câu hỏi không có giải đáp liên miên hiện ra trong tâm trí nàng.

Một buổi chiều, Vân đến căn gác của Kiều-Vinh để học nhạc sớm hơn các bạn, sớm hơn thường lệ. Nàng lên gác trong lúc Kiều-Vinh còn rửa mặt dưới phòng tắm. Vân rón rén lại ghé ngồi rồi nhìn lên bảng đen. Nàng đọc mấy chữ :

— Ô ! đôi mắt...

Nét chữ đúng là của Kiều-Vinh. Nhưng tại sao chàng lại viết như thế ? Đôi mắt nào ? Đôi mắt đẹp hay xấu, của người đã chết hay của kẻ còn sống, của người trong tiểu thuyết, trong nhạc, trong thơ, ở gần chàng hay ở phương trời nào ? Đôi mắt nào nhỉ ?

Vân suy nghĩ mông lung. Nàng cũng không thể trả lời cho chính nàng rằng tại sao nàng lại suy nghĩ, thắc mắc nhiều về ba chữ phần trên bản của Kiều-Vinh viết ? Vân liền tưởng đến những lần Kiều-Vinh say đắm và kín đáo nhìn nàng. Chàng nhìn gì trên con người nàng ? — Mái tóc, khuôn mặt, chiếc miệng hay... đôi mắt ? Nếu quả chàng nhìn đôi mắt Vân thì mấy chữ phần trên bảng kia có liên lạc gì đến đôi mắt của nàng không ? Giòng chữ có ý nghĩa khen hay chê ?

Vân thấy lòng xao động. Chẳng biết tại sao nàng muốn mấy chữ trên bảng đen thuộc về nàng, thuộc về đôi mắt của nàng.

Bỗng dưng, trong một thoáng, Vân lại ngẫm ganh tị với đôi mắt nào đó nếu những chữ trên bảng là Kiều-Vinh viết cho họ.

Nàng muốn biết ngay dụng ý của Kiều-Vinh về mấy chữ ngắn ngủi và mập mờ ấy. Nhưng làm sao ?

Hỏi chàng ư ? — Nàng sẽ lấy tư cách gì đề hỏi và dù sao đi nữa thì giữa Kiều-Vinh với nàng, cái ranh giới học sinh và giáo sư vẫn còn cách biệt.

Có tiếng chân người bước lên thang gác. Vân cố giữ vẻ mặt bình tĩnh và một thái độ tự nhiên. Nàng giả vờ lật lật tập nhạc lý như để tìm một chương nào cần đọc lại.

Lên đến đầu thang, Kiều-Vinh vui vẻ chào Vân :

— Chào Vân, sao chiều nay Vân đến sớm thế ?

Vân ngẩng mặt lên, cười nhẹ, không đáp.

Nàng hơi giận Kiều-Vinh về câu hỏi quá vô tình của chàng. « Sao chiều nay Vân đến sớm thế ? » Theo Vân, đáng lẽ ra chàng không nên nói thế vì sự đến sớm của nàng, Kiều-Vinh chỉ nên nhận thấy mà không nên hỏi. Hỏi, nàng không biết trả lời thế nào nhưng tất cả nguyên do của sự đến sớm đều tan tành. Vân cho là Kiều-Vinh đã dẫm chân lên thiện chí của nàng.

Kiều-Vinh sực nhìn lên bảng rồi lật đật bước đến lấy khăn lau vội giòng chữ đã làm Vân suy nghĩ không ít.

Chàng vừa lau bảng vừa nhìn Vân, tủm tỉm cười.

Được dịp, Vân đánh bạo hỏi :

— Giòng chữ ấy là thế nào vậy, thưa... thầy?

Vân cố sửa cho tiếng «thầy» được gọn, được tự nhiên nhưng chẳng biết vì sao, tiếng ấy lại bị rời ra khỏi toàn câu hỏi bằng một quãng cách của âm thanh.

Kiều-Vinh khoanh tay trước ngực, nhìn Vân, mỉm cười :

— Là... là một sự bí mật mà vì bổn phận của một nhà giáo, tôi không thể tiết lộ. Tôi chỉ có thể giải thích sự bí mật đó với Vân nếu tôi chỉ là một nghệ sĩ tự do, không dính dấp đến tư cách của một nhà mô phạm.

— Thưa thầy, em vẫn chưa hiểu.

Kiều-Vinh không cười nữa. Nét mặt chàng trở nên dăm chiêu và phẳng phất buồn.

— Chịu ! Tôi không thể nào nói tiếp vì ngồi trước mặt tôi, Vân là học trò của tôi. Tôi không thể cùng một lúc xem Vân là học trò và là một người... người bạn chẳng hạn, để thổ lộ ý nghĩ riêng tây, tiết lộ tình cảm của tôi.

Vân không hỏi nữa. Nàng đã hiểu đôi mắt ấy là của ai rồi.

Nàng thầm trách Kiều-Vinh cứ xem nàng như một cô học sinh bé nhỏ và chàng tự cho mình đã lớn, đã cách biệt khá xa với lớp tuổi của Vân.

Như được bạo dạn hơn, Vân bảo cho Kiều-Vinh biết rằng nhiều người thắc mắc và không bằng lòng về thái độ lạnh lùng của chàng.

Với giọng nói rất thành thật, Kiều-Vinh trả lời Vân :

— Tôi cũng nhận điều ấy là một khuyết điểm. Đó là cố tật do sự cô độc của tôi trong những tháng năm dài bơ vơ tại Pháp chứ không phải kiêu hãnh hay bởi một đau buồn nào. Nhưng từ nay trở đi, tôi mới lạnh lùng và buồn thật sự Vân ạ !

— Vi... đôi mắt ?

— Vâng, chính thế !

Vân không ngờ mình đủ can đảm đề hỏi một câu như thế.

Từ đó, vào những đêm có tiếng vĩ cầm của Kiều-Vinh từ phố lâu bên kia vẳng sang, Vân có những rung động xôn xao khó tả. Nàng cho Kiều-Vinh đàn vì nàng, vì đôi mắt của nàng, vì mối tình không thể thổ lộ của một giáo sư với cô học trò, mặc dù về tuổi tác Kiều-Vinh không lớn hơn Vân bao nhiêu.

Vân đã yêu Kiều-Vinh kể từ hôm nàng biết mập mờ về câu chuyện đôi mắt. Tuy nhiên, Vân không biết làm gì khác hơn là ngoan ngoãn nghe lời chỉ bảo của Kiều-Vinh. Song, càng ngoan ngoãn, chăm chỉ học hành, Vân lại càng làm rõ rệt thêm cái vị tri của « cô học trò » trước một thầy giáo.

Một khi Kiều-Vinh chịu nói ra sự bí mật của đôi mắt — nói với Vân — tức là hàng rào ngăn cách giữa hai người đã bị phá vỡ.

Vân chờ đợi điều đó.

Cuối mùa hè, gần đến ngày tựu trường, Kiều-Vinh rủ mấy học sinh gồm có bốn nam và hai nữ là Vân và Nga tổ chức một cuộc đi chơi Cửa-Đại.

Lúc bấy giờ Cửa-Đại chưa có khách sạn nên thầy trò Kiều-Vinh gồm bảy người thuê hẳn một căn nhà gần bãi biển để nghỉ.

Đêm đầu tiên là một đêm trăng. Mấy cậu kia và Nga dắt

nhau vào xóm chài lưới để chọn mua vỏ ốc biển. Kiều-Vinh rủ Vân đến nhà quen làm nghề đánh cá chuồn để chàng xin theo ra khơi một chuyến.

Trên bãi biển, hai người sánh vai nhau ung dung bước dưới ánh trăng. Gió mát rượi. Ngoài khơi, sóng biển lăn tăn phản chiếu ánh trăng lấp lánh trông như hàng triệu con cá bạc đang nô đùa.

Vân gợi chuyện :

— Thầy có thể cho em biết sự bí mật về câu chuyện đôi mắt của thầy không ?

Kiều Vinh cười :

— Sao lại của riêng tôi ? Phải nói là của tôi và của ... của người có đôi mắt ấy nữa chứ ? Nhưng đợi đến ngày Vân không còn là học trò của tôi nữa tôi mới dám nói.

— Vân im lặng. Nàng dừng lại để bước theo sau Kiều-Vinh. Chàng biết Vân đã giận nên dịu giọng :

— Vân tò mò lắm ! Thôi được, xin hẹn tối mai nhé ! Tối mai, sau khi theo người quen ra khơi đánh cá chuồn trở về, tôi sẽ cho Vân biết một phần câu chuyện khó nói của tôi.

Hai người đến một nhà tại xóm chài. Ông chủ nhà trạc ngoại tứ tuần, người cao lớn, vạm vỡ, nước da rám nắng mừng rỡ chào Kiều-Vinh. Sau vài câu thăm hỏi, Kiều-Vinh bày tỏ ý định xin theo ghe chài lưới ra khơi.

Ông chủ nhà sốt sắng :

—Ồ, được lắm ! Có thầy đi theo càng vui. Mấy năm trời thầy ở bên Pháp làm gì được hưởng cái thú ra khơi với một ghe chài ? Thầy có duyên lắm đấy nhé ! Suốt tuần nay chúng tôi ở mãi trong bến vì ngoài khơi có gió lớn liên tiếp. Cả ngày hôm nay biển lặng, sáng mai chúng tôi lại ra khơi.

Kiều Vinh cảm ơn ông chủ nhà rồi xin phép trở về nhà trọ để sáng mai đi sớm.

Rạng đông ngày hôm sau, Kiều Vinh dẫn bọn Vân ở lại nhà chờ chàng. Kiều Vinh mang theo rượu chát, máy ảnh và nhập bọn với đoàn người đánh cá ra khơi.

Vân chỉ mong Kiều Vinh trở về để nàng được nghe tiếp câu chuyện đôi mắt do chàng kể, câu chuyện liên quan đến nàng, của nàng. Vân chỉ chờ Kiều Vinh bày tỏ tâm sự của chàng, để ít ra Kiều Vinh cũng hiểu được lòng nàng đôi chút.

Buổi chiều, khoảng ba giờ, Vân thức giấc nhìn những cơn gió mạnh chổi tung bụi cát vào phòng nàng. Vân ngồi dậy, dụi mắt. Gió từ biển cả lồng lộng thổi vào không dứt. Nàng nhìn ra biển : sóng cuộn cuộn, sóng tràn bờ, mưa đen nghịt cả bầu trời. Nàng lần ra cửa. Những người dân tại xóm chài lưới tấp nập chạy ngược chạy xuôi, kêu gào thảm thiết :

— Biển động ! Biển lại động bà con ơi ! Trời lừa phỉnh tàn ác quá ! Hôm qua biển đã yên lặng sao chiều nay lại mưa bão ghê gớm thế này ? !

Họ lo cho số phận những người ra khơi đánh cá chuồn từ sáng sớm. Vân hồi hoàng nghĩ đến tính mạng Kiều-Vinh. Nàng gọi giát giọng Nga và mấy cậu học sinh thức dậy. Ai nấy đều kinh hoàng, lo âu, mặt tái mét. Những giọt nước mắt lăn nhanh trên gò má Vân. Nga nhìn nàng rồi quay sang chỗ khác.

Gió mỗi lúc càng thêm mạnh hơn. Mưa từ ngoài dần dần lan vào bờ biển và bắt đầu xối xả xuống xóm dân chài.

Vân vào giường nằm áp mặt vào tường khóc nức nở. Nàng không thể dối lòng mình được nữa.

« Kiều-Vinh ! Kiều-Vinh ! Liệu anh có được bình yên để trở về hay không ! »

Nàng khe khẽ gọi tên Kiều-Vinh. Linh tính báo cho nàng biết rằng : không bao giờ nàng được nghe câu chuyện đôi mắt của chính nàng.

Gió rít. Gió loạn cuồng. Ngoài kia, biển mờ mịt, sóng vẫn gầm, vẫn thét.

Vân thiếp đi trong cơn kinh hoàng và xúc động đến cực độ...



Thiếp và Vân thuê một phòng ngủ vào hạng hơi sang tại Cửa-Đại để hưởng tuần trăng mật.

Quang cảnh Cửa-Đại ngày nay đẹp đẽ hơn ngày xưa với những quán nước, quán ăn. khách sạn mới mẻ và xinh xắn.

Vân không dám nhìn về phía xóm chài, nơi có nhà người quen của Kiều-Vinh ngày trước. Nàng giả vờ vui vẻ để dấu chồng niềm thương cảm và chút kỷ niệm cũ, trong đó có mối tình không đầu không cuối và một người chớm bước vào cuộc đời nàng nhưng đã cùng một số đồng bào chài lười mất tích ngoài khơi Cửa-Đại trong một chiều biển động năm xưa.

Nắng mai ấm áp và trong trẻo. Biển lặng. Mặt nước trong xanh, không động, đáy đó, từng cặp trai gái vui vẻ nô đùa....

Sau vài vòng bơi gượng gạo cùng chồng, Vân đứng lặng nhìn ra khơi, đôi mắt buồng xa vắng...

Ngạc nhiên vì nét mặt u hoài bất thình lình của vợ, Thiếp hỏi vợ :

— Em nghĩ gì thế ?

Vân mỉm cười, đáp lửng :

— Không !

Mùa tắm biển, 1961

HOÀNG MAI

— *D* À N bà là kiệt tác của vũ trụ.

LESSING

ĐỖ TẤN

Đời trưa

MỘT con bướm vẽ vòng trên trời
Những con chuồn chuồn lập đàn cầu mưa
Sao trong tôi trống rỗng
Nắng mênh mông trong hồn làm hoang vu thêm trưa
Mấy tiếng cóc kêu trong xóm tối
Cột nhà đứng im
Không có gì đáng nói
Thời gian lặng ngấm trời chìm
Tôi đếm thời gian bằng một, hai, ba, bốn
Thời gian không đi mà vượt tiếng tôi
Bóng chiều sẽ ngã theo vầng trán
Ngày già sẽ đi theo màu môi
Tôi không đợi ai hết
Vì trong tôi đi lên bóng chết
Tôi bình yên nằm nghe thời gian trưa nay
Thời gian lững lờ như những chấm than dài
Cuộc đời cắt ngang như một dấu phết
Không ai sẽ còn, không ai sẽ chết
Trừ tôi
Thời gian chỉ một tuổi mà thôi

Không biết yêu ai, tôi yêu cuộc đời
Tôi muốn cuộc đời cứ như năm bảy tuổi
Có những dòng nước mưa dưới rãnh trôi xuôi
Có những tờ giấy xanh không gởi một người
Có một màu son không tô lên má
Có những hôn nồng không hôn lên môi
Có mấy cánh hoa
Có tiếng chim trời
Có con bướm vẽ vòng trước ngõ
Có chiếc xe không đỗ tận nhà
Một chút buồn khi có tiếng đi xa
Một lòng vui khi nghe tin âu yếm
Tôi muốn đặt tên trưa hôm nay là « Trưa lưu luyến »
Tôi muốn đặt nắng hôm nay là « Nắng Thiên đường »
Một mình tôi nằm ngủ miên man
Trước cửa ngục cuộc đời quặn đau tất thờ



Cuộc đời ngủ im trong đôi vòng mắt mở
(Chuyện ấy thuộc về ngày xưa)
Dù là những màu xanh nhưng mà vẫn màu trưa
Dù là những màu hoa nhưng vẫn là màu tuổi trẻ
Đói khát trước đây : vớng hiên tay mẹ
Bây giờ xa lạc bơ vơ
Như một miếng mây bé bỏng, vật vờ
Ngàn xanh thời gian, ngàn sau cô cút
Biết gọi ai
Khi là thân mây trong thời gian mỗi mết
Đưa tay vốc gió ngậm vào hôn
Nửa cuộc đời trưa tím bỏ ai chôn ?

Nguyên tác của : HERVÉ BAZIN

Bản dịch của : ĐỨC QUANG

Đưa con trai

13 năm sau khi vợ chết tình cờ được biết đứa con trai yêu quý nhất lại là đứa con... ngoại tình của vợ.

Lòng tự ái, nhân đạo, yêu con, sự đổ kỵ về dòng máu khác biệt là những tâm trạng đã chống đối nhau ác liệt mà kết luận của chuyện ngắn này là một giải đề.

CHỊ Hai đã dọn bàn ăn, sửa soạn súp và cắt bánh xong. Vì cần phải đi ngay, chị ngồi khâu vội vàng, đầu nghiêng nghiêng tay vừa rút chỉ lên lại đưa mũi kim xuống, đầy kim bằng một chiếc khâu vàng — bao vật duy nhất chị đã thừa hưởng của người bà nội giàu có. Mặc sơ mi rồi, tôi đứng trước mặt chị đề nhờ chị đính xong cúc cái áo vét của tôi. Trên đầu chúng tôi quả lắc chiếc đồng hồ cũ kỹ qua lại nặng nề trong cái võ chạm hoa là treo trên bức tường đã ám khói.

— Thưa xong rồi, chị Hai đưa áo cho tôi.

Cái áo quệt qua bàn làm rớt xuống đất một tấm phiếu bằng bìa trắng. Tôi lượm nó lên một cách hững hờ.

— Ông đừng vứt cái ấy đi — chị Hai bảo tôi. Đây là tấm phiếu cho máu của cậu Bruno, chắc cậu bỏ quên trên bàn.

Tự nhiên hình ảnh của Bruno hiện đến với tôi một cách

triu miễn : trong ba đứa con thì nó là đứa độc nhất đã đáp ứng lời kêu gọi cho mau trên các làn sóng điện.

Trên tấm phiếu, một hàng chữ rỗng viết nắn nót đẹp dễ : « Astin Bruno Rodolphe 18 tuổi, cư ngụ tại Chelles... » phía dưới chỉ chít những hàng ghi ngày tháng bị nhòe ra chắc vì thấm vôi. Mặt sau, một bàn tay lạnh lẹn viết nguệch ngoạc bằng bút đỏ : « Máu loại O, người cho máu vĩnh viễn ».

Trời ! một bàn tay lạnh lẹn ! Một bàn tay độc ác ! Và ở gần bàn tay tôi, tấm phiếu rung lên, nó không còn được giữ vững, rời ra và lại rớt xuống đất làm cho chị Hai phải vội vàng nhặt lấy.

Chị Hai hiểu ngay câu chuyện. Tuy chị không biết gì về thuyết Landsteiner, không biết gì về bốn loại máu cũng như thuyết di truyền của Mendel, nhưng chị vẫn hiểu được rằng bất cứ người cha nào cũng không có thể truyền cho con một loại máu khác máu mình.

« Ôi Astin ! nền công lý hằng cửu mà người đã từng nhìn thấy ở khắp mọi nơi và thường cầu cứu nó, thì nay, với người, nó không thể chờ đợi lâu nữa. Chỉ trong một giây thôi, do mảnh giấy này, một vấn đề lâu đời không ai lưu ý làm sáng tỏ, bỗng nhiên được giải quyết dứt khoát. Trước đây, trong một nhà thương Đức, người đã tình cờ biết được máu người thuộc loại nào và người đã đọc sách khá nhiều đề hiểu rằng không bao giờ — phải, không bao giờ — một người cha có loại máu A B lại có thể có đứa con máu O được ».

Chị Hai đầu bạn mãi vẫn đứng chờ không dám nhúc nhích. Con chim sắt của chiếc đồng hồ chạy ra kêu tám tiếng. « Ồ, cảm ơn mi ! Mi thực là khả ái. Nhưng tám tiếng thì hơi nhiều đấy, ta hiểu như thế. Mi là một con chim, một linh khiếu mà ở đấy đôi khi ta đã coi như tìm thấy Chúa Cứu Thế. »

— Ông hãy ngồi xuống đi, chị Hai khế bảo tôi.

Chị Hai — tâm hồn tốt đẹp ấy — đẩy nhẹ chiếc ghế về phía tôi nhưng rồi chị lại đẩy luôn chiếc khác vì chiếc trước lại đứng

là chiếc ghế khập khễnh một chân. Cái chân khập khễnh này đã đến lúc tôi phải sửa chữa lại rồi !

Trong nhà, những đồ dùng lặt vặt cần thiết cấp bách thường lại là những thứ người ta nghĩ đến sau cùng. Người ta đã từng ngồi năm này qua năm khác trên một chiếc ghế xộc xệch mà mỗi khi ngồi thường tự nhủ : « ta sẽ sửa nó lại vào thứ bảy này ». Cũng như chuyện thằng Bruno, đã 13 năm nay, 365 ngày trong một năm cộng thêm 4 ngày của những năm nhuận, cái việc phải làm—cái việc thử máu nó—trong khoảng 4750 ngày ấy tôi có thể làm được 4750 lần rồi. Thế mà, người ta không nghĩ đến, người ta không dám dấn động đến, người ta cứ giữ mãi sự ngờ vực, ôm lấy số phận may rủi, người ta đeo dòn gánh đè vai, trong khi đưa trẻ trưởng thành theo năm tháng và trí khôn của nó như lời Thánh Kinh dạy. Và đến như thế người ta mới biết được là đã không đề phòng. « Trước một trạng thái đột hiện không làm cho người ngạc nhiên thế mà cũng đã làm cho người ngồi chết lạng trên ghế. Phải chăng đó còn là cái phần may mắn ! »

— Thưa ông — chị Hai nói — sự phân loại máu chưa chắc đã đúng.

— Không, chị Hai ạ, nó rất đúng đấy !

— Có thể như thế, nhưng sau hết nó có thay đổi được gì đâu.

Thực vậy, không thay đổi gì hết ! Người cha chỉ là kẻ do lẽ nghi minh chứng, đúng như câu triết ngôn Ý đã nói. Trong vũ trụ có một loài xấu xa, liêu lĩnh không đáng kể — và không bao giờ được kể đến — đó là con chó đực — như tất cả loài chó đực — không biết đến những con chó con. Chính thức, con nuôi, sự liên hệ giữa nó với tôi, chà, những hình dung từ đẹp đẽ, những hình dung từ của pháp lý !

Tôi đứng lên và bằng một giọng khàn khàn buồn thõng một câu :

— Chẳng có gì quan trọng !

Lạy Chúa, hình như tôi đã khóc bên cạnh chị Hai, người

giặt đủ quần áo cho tôi, người giúp việc trong nhà, người đầu bếp và cũng là khán hộ của tôi đang đặt một bàn tay lên cổ tay tôi và nhìn tôi như trước kia với một sự kính mến nồng nhiệt, quái dị. Chị Hai tốt, tốt lắm, lúc nào cũng tốt trong mỗi tình huống chênh lệch; một con người hầu như không có gì làm cho buồn nản được thể mà đã buồn nản trong cảnh này. Nhưng, chị đã hiểu lầm về những giọt nước ấy, những giọt nước kỳ cục ở dưới đuôi lông mày của một lão già.

Chị đã lầm ! Sự thử thách qua rồi ! Không có gì quan trọng ! Như vậy cũng hay ! Càng hay, vì nó đối với tôi không thân thuộc gì cả, nó là đứa con tôi nhặt được, nuôi giúp, nhưng đồng thời nó là tất cả của tôi. Thực là một ân huệ to tát !

« Mày không mang giòng máu ta, mày còn phải mang nghĩa nặng cha con bởi lòng từ thiện của ta. Không một ai trên trái đất này làm cho ta đau khổ đến như thế và cũng không ai làm cho ta vui thú như thế. Không ai gần ta như mày. Không ai quen thân ta hơn mày. Ồ, việc truy nguyên để tìm ra người cha phải đâu dẫn dụ như luật pháp của một dân tộc nông nổi kia quy định. Nó là một luật trừ mà đáng lẽ luật trừ ấy phải được ghi vào pháp luật. Chúng ta tất cả đều có thể chịu đựng làm cha và chúng ta chịu đựng làm cha khi có kẻ đối với chúng ta như con và không có gì minh chứng xác thực về người cha bằng sự công nhận của đứa con. Nhưng có thể không cần biết đến nguồn gốc của người cha được công nhận ấy không nhỉ ? Như tôi đã đối xử với nó đấy ! Nó thành con chính thức của tôi rồi, phải chính nó, nó cũng giống như tôi, nó nhìn tất cả mọi vật bằng tình cảm, nó không có tham vọng, năng lực, phương tiện để làm vui lòng tôi nhưng nó bảo : « Cha tôi, tôi sẽ không bao giờ thay đổi... »

Sau cùng tôi yên lặng nhìn đồng hồ trên tường. Con chim sắt vẫn ẩn núp tấm cửa gỗ. Tôi tự hỏi : phải chăng những kẻ có lòng có thể tha thứ cho những biến cố do xác thịt gây ra ? Trong năm mươi năm nay, những giòng máu chung quanh những ống xương đang bị hao mòn của tôi đây, đã ai là người tìm tôi phân tích để xem tôi thuộc giòng giống nào ? Ồ con chim sắt, sao

mày không gáy nữa đi dù tiếng gáy y thực như loài chim trong rừng hay giả tạo trong chiếc đồng hồ, gáy cho những kẻ mai hậu thỏa thích cuộc đời khoáng đạt, gáy cho xóa nhòa cả hệ thống gia tộc của tất cả những con người giòng giỗi xa gần của một đứa con ngoại tình được thu nhận. Gáy nữa đi, hỡi con chim sắt, mày không khinh tao chứ ?

— Tôi mong ông cứ vui vẻ như thế này, chị Hai bảo tôi.

Chị chưa bao giờ nói nhiều như chiều nay. Chị có vẻ buồn phiền về chuyện ấy. Cầm lấy chiếc muống chị múc váng trong nồi canh dương sôi trên bếp điện đổ vào cái bô tráng men. Tôi nhủ thầm : « Astin ạ, giọng hậm hực của người thực chỉ là một trò cười chứ không làm cho người vẻ vang gì đâu. Người hãy xem cử chỉ của chị Hai đấy, nó giản dị biết bao nhiêu ! »

— Tôi đã sửa soạn đầy đủ, sẵn sàng rồi — chị Hai tiếp — Ông không cần sai bảo gì tôi nữa chứ ? Tôi lại thăm mẹ tôi một chút.

Chị đi ra với nụ cười tươi tỉnh như an ủi tôi. Chị đi ra để lại gian bếp trống trải đầy mùi rau đậu và, lần đầu tiên, tôi chú ý đến cảnh này.

HERVÉ BAZIN

(Hàn Lâm viện Goncourt)

ĐỨC QUANG dịch

Ô RÊ N con đường phát triển riêng biệt của họ, người đàn bà chỉ thích bắt chước các thói tập đàn ông có một thời kỳ nào đó, thích làm những nghề của đàn ông trong một thời kỳ nào đó mà thôi. Thời kỳ quá độ bất định ấy qua rồi, người ta sẽ thấy rằng những hành động giả trang (thường thường lỗ bịch) ấy chẳng qua chỉ là để gột rửa blem tính đàn bà của họ cho sạch những ảnh hưởng lệch lạc của nam giới. .

R. M. RILKE

Cô PHỤNG LOAN

Em đi về giữa...

***Em đi về giữa nước non này
Mắt lệ phai mờ tóc lạnh vai
Thao thức nghe mùa tan dưới nguyệt
Nỗi đời em xẻ bớt cho ai ?***

***Dư dang mùa trước ở đâu rồi
Bước hận chia lìa máu nhạt môi
Tiếng khóc câu cười thôi thế đã...
Chiều dâng mây trắng tủi xanh trời***

***Em đi chân bước với tay buông
Còn nữa không em mộng giữa nguồn
Sóng dạt buồn trôi con gió lại
Nát mòn hạnh ngộ dưới mưa tuôn.***

CÓ TÚY HỒNG

Bát nước đầy

BÀ Thơm Bảo tức muốn điên người. Bà muốn hét to lên cho vỡ cả hoàn cảnh. Ngọn nắng mười hai giờ của xứ Huế như đốt cháy da thịt bà. Mặt bà dài ra ; cái đau khổ của bà thật đã đến độ é chề. Huyền, cô con gái lớn của bà đại dột đi lại với « hần » đến nỗi mang thai và « hần » đã trốn biệt nhà bà. Bà sợ đến dại người.

« H » đến nhà bà đã hơn năm tháng nay. Mỗi lần có « hần » bà thường lui xuống nhà ngang. « Hần » chào, bà cười dễ dãi. Bà cũng biết « hần » với con bà yêu nhau và bà không cấm con yêu. Bà vẫn tưởng con bà khá, không ngờ lại mau hư đến thế. Bà có nuông chiều con đâu, bà đã uốn nắn dạy dỗ theo khuôn khổ của bà nhưng con vẫn hư và tính nó không giống bà. Ông Tham mất, bà đi dạy nuôi con, dồn tất cả yêu thương cho con để con đừng bao giờ có cảm tưởng mình thiếu một người cha.

Bà càng nghĩ càng tức, con một bà giáo, Huyền cũng là một nhà giáo mà tội lỗi đến nước này ư ? Rồi đây bà có dám nhìn ai không, bà phải che mặt trước thiên hạ. Sinh con gái thật vô phước ! Nó báo hiếu đấy à ? Bà ở vậy nuôi con để nhận cái hiện tại này sao ? Bà nổi giận muốn vào đánh con một trận rồi ra sao thì ra ; người ta có biết cũng mặc kệ.

Bà Tham hăm hăm xô cửa vào phòng Huyền. Nàng đang nằm khóc đã dụi. Mí mắt, đầu mũi và môi trên dày ra và đỏ, đầu tóc rối bù. Nhìn con bà thấy ái ngại, không nỡ đánh đập, hình như có cái gì tức tủi đang dâng lên cổ họng làm bà nghẹn ngào, bà đau lòng bước vội ra.

Phòng ngoài mẹ ngồi rầu rĩ ; bên trong con nằm khóc nức nở. Cô con gái thứ hai cũng không buồn ăn uống. Đóng cửa buồng cả ngày.

Bà liên miên nghĩ ngợi. Bà đã lo cho con đủ điều. Thấy Huyền đi xa quá, Bà đã trăm lần khuyên nàng nên bảo « hấn » đến xin hỏi. Thương nhau thành thật thì chỉ có con đường ấy. Bây giờ vỡ lở, hấn không đến nữa. Thấy vắng « hấn », Huyền buồn bã, bà hỏi con cho biết. Bà chỉ lờ vì sao không thấy « hấn » thôi bà không ngờ Huyền lại thú nhận có chuyện ấy, Huyền đủ cả gan thú tội trước khi bà hỏi !

Bà bắt Huyền đến nói thật với « hấn » van « hấn » cưới nàng để cứu mấy cuộc đời và danh dự nhà bà. Huyền không đi, bà dọa nạt. Bà đi với con đến nhà « hấn », bà ngồi đợi ngoài xe để Huyền vào, và Huyền đã nói với bà là « hấn » nói không phải còn « hấn ». Mấy lần sau đi đến thì không hề gặp được « hấn ».

Bà nghĩ đã hết cách rồi. Làm sao ra khỏi tình thế này ? Phá thai ? Bà rùng mình không dám nghĩ đến. Ai lại manh tâm giết một mạng người ? không thể được, đã làm thì phải chịu. Mẹ giết con có bao giờ sống yên đâu ; báo chí sẽ làm rối lên. Còn kêu một người nào cho một số tiền để hấn cưới con mình. Nhưng biết kêu ai ? Ai lại dại dột lấy người đã hư với kẻ khác. Mua rẽ kiểu ấy thật bà không dám. Còn hai đường bà nghĩ đi nghĩ lại mà vẫn thấy không ổn : Chịu tiếng xấu mà nuôi cháu ngoại hay là cho Huyền sang Pháp. Cho nàng ra đi để khi sinh nở xong nàng còn có thể lập lại cuộc đời. Bà có thể hy sinh nếu bà chỉ có mình Huyền ; nhưng Huyền còn cả đàn em, bà không thể vì một đứa con mà bỏ cả lũ con. Chỉ còn một cách. Thôi chịu xấu nuôi cháu ngoại. Mẹ con cứ quẩn quýt bên nhau suốt đời, sống bất chấp thiên hạ ; nhưng nghĩ đến lỗi lầm của Huyền có

ảnh hưởng đến tương lai các em của nàng, nên bà lại lo sợ. Bà không thiết gì ăn uống mà vẫn no ứ cổ.

Bà Tham ngẩng lên, bà Huấn và bà Phán đã vào đến bên sập. Ai bảo cho mà tài thế, việc này bà mới biết sáng qua, bà cảm tức trần hồng, bà thăm nghĩ :

— Mấy bao gạo này ba năm không hề thấy mặt ; bây giờ chắc đến định xỏ mình đây, cho mình nhục đây. Mình phải liều mới được.

Nghĩ thế rồi bà nói to :

— Mời chị và thím ngồi chơi. Huyền ơi ra cho bà con chữi Bác và thím đến thăm mày đó, é mặt chưa, mang trống rồi xấu hổ, nhục nhã nằm trốn trong đó. Để con gái đẹp làm chi cho khổ, thà xấu như họ mà khỏi hư.

Nghe bà nói, hai bà khách ngơ ngác, còn hai cô con gái thì nằm khóc ngất.

Đáng lẽ họ còn hỏi xa hỏi gần chuyện Huyền nhưng bà Tham đã nói toạc ra, nên họ ngồi một tí rồi sượng sùng ra về.

Bà Tham điếng lạng người. Đến nước này thì sống không nổi nữa. Mẹ con bà sẽ chết mòn chết hời. Nội đám bà con không cũng đủ mặt với họ. Không thể sống mãi cảnh này được. Chỉ còn một cách là bà phải đích thân tới lạy « hấn » may ra « hấn » hời tâm mà cưới Huyền. Chỉ có cách ấy ; bà phải làm thế để cứu con. còn Bà đau đớn vô cùng khi nghĩ mình phải cong thân chịu nhục. Lỡ « hấn » không chịu thì bà nhất định liều. Thương con bà dám làm tất cả.

Bà ngồi trước bàn trang điểm — bà bao giờ cũng sửa soạn công phu, do thói quen,—bà nghĩ mình đẹp rất có lợi cho con. Quá bốn mươi cái xuân rồi mà, bà vẫn còn đẹp, thông minh và quyến rũ. Chính cái đẹp ấy nhiều khi cũng làm bà cảm thấy thiếu thốn cho đời goá phụ. Bà nghĩ đến vẻ mơn mớn của con mà cắn răng nuốt lệ. Tội nghiệp Huyền đẹp hơn bà mà phải chịu dày dạn.

— Mình phải liều dù có xấu hổ đến đâu, phải lạy hấn, phải ôm chân hấn mà nói.

Bà tuông vào nhà hần thì hần không còn đường nào chạy trốn hần phải ngồi lại. Bà vào đề ngay :

— Chắc anh cũng biết tại sao tôi đến đây. Tôi phải nói rõ ngay cho anh biết là anh bỏ con Huyền như thế mà không tội nghiệp sao ? Đành rằng đôi bên đều có lỗi nhưng vai chủ động vẫn là anh. Anh lấy Huyền đến có con rồi bỏ con tôi sao ? Tôi biết con tôi đại thì đáng chết nhưng xin cậu thương...

Bà ghen ngào không nói thêm được nữa bà ôm đầu khóc. Hần nói chậm rãi :

— Thưa bà, tôi xin hỏi bà đến đây với mục đích gì ?

Bà khóc to nói trong nước mắt :

— Tôi không đến làm khó làm dễ, tôi là kẻ bại trận, đàn bà bao giờ cũng thiệt thòi. Anh muốn nghĩ gì thì nghĩ, tôi chỉ muốn anh nên cưới Huyền dù sau này nó có cực khổ.

Hai người im lặng một chập rồi bà Tham tiếp :

— Con tôi đã lỡ hư với anh thì không thể nào lấy ai được nữa. Không có ai ngu đi rước người đã làm vợ anh. Bà mẹ nào cũng mong cho con lấy một chồng. Nếu hần tự tử thì chính cậu là người trực tiếp giết hai mạng người. Cậu lấy Huyền có con rồi sau này cậu còn có can đảm lấy người khác được không ? Dư luận, lương tâm có cho phép cậu không ?

— Bà đứng ở một cực đoan, bà không xét cho tôi, tôi làm sao tin...

Bà cướp lời :

— Tôi biết câu anh sắp nói. Con tôi từ lâu sống gò bó, anh là người đến trước tiên nên nó mê anh và tin anh—khi thương anh thì nó liếc gì mà không trao thân cho anh. Anh nghĩ mà thương Huyền, nó ngây thơ lắm, anh hãy che chở cho nó.

— Thưa bà, sao bà không cho là cả tôi và Huyền đều có lỗi ? Tôi muốn lấy Huyền nhưng tôi tin tôi không phải là cha của đứa bé trong bào thai của Huyền. Huyền kêu ngào giao thiệp rộng...

Bà Tham cố dần đề dần nấc lên thành tiếng :

— Cậu đừng viện lý lẽ ấy, cậu hãy nên thương người. Tôi biết anh nói thế nhưng bên trong anh vẫn tin đó là con mình. Cha sao lại bỏ con. Còn con Huyền kêu ngạo, cậu định trả thù tính kêu ngạo của nó ư ? Tôi xin chịu lỗi thay nó. Nó còn nhỏ, cậu chấp chi, xin cậu lần lần dạy nó !

« Hấn » ngồi rờ cảm, trong lúc bà Tham khóc :

— Cậu mà không chịu thì tôi cũng liều với cậu. Tôi vì con tôi mà lay cậu.

Bà nức nở trở xuống lay « hấn » và cố ôm chân « hấn. » Hấn hoảng sợ lùi lại.

— Xin bà đừng làm quá, xin bà hãy về an ủi Huyền.

— Cậu mà dùng dằng mãi để cả thiên hạ đều biết thì mẹ con tôi chết mất. Huyền như người chết đuối, xin cậu ra tay cứu vớt. Cậu ừ đi, tôi về liền.

— Nhiều khi tôi cũng không hiểu tôi. Người ta khó mà tránh được bồn phận.

Bà Tham hấp tấp đánh thêm một đòn cuối cùng :

— Thôi tôi không dám phiền cậu nhiều, xin về đề bữa sau tôi sẽ kêu nài một lần nữa.

Bà trở về nhà, vào thẳng buồng nằm nghĩ ngợi chuyện vừa qua. Trinh cô gái thứ thấy mẹ đi đâu về, trang điểm rực rỡ, nàng ngạc nhiên nhưng buồn quá không muốn hỏi. Nàng nghĩ nhà đã bé bối thế này mà mẹ còn đi chơi được sao ?

Bà Tham tin ở chuyện đi của mình. Bà phân tích, nhớ lại cử chỉ, nét mặt « hấn » mà hy vọng. Huyền mà có chồng đảng hoàng cũng nhờ phúc mẹ.

Tối đến, bà vào buồng Huyền. Ngồi sát bên con, bà nghiêm nghị nói :

— Con có hối hận không ? Con còn thương hấn nữa không
Huyền sụt sùi, khóc im lặng không trả lời. Bà hỏi lại :

— Con có muốn sum họp với hần không ?

Huyền khóc than nước nỡ, nghẹn ngào nói :

— Con làm mẹ nhục. Xin mẹ tha lỗi cho con. Con xin mẹ cho con đi thật xa tỹ như con đã chết hồi tẩm bé.

— Thế bây giờ hần đến xin cưới con, con có nhận không ?

— Làm gì có chuyện ấy được. Mẹ không đành đáp con, con càng đau đớn. Con bất hiểu, con xin mẹ cho con đi thật xa để ăn năn và nuôi con. Lòng con nguội lạnh từ lâu rồi mẹ ạ.

Bà Tham ôn tồn :

— Huyền ! con nên thành thật. Mẹ hiểu con, mẹ sẵn sàng chia đau khổ với con. Mẹ không đặt mẹ ở địa vị một người mẹ, con nên xem mẹ như một người chị cả. Mẹ tin rồi hần sẽ cưới con.

Nàng khóc to :

— Mẹ cao đẹp thiên liêng quá. Con như sâu bọ không đáng làm con của mẹ. Con muốn chết.

— Còn mẹ, mẹ không đành để con khổ thêm mẹ sẽ làm cho hần cưới con dù có phải hy sinh đến đâu.

— Chuyện dĩ lỡ rồi. Con đã bị nhục nhã ê chề ; dù hần trở lại, con cũng đoạn tuyệt. Xin mẹ cho con ở vậy suốt đời, con đi làm nuôi con, con ăn năn để sám hối tội lỗi. Hai chúng con cứ sống vậy không cần ai cả. Mẹ thương con và tha thứ cho con.

Bà gỡ tóc con dịu dàng :

— Mẹ đã hai thứ tóc trên đầu ; mẹ hiểu đời hơn con. Con không biết, trẻ như con không thể ở vậy như mẹ được. Hoàn cảnh dư luận không cho ta sống yên. Mẹ thiếu thốn. Mẹ mong cho con có chỗ nương tựa. Không chồng mà có con khác xa với có chồng con ạ. Mẹ không trách con đâu, mẹ biết con chỉ lỡ với một người. Con nghe lời mẹ, để mẹ quyết định, hần sẽ trở về với con, con đã lỡ với hần thì phải lấy hần.

— Nhưng làm sao biết hần trở lại ?

— Vì hần còn yêu con, người ta có nhiều lúc có những quyết định bất ngờ. Mẹ chắc hần sẽ trở lại với con.

— Có thật không mẹ ?

— Ai lại đi nói láo với con.

Huyền ôm lấy mẹ :

— Tội con đáng chết. Có người mẹ như mẹ mà con còn nỡ làm khổ. Mẹ đừng bỏ con tội nghiệp.

— Mẹ sống vì các con... thôi con cố ăn uống đôi chút. Để mẹ bảo Trinh chế sữa...

Huyền bớt rũ rượi. Bà Tham bắn khoắn đợi tin. Bà bồn chồn lo lắng nhưng cũng hy vọng và bà mừng chảy nước mắt khi được nhà trai bắn tin. Đám hỏi và đám cưới cùng cử hành một lúc ; cô dâu khi bước lên xe đã khóc ngất trên tay mẹ.



GẢ được Huyền, bà Tham như chết đi sống lại.

Nhưng mẹ thì cứ khổ vì con mãi. Đã vấp một lần bà giết mình mãi. Huyền đi rồi, bà lại nghĩ đến Trinh. Lòng lại thấy lo lắng triền miên.

Trinh không đẹp bằng chị và lại ngây thơ hơn. Khôn ngoan như Huyền mà còn bị lừa hướng hồ ngây thơ như Trinh. Bà nghĩ mình phải lo trước cho Trinh-Trinh cũng đã hơn hai mươi tuổi đầu có thể dễ hư hơn Huyền vì ít giao thiệp. Bà vẫn thường chê Trinh con gái vô duyên. Hề có mấy cô bạn đến là béo rúc cả vô phòng cười nói rầm rĩ vang cả nhà không kể nhà ngoài có khách.

Trinh chưa quen một người trai nào. Để cho Trinh một mình thì không xong. Bà phải lo chuyện gia đình cho con.

Bà tìm trong số người quen thân xem ai đáng mặt sui gia.

Một sáng chưa nhật bà dắt Trinh đi theo, đến một nhà họ. Khi họ đến, một thanh niên đi ra bỏ ngõ, lễ phép hỏi :

— Thưa bà hỏi ai ?

Bà niềm nở :

— Vào thưa với ba có bà Tham Bảo con dâu cụ Huyện Trúc-Lâm đến hầu thăm.

Chủ nhà đang tưới cây nghe có người quen đến viếng, vội mặc áo vào đi ra cổng tiếp. Bà Tham chấp tay và cười cởi mở :

— Dạ bẩm anh.

— Dạ, chào thím, mời thím vào chơi.

Nói chuyện một, hồi hai bên hỏi thăm con cái. Chủ nhân kêu các cậu con trai ra chào thím. Bà Tham nhắm ngay người con trưởng.

— Thăng Huy, con đầu của tôi hai năm nữa ra trường thuốc.

— Dạ... Cậu Huy ra mau mau cho bà con nhờ... thím đến chữa đừng lấy tiền nghe.

Sau những câu chuyện hàn huyên mẹ Trinh từ biệt cáo lui.

Ra về bà khen Huy hết lời.

Một ngày nọ Huy đến nhà bà Tham chơi, bà sai Trinh rót nước. Nói chuyện một lúc bà bảo Trinh gọt thơm mời Huy và bắt nàng ngồi bên cạnh Bà chăm chú nghe Huy nói và cười phá lên mỗi lần chàng khôi hài.

Bà Tham dù muốn Huy làm con rể nhà bà. Biết Trinh đẹp nhưng không quen ai nên bà cố làm Huy lui tới. Bà nói chuyện với Huy bao giờ cũng bắt Trinh ngồi bên cạnh. Suốt buổi Trinh chỉ ngồi nghe mẹ nói và khi nào Huy hỏi nàng mới đáp. Lần lúc Bà để nàng ngồi nói chuyện một mình với Huy.

Sau một thời gian lui tới Huy — Trinh bắt đầu cảm mến nhau.

Hai tháng sau mẹ chàng đến xin cầu hôn với bà Tham.

Bà Tham nhận lời. Trinh vâng lời mẹ lấy Huy mà không yêu. Nàng đang mơ một mối tình lý tưởng.

Bà Tham luôn bàn về Huy với nàng. Trinh nói :

— Anh Huy xấu lắm.

Bà Tham nói át đi :

— Hắn có xấu mới thương con chân thành.

Trinh lại nói :

— Người chi mà to lớn dị bình.

— Thế còn hơn ốm o gầy mòn đề mà đau luôn à.

— Mẹ khi nào cũng thực tế đến dễ sợ.

Bà theo sát Trinh. Đi đâu cũng đi cả hai người. Bà Tham bây giờ thật hả dạ. Bà đã tưởng đầu mất mặt vì Huyền, không ngờ trong mấy tháng bà đã cho cười được nàng và gã luôn Trinh.

Thấy rẻ quá khấn khít mà con thì không nòng nàng bà Tham chỉ vẽ cho Trinh cách nói chuyện, mời mọc. Hết hè Huy đi học, bà Tham bắt Trinh mỗi tuần viết thư cho vị hôn phu.

Một đêm khó ngủ, bà Tham chợt nghĩ đến những mối tình tan vỡ, những cuộc hồi hôn. Bà lo sợ không biết Trinh có chênh mảng trong việc liên lạc với Huy không. Bà thấy Trinh bình tĩnh quá mà đâm lo. Thư cho Huy, Trinh viết thế nào? lời lẽ có âu yếm không? Trinh thường có tính lười viết thư Bà ngồi dậy định lên phòng Trinh nhưng thấy người nhà chưa ngủ lại thôi.

Hai giờ sáng, bà lên phòng con, đánh thức Trinh dậy.

Trinh cay cả mắt. Mẹ bảo lấy giấy bút viết thư. Nàng không hiểu mẹ có việc gì cần mà bảo viết thư vào lúc khuya khoắc thế này.

— Việc gì thế mẹ, con đang miệng chết được.

Bà Tham ngồi xuống bên giường nghiêm trang bảo :

— Đề mẹ đọc cho mà viết, con đề ngày đi.

« Anh Huy, người yêu muôn đời của em »

Trinh tròn mắt nhìn mẹ.

— Viết gì mẹ ?

— Cứ viết theo mẹ : « Anh Huy, người yêu muôn đời của em (phết xuống hàng). Đêm nay, một đêm dài nhớ anh ».

Trình không hiểu gì hết, gắt với mẹ :

— Viết chi mà lạ. Con không hiểu mẹ muốn làm gì ?

— Viết thư cho thằng Huy, mày nhác viết thì để mẹ đọc cho mà viết. Mày không biết đời nay người ta ở góa, bỏ nhau luôn sao mà mày cứ lơ lơ lửng lửng. Cái điệu con gái như thế thì chết. Viết đi, viết mau mà ngủ.

— Mẹ đề mai đã, mẹ thì khi nào cũng như người chạy giặc. Viết gì mà như cái lương, người ta cười chết đi... Mai đã.

— Mai gì, mai quên sao ?

— Mẹ cứ đề con, mẹ như thế thì làm sao con quên được. Thôi đề mai nghĩ học giờ đầu con viết. Mẹ đi ngủ đi, không ai vô lý bằng mẹ.

— Thôi, thì đi ngủ, mai viết đề tao dò lại nghe không ?

Trình tắt đèn nhảy lên giường, bà Tham mới quay ra đến cửa liền trở lại.

Bà đến nằm bên con thì thầm :

— Trình, con hãy nghĩ lại đi. Mẹ không ác với con đâu. Con có quen biết với người nào đâu. Mẹ biết con chưa đề ý ai cả. Làm thân con gái bạc bẽo lắm con ạ. Không phải khi nào mình muốn thành gia thất mà được ngay đâu, mình chỉ chờ người ta ngỏ ý mà thôi. Đời này làm gì có mối tình lý tưởng. Ăn ở lâu dài rồi cảm mến tình nết mà thương yêu nhau và gia đình sẽ có hạnh phúc. Con phải khôn khéo phải biết cách giữ chồng. Đi xa dễ quên lắm vì hay nghi ngờ nhau. Gần nhau mà còn giữ chưa nổi nữa là. Đàn ông hay thay đổi. Con gái mà mất « hên » lần đầu sau khó khăn lắm. Họ không bỏ mình ngay đâu, họ kéo dài cho ba năm cũng hết đời con gái.

Trình không nói gì, bà lại tiếp :

— Khi nào mà bày thành vợ thành chồng hẳn hoi rồi tao mới yên trí được. Mẹ lo sợ ngày đêm cho đời các con !

Chỉ đến khi Trinh lên xe hoa rồi bà mới thông dong. Lúc ấy nhà chỉ còn mấy cậu con trai, bà cứ thả cho chúng lớn. Nuôi chúng đi học cũng ít tốn kém hơn con gái. Chúng có phá phách đến mấy, bà cũng chịu được miễn đừng đốt nhà để có chỗ ở là được rồi. Bà đã tìm một ông giáo kèm cho chúng học thêm ở nhà...

Chao ôi ! Tình mẫu tử rộng hơn biển, trời !

TÚY HỒNG

DÀN bà là cái tai họa ghê gớm nhất trong các tai họa.

EURIPIDE

HOÀI KHANH

Đổi thay

*Đ*l trên thành phố phai nhàu
Bước chân xiêu vẹo nghe sầu vọng âm
Lời em trên mắt âm thầm
Khuê chân phố nhỏ giọt đầm đìa tuôn



Vai mình mang một quê hương
Còn mang nặng cả nỗi buồn tử, sinh
Ngôi khuây chẳng một ân tình
Trời muôn xưa cũng lênh đênh mất rồi



Tháng ngày đau đớn xuôi trôi
Mang theo nguyện ước một đời trẻ thơ
Chảy hoài sông vẫn trơ vơ
Những con thuyền cũ bây giờ nơi đâu ?

PHAN DU

Người đàn bà đã

Ở nhà bưu điện ra, tôi đang cùng một người bạn vừa đi vừa trò chuyện, bỗng nghe có tiếng ai gọi giăt giọng :

— Chú Minh, Chú Minh.

Tôi quay lại. Một người đàn bà trạc độ ba lăm, ba sáu tuổi, mập mập, cao lớn đầy đà, mặc áo voan màu mỡ gà, quần trắng ngồi trên chiếc xe xích lô, đưa tay vẫy lia lịa.

Nhìn kỹ, tôi vừa ngạc nhiên, vừa mừng rỡ. Trong mấy năm binh hỏa, sóng gió của cuộc đời ly loạn đã cướp mất của tôi và đùa rạt về những phương trời nào chả biết, một số khá đông những linh hồn quen thuộc. Giữa sức tàn phá của khói lửa, mỗi lần chia tay, rất có thể là một lần vĩnh biệt. Cho nên lúc này gặp lại người cũ

tự nhiên tôi cảm thấy vui mừng như mừng kẻ đã chết đi vừa được sống lại, dầu người cũ ấy không phải là chỗ bà con, cật ruột... Tôi vui vẻ kêu lên :

— Chị Cả.

Người đàn bà bước vội xuống xe, chạy lại gần tôi :

— A hà, về đây đã lâu. Hỏi mãi, tìm mãi chú không ra. Hôm nay tình cờ lại gặp, chị mừng quá.

Tôi nhìn kỹ chị Cả. Bốn, năm năm trời xa cách tôi chẳng thấy người chị thay đổi chút nào. Vẫn là cái tầm vóc cao lớn đầy đà, cái gương mặt chữ điền lúc nào cũng vui như ngày hội với màu da đỏ ong, một vầng trán cao, một cặp mắt sáng đánh chớp dưới cặp chân

mày rậm, một cái miệng rộng oạc và đôi môi mỏng thê; vẫn những điệu bộ, dáng dấp đường đột, sẵn sàng cùng cái lối ăn to nói lớn với cái giọng sang sảng rất « đàn ông » :

— Thế nào hở ? Vợ con ra sao ? Làm ăn có khá không đấy ? Hà... hà... chị gặp chú là mừng quá sức mừng. Nói đại, lâu nay chị cứ nghĩ là tướng ấy đã bị bom đạn nó xơi đâu mất rồi. Ai ngờ vẫn còn sống được, quý quá. Nhưng mà thôi, bây giờ chị có việc cần phải đi gấp. Chị dặn chú một điều này phải nhớ, không thì chị giận, là chóng chầy gì cũng phải xuống nhà chị. Phải xuống, nghe chưa ? Nhà chị ở dưới Bao-vinh ấy, số... Nếu chị đi vắng thì đã có anh Cả, nghe chưa ? Và phải ở lại chờ cho đến lúc chị về. Nhớ chưa ? Thôi, chị đi đây...hà, hà, hà, hà, vui quá.

Ra gần ấy lệnh rồi là chị Cả lại nhảy lên xe, lại cười. Xe đi đã hơi xa mà cái giọng cười khoái hoạt của chị vẫn còn vang lên bên tai tôi. Và cứ trông qua cái lối đối xử như vậy của chị, người ngoài ai chẳng tưởng chị Cả nếu không là chị ruột tôi, thì ít ra cũng là một người chị họ. Nhưng sự thực,

chúng tôi chỉ là người dưng.

Trong thời ly loạn, trên đường tản cư, vì ngẫu nhĩ, gia đình tôi đã sống gần gia đình của chị. Nhờ đó mà tôi quen biết cả hai vợ chồng. Tôi có thể nói là từ nhỏ tới lớn, tôi chưa hề gặp một người đàn bà lạ lùng như chị. Như một số đồng người đã sống gần chị, tôi thường lấy làm tiếc lo chị không được sinh ra làm đàn ông và chồng chị không phải là đàn bà. Cứ ngấm nhìn cặp vợ chồng nhà này, người đến phải đâm ngờ rằng Tạo hóa, trong việc cấu tạo hình hài, cũng có những trường hợp đăng trí tai hại và buồn cười như con người vậy. Anh Cả Hạnh thuộc vào hạng « *nam nhân nữ tướng* ». Người anh gầy ốm, đuôi ruồi không bay, thiệt thà, lệt lệt đến cái nước không bao giờ dám to tiếng với một ai. Trái lại, chị Cả thì cái gì cũng có vẻ « *anh hùng* » cả. Từ tướng mạo đến ngôn ngữ, cử chỉ, tâm tình, ở chị không có cái gì là đàn bà. Trong sự giao tiếp và trong công việc làm ăn, không những chị Cả tỏ ra là người lịch thiệp tháo vác mà chị còn có lắm thủ đoạn làm cho bọn đàn ông, ngay cả những tay buôn đồ

ngoại hóa buồng bình, gian hùng có tiếng cũng phải gờm và kiêng nể. Mồm mép, lý sự nổi tiếng, chị Cả nhất định không chịu để cho một ai qua mặt. Thấy công việc buôn bán đồ ngoại hóa tuy kiếm được nhiều lời nhưng rất nguy hiểm vì sự bao vây, kiểm soát, bắt bớ, tịch thu của công an, lắm lúc tôi tỏ ý lo ngại cho chị. Nhưng mỗi lần tôi can ngăn, chị Cả lại vỗ đùi, ngửa mặt lên cười ha hả, bảo tôi :

— Bọn con ranh ấy khó mà làm gì được chị. Chúng có theo dõi cho lắm cũng uổng công thôi.

Mà quả thực như vậy. Người đàn bà này đã làm cho tôi kinh ngạc vì cái tài lỏ chước của chị ta. Tôi không ngờ chị nắm trong tay cái quyền điều hành cả một hệ thống gồm có những người đưa tin, đem mối, đổi bạc, mua hàng, đưa hàng từ « vùng bị chiếm » vào, theo một con đường bí mật xuyên qua trường ải và được chia thành nhiều trạm tiếp chuyển để lọt khỏi lưới công an. Cũng vì thế, ai đã thích dùng đồ ngoại hóa mà lại được biết chị Cả thì chẳng có thứ gì cần đến mà không có. Thuốc Bắc, thuốc Tây, các loại đồ hộp, hàng vải, dầu tây, đá

lửa v.v.. tha hồ.

Nhưng nếu tôi phục chị ở cái tài mua bán tinh, mạo hiểm, óc tổ chức và mẫn chị về cái tính phóng khoáng vô tư, thẳng thắn đến hay nóng nảy và không kiên nể một ai trước lẽ phải, thì tôi lại hay bức mình về chị ở một cạnh khía khác. Ở chị Cả, tôi nhận thấy chừng như ý trí đã lấn át tình cảm đến độ làm mất hẳn những gì gọi là bản tính của một người đàn bà nhất là về mặt tâm tình. Cái điềm làm cho tôi khó chịu hơn cả là cái tính gờm trẻ con của chị. Thật không bao giờ chị dám lại gần hay dám bông bề một đứa trẻ, nhất là những trẻ sơ sanh. Tôi nhớ có một hôm, nhân ngồi uống trà với vợ chồng chị, tôi vui miệng bảo đùa anh Cả :

— Giá anh chị được một đứa con thì cũng vui đấy. Không con, chị ra sức làm giàu rồi để ai ăn.

Tức thì chị Cả quắc mắt nhìn tôi, soạt mồm ra cười :

— Ấy, đừng có nói đại. Làm giàu làm có gì được ở cái thời này em. Đừng có cầu cái chuyện khổ ấy cho chị. Chị không thích có con.

Tôi hỏi :

— Tại sao vậy ?

Vừa chuyện trò, chị vừa thân mật bảo tôi :

— Cũng chả hiểu vì sao. Nhưng chị chịu thôi. Chị gồm con nít quá. Nếu có Trời, có Phật chứng giám, thấy người nghèo thì chị thương, thấy người khổ sở hoạn nạn thì chị thích cứu giúp hay vì thử có ai bệnh hoạn cần đến sự chăm sóc chị, chị rất sẵn lòng. Thực thể chứ chị có nói ngoa đâu. Nhưng bằng ằm trẻ con thì ời thôi chị chịu đấy.

— Thế nếu con chị ?

— Chả biết máu mủ, khí huyết của mình thì mình có bằng ằm được không, chứ thấy con của người ta thì chị gồm quá. Vì thế chị không muốn có con.

Hơn nữa, chị thấy có con thì bận rộn quá, phiền lắm.

Quen thói bông đùa, chị nhìn về phía anh. Cả, mím môi, nheo mắt, rồi nói bằng cái giọng khôi hài :

— Với lại cái ngữ « *trai ốc, trai rêu* » ấy thì chị cũng đỡ lo chuyện đẻ đẻ, Mà được như thế này mãi càng hay. Khỏe mà ... hà, hà, hà, hà.

Rồi quay qua phía tôi :

— Nói đùa anh ấy cho vui,

chứ nghĩ cũng tội nghiệp. Sung sướng quen từ thuở cha sinh, mẹ đẻ, bỗng dưng phải tản cư, uống nước độc nhiều, *đỗ bệnh đồ hoạn* nên mới ra cái hình ma tướng cóc như thế, chứ trước kia anh Cả nhà chị cũng bảnh trai đáo để đấy chứ. Có bảnh trai con mẹ Hạnh này nó mới ưa chứ. Hà... hà, hà, hà... Nhưng lấy chồng thì ưng lấy, chứ có con thì nói có Trời, có Đất, chị xin lấy dài.

Tôi chờ sự phản ứng của anh Cả trước những ý kiến quá táo bạo kia, nhưng anh vẫn ngồi im, mỉm cười.

Cái lính gồm trẻ con của chị Cả đã làm cho tôi khó chịu, thái độ đối với chồng càng làm tôi khó chịu hơn, tuy tôi vẫn thấy — ngay trong những lúc chị Cả đem chồng ra mà điều cợt — một tấm tình yêu nồng nàn. Vả lại, nếu được sống trong sự nuông chiều, cưng dưỡng của vợ là một diễm phúc thì chẳng có người vợ nào đã đem lại diễm phúc cho chồng bằng chị. Từ ngày tản cư đến nay, anh Cả chẳng phải động tay vào một công việc gì mà vẫn phong lưu sung sướng, đầy đủ của ngon vật lạ, giữa lúc mọi người phải nheo nhóc lên vì cái

sống. Tuy nhiên tôi vẫn thấy cái tình của chị nó ra làm sao ấy. Nó không phải là thứ tình của vợ đối với chồng mà là mối tình của mẹ đối với con, chị đối với em, của kẻ mạnh đối với một kẻ yếu, hay nếu không sợ chương tai, tôi có thể nói đó là mối tình của đấng trượng phu đối với cái thân phận liễu bồ. Nhiều lúc tôi đâm ngượng đấy và thương hại cho anh Cả quá chừng. Nhưng chị cả không bao giờ ý thức được cái chỗ trái lẽ ấy đã đành, mà đến cả anh Cả dường như anh cũng rất miễn nguyện với cái phước phần mà anh tin là Trời đã dành cho, mặc dầu thỉnh thoảng, vì sơ hở, anh làm phật ý chị, và trước những cơn thịnh nộ của vợ, anh cũng mơ hồ cảm thấy rằng chính anh không phải là một người chồng đáng hoàng như thiên hạ.

Thế rồi chúng tôi xa nhau. Trong bốn, năm năm trời, thỉnh thoảng tôi lại nhớ đến vợ chồng anh. Mỗi lúc nhớ đến họ, tôi lại thấy băng khoắn. Tôi thương hại cho anh Cả. Nhưng tôi cũng ái náy vì chị cả nhiều hơn với những ý nghĩ không đẹp về một người đàn bà đã mất cả bản tính đàn bà,

một người đàn bà thiếu hẳn mẫu tích.



TÔI xuống xe và đang mở ví lấy tiền. Chưa thấy bóng dáng chị Cả ở đâu, thì đã nghe cái giọng nói oang oang của chị từ trong nhà đưa ra :

— À, chú Minh xuống kia rồi. Hay quá. Chị đợi sốt cả ruột. Vào đây. Cứ vào đã. Để tiền xe đấy chị trả cho mà.

Lúc nào thì chị Cả cũng sốt sắng, hào phóng như vậy, bất cứ là đối với ai trong đám thân tình. Cả hai vợ chồng cùng chạy ra. Chị Cả nắm cánh tay tôi, lôi thẳng vào nhà, kéo lại phía phòng khách :

— Ngồi xuống đây. Bộ xe-lông này chị vừa mới đóng xong, xem có đẹp không ? A này, trời nóng quá. Uống cái gì cho đỡ khát bây giờ ? Nước chanh nhè ? Hay nước cam ? Nước dừa ? Thôi thì ông Cả bảo đưa nào nó chặt dừa đi. Trong lúc chờ đợi, bưng đĩa dừa hẩu ướp đá vào đây. Mà ông nhanh lên chứ, làm cái gì trông rù rờ như vậy hử ? Hà, hà, hà, hà...

Chị lườm yêu chồng rồi quay lại bảo tôi :

— La rầy thế chứ cũng tội nghiệp ông ấy. Lâu ngày gặp lại chú, ông ấy cũng mừng quýnh đi. Ấy chết, chị lại quen mất nét rồi. Hà, hà, hà, hà... Ai lại vợ ngồi sai chồng bao giờ. Thôi này, ông Cả, vào đây. Vào ngồi nói chuyện với chú ấy để tôi đi lo cái khoản ấy cho.

Tôi bật cười. Vì lo cho tôi giải khát mà chị Cả làm cho tôi nghe càng nhọc thêm và ngắt người với cái lối vồ vập rộn ràng của chị và cái giọng nói to lớn đến như muốn vỡ nhà.

Câu chuyện hàn huyên bắt đầu nở như bắp rang chung quanh đĩa dưa hấu ướp đá. Lúc nào thì chị Cả cũng có sẵn một cái bồ chuyện, huống nữa là cái bồ ấy lại được tích lũy trong bốn, năm năm trời. Chị nói không ngớt mồm :

— Chao ôi, từ dạo anh chị xa chú, chị gặp biết bao nhiêu là chuyện gây cấn. Nhưng nhờ ơn Trời, Phật tai qua nạn khỏi cả. Nhiều chuyện lắm.

Rồi chị liền mở cái bồ chuyện của chị ra. Nào là chuyện Công an Việt-cộng tóm được, nhưng vì chúng thua trí chị nên chị khỏi bị tịch thu một số đồ ngoại hoá trị giá trên hai triệu bạc ông Hồ. Chuyện

nấp hầm trú ẩn suýt nữa chết vì hầm sập. Chuyện một thằng lính ma rốc định hãm hiếp chị nhưng chị dùng kế thoát được. Kể xong chị lại nói :

— Thôi thì nhiều lắm. Chú ở lại đây chơi, ăn cơm tối, chị kể hết cho mà nghe. Bây giờ ông Cả ngồi tiếp chú ấy nghe chưa ? Tôi đi đốc xuất bọn chúng sửa soạn cơm tối. Với lại phải ra chợ mua thêm thức gì đây. Thằng cha này nó kén ăn lắm, tôi biết. Hà, hà...

Chị cả nói xong, xun xoe đứng lên, dặn thêm chồng :

— Mà ông ngồi đấy với chú nghe chưa ? hay là ham ba chậu sói rồi bỏ chú ấy ngồi một mình.

Đưa tay chỉ anh Cả, chị mím môi nhìn tôi rồi phì cười :

— Ham hoa sói lắm. Đạo kháng chiến, ở trong ấy, thèm hoa trời chết. Về đây, tôi sớm mua được mấy chậu, thôi thì sắm soi tối ngày. Hôm nay đang bỏ lòng gà vào chậu thì chú đến đấy. Mặc kệ... bảo thằng Tư nó bỏ cũng được. Ông ngồi đấy, không được đi đâu cả.

Anh Cả nhăn mặt kêu lên :

— Biết rồi mà. Dặn mãi, ai lại có chú ấy đến mà bỏ đi lo việc khác. Cứ sợ những cái vô lối. Đi đi.

Chị Cả lườm chồng, cười ha hả rồi biến xuống nhà dưới. Tôi nhìn theo chị. Cũng như thuở nào tôi cảm thấy khó chịu trước cái vẻ sỗ sàng và cái lối ban hành mệnh lệnh của chị. Tuy có nhiều thiện cảm tôi vẫn bức mình, và liếc trộm anh Cả, tôi lại thấy ngượng lầy. Nhưng anh Cả đã cười, bảo tôi :

— Tinh mụ ấy bao giờ cũng vui và lau chau, sẵn đèn như vậy. Nóng như lục lạc lửa. Nhưng nói cho có, dạo này dễ chịu hơn trước. Thay đổi nhiều lắm đó.

Tôi nhìn anh Cả, mỉm cười :

— Thay đổi nhiều.

Anh Cả gật đầu. Tôi ngạc nhiên vì thực ra tôi nhận thấy tính tình chị Cả vẫn như xưa. Tuy vậy, câu nói của anh Cả tự nhiên khiến tôi nhớ lại câu anh vừa trả lời chị Cả lúc nãy. Giọng nói của anh lúc ấy có vẻ đồng điệu, xẵng xai. Và mỉm cười, vì theo chỗ nhật xét của tôi thì chính anh Cả có thay đổi chút ít chứ không phải là bà vợ. Rồi vui chuyện, tôi không bận tâm về điều đó nữa.

Mãi đến tối hôm ấy, trong bữa cơm, tôi mới hiểu ra.

Vợ chồng chị Cả tiếp đãi tôi thật là nồng hậu. Bữa cơm

thịnh soạn càng được ngon miệng hơn với cái không khí thân mật và những câu chuyện hầu như bất tuyệt của chị Cả. Vào lúc ăn tráng miệng, chị bảo tôi :

— Bây giờ về đây, nhờ ơn Trời, Phật, chị lại xây dựng được cơ đồ như cũ. Chú thấy chị có giỏi không ? Hà... hà, hà hà. Chị vừa làm xong căn nhà này, tốn gần ba trăm ngàn đấy. Chú xem có được mắt không hử ?

Ngôi nhà của chị Cả tuy không đồ sộ nhưng cũng đẹp thật, kiến trúc theo kiểu mới, đầy đủ tiện nghi và trang trí cũng khá thanh nhã. Tôi gật đầu :

— Chị thật. Nhà đẹp lắm rồi. Anh chị vừa tản cư về mà được như thế này còn đòi gì nữa. Sướng lắm rồi..

Vui miệng và nhớ đến cái tính gớm trẻ con của chị Cả, tôi định trêu chị :

— Nhưng... theo tôi.

Chị Cả vội hỏi :

— Nhưng cái gì ?

— Giá anh chị có được chút con nứa thì mới thật là hoàn toàn.

Chị Cả liền quát mắt, dang tay vỗ mạnh vào vai tôi :

— Đấy lại nói đại. Hà, hà, hà, hà... nói đại.

Rồi theo mắt lại, chị nhìn tôi :

— Ủ, có con mới sướng thật đấy. Nhưng bây tôi hỏi chú làm thế nào cho được khoản đó ?

Nói xong chị Cả chống hai tay xuống phản, ngửa người, cười lên như nắc nẻ. Anh Cả sắp muốn nói gì, chị Cả đã nhồm đậy, vung tay ra hiệu bảo im rồi quay qua phía tôi :

— À này, nhân nói chuyện con với cái, chị kể cho chú nghe một vụ ngộ lắm. Phải kể đề chú hết mắng chị là cái đồ... cái đồ... gì nhỉ ? Ủ, lúc trước chú thường mắng chị là cái đồ đàn bà đá phải không ? Vậy chớ vào khoảng tháng năm trước năm đình chiến ấy, chú ở đâu ?

— Tôi vẫn ở chỗ cũ.

— Chắc chú có nghe đồn vụ bọn Pháp đốt phá ở ngã Đồng Tràm ?

Tôi gật đầu. Chị Cả nói tiếp .

— Đạo ấy chị lên về ngã dưới đề đưa hàng ngoại hóa lên. Và suýt chết ở đó chú ơi. Một hôm đang ngồi ăn cơm tối như thế này, bỗng nghe súng nổ cả xóm

trên lẫn xóm dưới. Thôi thì chị cuống quýt lên. Lại vì lạ nữa nên chị cứ nhắm bãi cát mà chạy. Chị chạy bất kể sống chết.

Anh Cả nhìn tôi, cười :

— Thế cho hết nói tương. Bình nhật mụ ấy hay nói tương ghê lắm.

Chị Cả lườm chồng, cười phá lên :

— Thôi đi. Tôi đấy nhé... chứ ông thì nói xin lỗi có mà ỉa vãi trong quần chứ đừng nói là chạy. Chú tính, khiếp lắm. Lửa bốc cháy rần rạt trong các thôn xóm, đỏ, rực cả trời. Súng bắn tới tấp, đạn nổ lung tung. Ai không khiếp đã chớ. Chạy một lúc đuối sức, chị nằm chúi xuống bên đám dừa dại ở phía sau một cái miếu hoang. Lúc đó thì đêm liền. Chạy không nổi nữa. Nằm một lúc nghe đỡ mệt, chị bò lần vào bụi, nấp sau một mô đất nhìn ra. Dưới ánh lửa từ xa hừng lên, chị thấy có hai bóng đen, băng qua bãi cát, chạy về phía miếu. Bóng trước là một người đàn bà bông con còn bóng sau to lớn, hi hợm, chị đoán là một tên Pháp hay Ma-rốc gì đó.

Chị Cả ngừng lại mở thầu lấy mực rồi thở dài :

— Bóng trước chạy nhanh

lắm. Nhưng bóng sau nó chạy càng nhanh hơn và chẳng bao lâu nó đuổi kịp. Tức thì chị nghe... bây giờ nhắc lại mà còn thấy rùng mình, chị nghe một tiếng rú đến rợn hồn, tiếng trẻ con khóc, tiếng gào thét, tiếng nguyên rủa, tiếng cười sằng sặc, tiếng thở ành ạch, tiếng lẫn lộn, vật vả, giầy giụa... Rồi đó, Mò Phạt, tiếp theo là một tiếng thét lớn và những tiếng rên rĩ nghe đến đứt ruột đứt gan. Khiếp quá, chị run lên như sốt rét rồi ngất đi lúc nào không hay. Ở hay, chú ăn bánh đi chứ. Mút nữa. Mút thơm chính tay chị làm đấy. Ông Cả nhà ta là một *cây* hảo ngọt nên chị làm sẵn cả mấy bầu như thế, ăn đi cho biết mút của chị làm ngon đáo để.

Tôi cười. Lại biết tính chị, tôi sợ câu chuyện bị lạc mất hướng về cái đề tài « *mút thơm ngon đáo để* » của chị nên tôi nhắc :

— Chị cứ đề tự nhiên. Rồi sao nữa ?

— Rồi lúc chị tỉnh lại thì tiếng súng đã im, trong thôn vắng hẳn tiếng ồn ào, nhưng lửa vẫn còn bốc cháy. Ngay lúc ấy chị nghe có tiếng khóc. Tiếng khóc của trẻ con. Cùng

với tiếng rên rĩ khóc, chị nghe có tiếng rên rĩ của người lớn. Nhớ lại cảnh tượng lúc nãy và thỉnh thoảng, nghe một vài tiếng súng ở đâu rất xa vắng lại, chị biết bọn giặc đã kéo đi. Chị liền bò ra, chạy lại phía có tiếng rên. Ánh lửa ở xa dội tới vừa đủ sáng để chị nhận rõ mặt người. Nói tội nghiệp chị điếng người đi chú ơi. Vì chị thấy một người đàn bà trẻ hơn chị đang nằm giãy giụa trong đám cát ướt và đỏ cả máu. Chị rùng mình, muốn chạy đi, nhưng rồi lại không nỡ. Không hiểu sao lúc ấy chị đâm dạn ra. Cũng chính lúc ấy, đứa nhỏ nằm lăn cách đây độ mấy bước, khóc thét lên. Người mẹ hướng nhìn về phía đứa con một cách nhọc nhằn và lắm bầm những gì chị nghe không rõ. Chị liền đánh bạo tiến lại ngồi sụp xuống bên cạnh, khẽ gọi. Chị ta ngược nhìn chị, lắc đầu qua lại và nói với cái giọng rất yếu ớt : « *Ai cứu con tôi với. Cứu con tôi...* »

Nói đến đây, cặp mắt chị Cả chớp nhanh rồi đỏ dần lên :

— Chị liền gọi lớn hơn. Như chợt tỉnh, người đàn bà nhìn chị, quờ tay nắm lấy tay chị, nhẵn mặt. cố gắng nói qua những hơi thở gấp rút, nhọc

nhân : « Bà cứu... con tôi. Đừng trở về... trong xóm nữa... Bọn chúng sẽ quay lại... không biết chừng... Đi về ngã kia... ngã bờ sông... Cứu lấy con tôi... Cha nó chết rồi. Tôi sắp chết... Nó đâm thủng bụng tôi rồi, quán giết người. » Chị ta vừa nói, vừa nhìn chị như cầu khẩn, van lơn, thúc giục. Tôi nhìn chị Cả thân mật bảo đùa :

— Trường hợp mới khó tính làm sao. Đã góm trẻ lại gặp chuyện phải cứu trẻ.

Chị Cả cười lớn :

— Đồ yêu, chú đừng tưởng. Nhưng cũng thiệt như thế nhé. Chị đâm ra linh quỳnh. Cứu đứa con là một chuyện quá sức của chị. Giá phải công người mẹ, đưa vào xóm, dầu có nặng nhọc nguy hiểm đến đâu chị vẫn làm được, chứ đến cái việc phải bồng lấy đứa nhỏ thì chị thấy khó quá. Chị liền cúi xuống lồng tay vào nách người đàn bà. Như hiểu ý, chị ta lắc đầu : « Đừng đừng nữa. Vô ích. Đừng cứu tôi vô ích. Tôi không sống được nữa đâu. Cứu lấy con tôi, cứu lấy con tôi... cứu lấy con tôi » Rồi chị ta cứ lặp đi, lặp lại mãi câu ấy cho đến lúc tắt thở mới thôi.

Chị Cả ngừng lại, nhíu mày

như cố nhớ cái gì rồi tiếp :

— Lạ quá, chú ơi. Người đàn bà đã tắt thở mà chị cứ nghe như chị ta còn thúc giục không ngừng, nói mãi, nhắc mãi những câu bên tai. Chị đứng lên, quay quắt. Chú tỉnh bải cát thì vắng tanh, một bên là một người đàn bà nằm chết, còn một bên đứa trẻ nó cứ khóc ré lên, mình nghe mà sốt ruột sốt gan. Đã thế trời lại chuyển mưa nữa mới chết chứ. Qua những tia chớp, nhìn lên trời, chị thấy mây đen vần vũ khắp nơi. Tiếng sấm gầm chuyển dữ dội nghe càng khiếp quá. Lửa hạ dần nên trời càng tối lại. Chị nghe bắt ớn lạnh cả người.

Chị Cả rùng mình, thè dài lưỡi ra, lắc đầu :

— Dễ sợ quá.

— Thế rồi chị chạy đi chờ gì?

Chị Cả nguyệt dài tôi ;

— Bậy nào. Ừ, mà có một lúc chị cũng định chạy đấy. Sợ quá mà. Nhưng nghe tiếng khóc của đứa nhỏ mình lại không nỡ. Ai đành lòng như vậy phải không? Đã thế những lời trối của người chết nó cũng lạ lắm. Mình cứ nghe mãi mãi kỳ chứ. « Cứu con tôi với. Cứu con tôi với. Cứu con tôi với ». Hồi đó chị có cái cảm tưởng lạ là nếu chị mà

chạy đi thì chắc cái xác chết ấy sẽ vùng lên mà níu lấy chị. Thế rồi cơn mưa bắt đầu rắc hạt. Chị đắm hoảng. Không còn nghĩ ngợi gì nữa, chị chạy lại nhắm mắt bồng lấy đứa nhỏ vào lòng. Chị vừa tiến vào miếu vừa khẩn thềm : « *Sống khôn, thác thiêng chị phù hộ cho chúng tôi tai qua nạn khỏi. Chị phù hộ cho con chị* ».

Chị Cả lại nhăn mặt rùng mình :

— Lúc đầu, nói có chú nghe, chị thấy khó chịu quá. Khó chịu như lúc nghe có con sâu vương vào cổ vậy mà. Chị sợ sâu ghê lắm. Hà, hà, hà, hà... Nhưng rồi, Mò Phật, khi đứng trong miếu nhìn ra thấy người xấu số nằm phơi xác dưới mưa tự nhiên chị thương tâm quá. Chị quên cả gớm và nghe bết khó chịu. Trời mưa càng to, chị càng cảm cảnh cho người chết và nghĩ không có cách nào an ủi được cái oan hồn ấy hơn là bảo toàn lấy đứa nhỏ. Vì miếu trống gió, mưa tạt vào nhiều, đứa nhỏ run lên. Thương hại mẹ nó chị càng ghì chặt nó vào lòng, lấy vạc áo bọc kín nó lại. Nói chuyện tức cười, chú ơi. Trong bóng tối nó tưởng chị là mẹ nó nên vừa khóc, nó vừa đưa tay sờ soạng

tim vú. Chú nghĩ con « *đàn bà đá* » này thì làm gì có bầu vú sữa... hử Trời...

Chị Cả vừa nói xong lại chống tay, ngửa mặt lên cười ha hả. Nhưng vừa cười xong, tôi đã thấy mắt chị đầm ướt, đỏ ngầu thêm lên. Tôi hỏi :

— Thế rồi sau này chị ném đứa bé ấy cho ai ?

Chị Cả bồng ngời thẳng người lên, lườm tôi, lấy khăn tay lau ráo lệ :

— Chú đừng nói đại. Nhưng mà.. hà, hà, hà. Chị cũng không trách chú. Một con *đàn bà đá* như con mẹ Hạnh thì nhất định là nó phải cho thiên hạ đứa nhỏ ấy rồi. Nhưng con mẹ Hạnh sau cái ngộ cảnh ấy lại không còn là hạng *đàn bà đá* nữa. Hà, hà, hà, hà... lên đây mà xem.

Đứng vội lên, chị Cả nắm cánh tay tôi, lôi thẳng phía thang gác. Anh Cả nhăn mặt cười :

— Thì đề thông thả chú ấy đi chứ việc gì phải lôi kéo thế.

— Không, lên đây. Lên đây mà xem cho tận mắt. Hà, hà, hà, hà...

Tôi theo chị trèo lên thang. Ở một phía gác, sau bức màn xanh mà chị vừa vén lên, tôi

thấy một đứa bé lên hai, xinh xắn, mũm mĩm đang nằm ngủ ngon lành trong chiếc nôi bằng sắt sơn trắng, phủ tuyn. Chị Cả cúi xuống mở mùng, cù vào nách nó, rồi bồng nó lên nói nựng :

— Dậy nào, ừ ừ, dậy nào.

Đứa nhỏ ngủ chưa thẳng giấc, khóc lên. Chị Cả vào ôm nó lòng, há cái mồm rộng oạc ra :

— À ừ, à ừ, nín nào, nín không mẹ đánh. Chú kia dậy nào.

Rồi chị lại ghi thật chặt, hôn vào má, vào trán, vào cổ, xong lại cười ha hả bảo tôi :

— Trẻ con có cái mùi thơm kỳ dị lắm nhé. Chả trách các bà cụ xưa thường bảo không hoa gì thơm bằng hoa « trẻ con » cả.

— Thế chị hết gớm rồi à ?

— Hà, hà, hà, hà... Bây giờ chị lại thích trẻ con lắm nhé. Cũng thích có con. Nhưng không biết rồi mình có được cái phước ấy không nữa. Nhưng

lạy Trời, lạy Phật, ở hiền gặp lành. Trời Phật đã xui cho chị gặp một chuyện lạ như vậy nên mình không có con mà thành ra có. . Hay quá.

Tôi nhìn đứa bé rồi hỏi :

— Chị đặt tên nó là gì ?

— Lợi. Thắng Lợi. Có biết tại sao không ? Chị nghĩ trong thời kháng chiến chị mua bán cũng lời nhiều nhưng không có món lợi nào quý bằng món lợi này.

Chị Cả ghi càng chặt thêm đứa bé, nhìn nó :

— Có phải thế không, cục cưng của mẹ ?

Rồi chị áp má vào cái má no tròn của thằng Lợi. Tôi đứng nhìn chị. Cũng vẫn là chị Cả như thuở nào với vầng trán cao cặp mắt sáng, cái miệng rộng và cái vẻ đầy đặn, quắc thước của hạng nam nhi. Nhưng lần này, tôi thấy chị Cả rất là « đàn bà ».

PHAN DU

NGỌC LINH

Mái tóc giai nhân

BỒN bức tường của phòng giam, quét vôi trắng, trống trải lạnh lùng. Ánh sáng lọt vào phòng, qua một chiếc cửa sổ cao quá tầm người và có song sắt chắc chắn.

Người diên ngồi trên đồng rơm, dựa lưng vào tường, ngó chúng tôi với đôi mắt chằm bằm và thao láo...

Y gầy như que củi đôi má lõm xuống sâu và mở tóc đã bạc trắng. Có lẽ chỉ mới trắng trong vòng vài tháng trở lại thôi.

Quần áo của y rộng thùng thình, bọc lấy một mảnh hình hài khô đét.

Ai thoáng nhìn qua cũng nhận ngay ra được một con người đang bị tâm tư hành hạ, gặm nhấm thân thể...

Tâm tư đó đang ngự trị tâm hồn y, hủy hoại con người y...

Sự vô hình đã làm cho da thịt, tinh huyết của y phải tiêu hao dần cho đến lúc chết.

Nhưng tâm tư hắc ám nào đang giết lần hồi con người đó ? Tôi chưa biết được ! Nhưng nhìn vầng trán nhăn nheo với những đường nhăn luôn luôn cử động ; tôi đâm ra thương hại con người xấu số đó.

Viên y sĩ cai quản bệnh viện đã bảo tôi :

— Anh ta có những cơn điên rất dữ dội. Ở đây, tôi cũng đã gặp lắm người mất trí, nhưng chưa thấy ai dữ tợn bằng anh ta. Điều đặc biệt là anh ta có viết một quyển Nhật ký, đọc qua chúng ta có thể hiểu được phần nào nguyên nhân phát sinh bệnh loạn trí của anh, nhưng biết rồi cũng phải đành bó tay mà chịu... Nếu ông muốn hiểu xin mời đọc quyển Nhật ký ấy...

Tôi theo viên y sĩ về phòng làm việc. Ông trao cho tôi quyển Nhật ký của người đáng thương hại ấy rồi bảo :

— Ông hãy đọc kỹ và cho tôi biết ý kiến.



« Cho đến năm 32 tuổi, tôi sống một cuộc đời bình thản, không có chút tình yêu. Đối với tôi đời rất giản dị đáng yêu và dễ sống vì tôi rất giàu.

« Tôi thích nhiều món, nhưng không đam mê một thứ nào.

« Cuộc sống mới thú vị làm sao !

« Mỗi sáng thức dậy, tôi thấy đời rất tươi đẹp và mặc tình tôi sống theo sự thỏa thích riêng của mình.

« Tối đến tôi đi ngủ, trong lòng không gợn chút âu lo và chắc rằng ngày mai cũng sẽ êm đềm như hôm nay. Đối với tôi, thuở ấy tương lai rất là sáng lạn.

« Tôi có một vài cô nhân tình nhưng không yêu say đắm một ả nào ? Sống như thế kể ra cũng thú vị lắm và đó cũng là một cách yêu đương hợp lý hơn hết mặc dù hơi nguy hiểm.

« Theo thói thường trên cõi đời này hễ tìm được một người tâm đầu ý hiệp thì người ta tha thiết yêu nhau !

« Riêng đây là trường hợp khá dị kỳ đã xảy ra trong cuộc đời tình ái của tôi.

« Tôi rất thích đồ cổ. Vả lại cũng có nhiều tiền, nên tôi thường tìm kiếm, sưu tầm những món đồ xưa.

« Cầm những món đồ cổ trong tay, tôi liền tưởng đến những bàn tay nòn nà, không biết từ bao giờ đã vuốt ve, sờ mó đến chúng ; họ đã nhìn chúng với đôi mắt triu mến thân yêu ! Thế nên có lúc tôi đã đứng lặng hàng giờ để nhìn một chiếc đồng hồ sáng chế vào thế kỷ trước.

— « Chiếc đồng hồ đẹp và dễ thương làm sao, nước sơn và chiếc võ chạm vàng của nó thật láng và huê mỹ... cho đến ngày hôm nay nó vẫn chạy đều như từ thuở mà một người đàn bà đẹp nào đó, đã chú ý và vui mừng sung sướng khi làm chủ được nó !

« Ngày xưa ai đã ấp ủ nó vào lòng và chiếc đồng hồ đã kêu tic tắc bên lồng ngực thồn thức của ai ?

« Bàn tay nào đã nâng niu vuốt ve, săn sóc nó ? Đôi mắt người đẹp nào đã nhìn lên mặt kính, để chờ đợi giờ hẹn với người yêu ?

« Tôi tưởng tượng, tôi muốn biết, muốn thấy người đẹp biết chọn cái đồng hồ quý giá này ở một thời xa xưa nào !

« Nhất định, đến ngày nay, người ấy cũng đã chết rồi, chết như bao con người khác, rất tầm thường trên cõi đời này ! Nhưng không hiểu sao, khi cầm chiếc đồng hồ cũ trên tay tôi lại sinh ra tâm tư hoài cổ đến lạ lùng ?...

« Tôi tưởng tượng mình yêu thương một người đàn bà nào đó, xưa kia đã là chủ cái vật đáng yêu này. Tôi mến tiếc những cái đẹp mỹ miều đã qua...

« Hỡi ơi ! sắc đẹp, nụ cười duyên dáng, những ước vọng những cuộc gặp gỡ thân yêu sao mà chóng mất ?...

« Có nhiều đêm thao thức một mình, tôi thương tiếc cuộc đời ngắn ngủi của bao người đẹp đã qua...

« Khi còn sống trên đời, họ đã mở rộng cửa lòng đón bao mối tình thắm thiết ? Và những chiếc hôn nồng cháy đã luôn chuyển từ môi sang môi, từ thế kỷ sang thế kỷ, từ lớp này sang lớp nọ... Chiếc hôn thì bất diệt nhưng con người tiếp nhận, trao cho kẻ khác rồi lại tàn lụn trong quá khứ...

« Tôi tiếc những gì đã qua, tôi khóc cái hiện tại, tôi muốn chặn đứng thời gian, chặn đứng những giờ phút đang tiến tới.

« Nhưng than ôi ! Thời gian vẫn trôi qua, từng giây từng phút, rồi tất cả sẽ vào cõi hư vô...

« Với thời gian tôi làm sao sinh tồn được ? Xin giã từ những người đã đi qua trong dĩ vãng, tôi thiết tha ngưỡng vọng họ...



« **N**hưng mà đời tôi cũng vẫn chưa đến nỗi tuyệt vọng. Tôi đã tìm được người lý tưởng và đã sống qua những giờ phút thật say sưa, êm đẹp của tình yêu...

« Một sáng trời đẹp, tôi bách bộ lang thang trên đường phố Ba Lê, lòng vui như mở hội, chân bước hiên ngang, mắt nhìn các gian hàng bày biện bên đường...

« Bỗng nhiên, tôi nhìn thấy một chiếc tủ đóng theo lối Ý vào khoảng thế kỷ thứ 17, trong một tiệm bán đồ cổ. Đây là một chiếc tủ rất đẹp và hiếm có. Rất có thể chính Vitelli, một tay thợ khéo ở Ý vào thời đó, đã đóng nên chiếc tủ này.

« Tôi qua khỏi gian hàng bán đồ cổ, nhưng chiếc tủ vẫn mãi ám ảnh tôi. Không cưỡng được tôi phải trở lại để ngắm chiếc tủ một lần nữa.

« Rồi thì chiếc tủ thu hút mất tâm hồn tôi.

« Sự thèm muốn thật là kỳ dị. Nhìn một vật mà lần lần mình bị thu hút đến tinh thần xáo động cực độ, như gặp phải mãnh lực vô hình của người đẹp lôi cuốn lấy mình.

« Cái đẹp của chiếc tủ xâm nhập vào tâm hồn tôi, cái đẹp kỳ lạ, từ hình dáng, màu sắc đến tư thái...

« Tôi thấy thích, ham muốn rồi ao ước !...

« Tôi không thể nào cưỡng được ý muốn chiếm hữu nó.

Ban đầu ý muốn này còn lơ mờ, rồi sau đó nó tăng lên đến chỗ mãnh liệt nhất, không thể nào chống lại được.

« Tôi mua liền chiếc tủ đẹp kỳ lạ ấy và cho chở ngay về nhà. Tôi để nó trong buồng riêng...

« Ôi chao ! Tôi rất tiếc cho những người chưa biết hưởng cái thú trắng mặt với một món đồ quý giá, vừa ý, mới mua được...

« Mình nhìn nó với đôi mắt triu mến, với đôi tay dịu hiền đầy tình cảm, mình vuốt ve nó như vuốt ve những thớ thịt nõn nà. Mình không rời nó nữa và nhớ đến nó luôn, mặc dù bận đi đâu hay đang làm một việc gì. Và khi về nhà, chưa bỏ nón, chưa mở giày, mình cũng vội vã đến thăm nó như một người tình xa cách đã lâu...

« Thật ra, hơn một tuần lễ, tôi luôn luôn ở kề bên chiếc tủ đẹp lạ lùng ấy...

« Tôi mở cửa, mở ngăn kéo, nhìn tất cả bên trong, bên ngoài và tận hưởng cái thú chiếm hữu tuyệt vời...

« Một buổi chiều, trong khi mần mê tắm kiến cửa, bỗng nhiên tôi có cảm giác như ai đã giấu một vật gì bên trong. Tim tôi đập mạnh lên và trọn đêm hôm ấy tôi cố tìm hiểu xem người ta đã để vật gì bên trong, nhưng không sao biết được.

« Tôi phải biết rõ sự bí mật này thì trong lòng mới yên được.

« Thế nên, sáng hôm sau tôi dùng một lưỡi dao cạy kê hở trên tấm cửa. Một miếng ván mỏng rớt ra và bên trong, chao ôi, một mớ tóc mây của ai đã nằm gọn lỏn trong mảnh lụa...

« Tôi đứng sững, ngạc nhiên và xúc động vô cùng. Một mùi hương lạ phản phát bay ra... từ trong ngăn tủ cũ.

« Tôi cầm mớ tóc lên một cách nhẹ nhàng, nó xỏ tuông ra như một bông sợi vàng óng ả. Nó dịu dàng, mềm mại và long lanh như chuỗi sáng của một vì sao trên trời. Một cảm giác lạ lùng đã xâm chiếm tâm hồn tôi ;

« Ai đã đã giấu mớ tóc này vào đây ?

« Giấu bao giờ và trong trường hợp nào ? Tại sao lại phải giấu ở đây ?

« Và chuyện gì đã xảy ra đến nỗi phải làm như thế này ?

« Ai đã cắt ngang mớ tóc mây óng ả ? Người yêu đã cắt trong giờ ly biệt hay một ông chồng đã cắt tóc vợ trong khoảnh khắc hờn ghen ? Có thể vì tuyệt vọng mà người đẹp nào đó đã phải hy sinh nó chăng ?

« Hay là ai đó đã muốn giữ mãi tình yêu của một người thân sắp lìa đời mà phải ghi nó lại để làm một kỷ vật thân yêu ?

« Mớ tóc mây đã chảy dài trên tay tôi, dịu mềm và óng ả như đang muốn vuốt ve lấy bàn tay của tôi...

« Tôi đau xót và ghen ngào muốn khóc lên...

« Tôi nhìn mớ tóc hồi lâu, thấy như nó đang sống động, như có một linh hồn bên trong...

« Và sau đó tôi để y nó vào chỗ cũ, khóa tủ lại rồi đi lang thang ngoài đường, thả hồn vợ vẩn...



« **T**ÔI đi mãi, trong lòng tràn ngập một nỗi buồn vô hạn. Lòng tôi đang bị xáo động mãnh liệt, sự xáo động và hồi hộp sau một chiếc hôn nồng nàn của người tình mới gặp.

« Ở... dường như trước kia tôi đã gặp và đã chung sống với « nàng ».

« Khi trở về nhà, tôi lại mở tủ ra để nhìn lại mớ tóc mây kỳ dị đó. Tôi cầm nó lên thưởng thức hương vị lạ lùng của nó mà bắt rùng mình...

« Suốt mấy hôm liền tôi vẫn sống bình tĩnh như thường mặc dù lúc nào tôi cũng nghĩ đến mớ tóc kỳ dị đó...

« Mỗi lần đi đâu về, thế nào tôi cũng phải thăm nó. Cầm

chìa khóa mở tủ, tôi có cảm giác là đã mở cửa phòng của người yêu vì tôi biết rằng mình không thể nào xa mái tóc đẹp ấy được nữa.

« Khi mơn trớn, vuốt ve, nhìn ngắm mái tóc trong ngăn tủ tôi có cảm giác « nàng » là một người sống thật, đã nằm sẵn trong căn phòng đó và bị tôi giam giữ nên không thể đi đâu được và cũng không thể chia sẻ tình yêu với một kẻ nào khác...

« Như thế, trải qua mấy tháng rồi, tôi không nhớ rõ, mái tóc mây đã chiếm lấy tâm hồn tôi. Riêng tôi thì sống trong hạnh phúc, trong hồi hộp như một người mới được yêu trong buổi đầu...

« Có lúc tôi ôm choàng lấy « nàng », áp « nàng » vào da thịt tôi ... Tôi gắn chặt đôi môi vào « nàng » hôn hít, cấu xé « nàng »....

« Tôi phủ « nàng » lên mặt tôi, nhai ngấu nghiến « nàng » và qua sắc màu óng ả đó, tôi thấy vũ trụ chỉ có một màu vàng...

« Tôi yêu « nàng » ! Phải, tôi đã yêu « nàng » và không thể nào sống xa « nàng » được nữa...

« Tôi đợi chờ và chờ đợi, nhưng chờ đợi ai bây giờ ?...Chờ đợi « nàng »... Nàng có thể đến với tôi chăng ?

« Một đêm kia, khi đang ngủ say, bỗng nhiên tôi giật mình thức dậy với linh cảm rằng nàng đã đến...

« Nhưng gian phòng vẫn cô quạnh !

« Tôi không thể nào ngủ lại được nữa, thân thể tôi như bị một cơn nóng sốt, mơ hoãng...

« Tôi phải dậy đi thăm « nàng » !

« Nàng » trông cũng dễ yêu như tự thuở nào ? Tôi hôn mái tóc mây với một tấm lòng yêu đương nồng cháy. Tôi mang nó lên giường và ôm choàng lấy nó như ôm một người tình yêu dấu...

« Quả thật người chết đã trở về, nàng trở về thật rồi ! Tôi đã

thấy nàng, nàng đang nằm trong lòng tôi, nàng là một người rắn chắc, da thịt hồng hào với mớ tóc mây vàng óng ánh, ngực nàng no tròn và thân hình có những đường cong tuyệt mỹ.

« Tôi đã nhìn, nhìn rất lâu cái thân thể nõn nà, đẹp đẽ kia !...

« Rồi từ đó, nàng đã về với tôi mỗi đêm ; người con gái vô danh, mỹ miều đáng yêu ấy đã đem lại cho tôi nguồn hạnh phúc vô biên.

« Gần nàng, tôi thấy hân hoan, sung sướng đến cực độ. Tôi có được nguồn vui sâu xa, khó tả của một kẻ đã chiếm được người yêu đặc biệt, khác thường...

« Có lẽ trên cõi đời này, không có một người tình nhân nào được hưởng những phút say sưa, nồng cháy và cuồng loạn như tôi.

« Tôi không thể giữ kín niềm hạnh phúc của tôi, không thể nào rời nàng được một phút, đi đâu tôi cũng mang nàng theo. Ra phố, hay vào rạp hát, lúc nào nàng cũng vẫn ở kề bên tôi như một cô nhân tình chung thủy...

« Nhưng hỡi ôi ! người ta đã thấy nàng và bắt nàng đi để bỏ tôi vào bốn bức tường cô quạnh này...

« Người ta đã giam tôi như giam một kẻ đã gây ra tội ác...

« Người ta đã bắt mất nàng... đau đớn và khổ tâm biết là bao nhiêu ! »



Q U Y Ê N Nhặt ký chấm dứt ở mấy dòng này và khi tôi ngược mắt nhìn viên y sĩ thì người điên đã rú lên một tiếng dài tuyệt vọng như muốn tự giải thoát mình ra khỏi chốn ngục tù...

Viên y sĩ bảo tôi :

— Ông hãy chú ý đề điều y... Mỗi ngày phải tắm cho y đến năm lần để cho cơn điên dịu xuống ! Đầu phải trên đời này chỉ có

trong truyện Liêu-Trai mới có những chàng thư sinh si tình chết mệt vì ma ?

Bồi hồi xúc động, tôi hỏi viên y sĩ :

— Mớ tóc mây đó có thật không ? Y sĩ đứng lên, mở một ngăn tủ có đựng đủ «thập vật» và sau một hồi tìm kiếm, ông ta cầm lên một mớ tóc mây vàng óng ánh, để trước mặt tôi...

Tôi cầm lấy mớ tóc ... Những sợi tóc thật dịu mềm làm tôi xúc động và ghê rợn như được thấy một tang vật trong một vụ án linh...

Viên y sĩ cai quản bệnh viện so vai bảo tôi :

— Tâm tư của con người thật là vô giới hạn...

NGỌC LINH

(Phỏng theo Guy De Maupassant)

TƯỜNG LINH

Xa

*Ô I đi khi mùa xuân đương xanh
Đương liễu sầu reo vạn lý tình
Sau xe không một bàn tay vẫy
Vườn giận hờn chi bất tiếng oanh ?*

*Tôi đi như người quên tháng năm
Một thuở chia xa, một lỡ lầm
Những cánh hồng xưa, hoa bướm cũ
Đã thành kỷ niệm, đã xa xăm*

*Tôi vẫn đi như ngựa nhớ đường
Để nghe lòng khóc những chiều thương
Để thu tiếng nói ngày xưa lại
Thành khúc đơn ca điệu chán chường !*

*Tôi hát lên và tôi cố nghe
Hồn đi lưu lạc bỗng quay về
Lặng yên để thấy mình côi cút
Mấy núi chiều phong kín bóng quê.*

T. L.

(Màu áo xưa)

Phần thứ ba

Phần thứ ba của Văn Hữu số 11 này hoàn thành bằng sự gom góp tin tức và tài liệu trong ngoài nước của các bạn : Hoàng Lan — Vị Vũ — Trần Văn Long — Đoàn thể Nhơn...

Gió Đông... Gió Tây...

TRONG NƯỚC

DIỄN THUYẾT

— Giáo sư *Nguyễn-chung-Tú* sáng 15-4 đã nói tại trường Đại Học khoa học về đề tài :

« *Trên ngưỡng cửa trường đại học* ».

Muốn chọn một ngành ở Đại Học, người sinh viên thường đứng trước một số thành kiến, cũng như thường nhận được những lời khuyên bảo của các bậc đàn anh, có khi trái ngược nhau.

Theo diễn giả thì ngoài những thể lệ của mỗi trường đại học, người sinh viên cần phải suy nghĩ đến hai yếu tố quan trọng : sở thích của mình đối với môn học, và khả năng để theo học môn đó.

Người sinh viên cần phải dung hòa cả hai yếu tố trên.

Trừ những trường hợp đặc biệt, họ phải chọn một môn học vừa hợp sở thích mình, đồng thời phải hợp với khả năng mình nữa. Nếu chỉ sở thích, mà không đủ khả năng sự quyết định sẽ tai hại cho việc học ở tương lai. Vì vậy, không có ngành nào khó, hay dễ cả.

Tiếp đó ông nói đến sự liên quan giữa các ngành đại học, và tính cách liên tục của chương trình giáo dục từ trung học đến đại học.



— Bác sĩ *Stevens*, hôm 20-4, đã nói về đề tài :

« *Cải tiến các nông trại bằng sự nghiên cứu về phương pháp quản trị* ».

Sau khi nêu ra câu hỏi : « làm cách nào tăng được mức sản

xuất của một nông trại lên gấp đôi ? », diễn giả chủ trương áp dụng các biện pháp : lựa chọn loại cây trồng và các giống gia súc chăn nuôi ; lựa chọn các phương pháp kỹ thuật thích nghi ; tiết kiệm các tài nguyên ; mở rộng cuộc nghiên cứu về các phương pháp trừ diệt các loại sâu và lựa kỹ các hạt giống.

Những cuộc điều tra về quản trị nông trại là một phương pháp thuận tiện để tìm hiểu có thể làm cách nào đưa năng suất lên đến mức tối cao.

Theo diễn giả, thì có 4 loại điều tra đáng chú ý :

— Điều tra thăm dò để biết rõ tầm quan trọng của các nông trại, các loại nông phẩm sản xuất và các vấn đề của trại chủ phải giải quyết ;

— Điều tra tỉ mỉ các vấn đề lớn về quản trị ;

— Điều tra về giá vốn để nghiên cứu số lợi tức, mà mỗi loại canh tác, hoặc chăn nuôi mang lại ;

— Sau hết, điều tra chuyên môn về các phí tổn để giúp cho việc lựa chọn các phương pháp canh tác đỡ tốn kém.



— Sáng 23 4, tại trường Quốc gia Âm nhạc, « hội Việt - Nam nghiên cứu liên lạc Văn hóa Á châu » đã tổ chức một buổi diễn thuyết, mà diễn giả là bác sĩ Hoàng-mộng-Lương trình bày về : « *Lập trường căn bản của Đông Y ! Khí Hóa.* ».



— Tối 26-4 tại trụ sở trung tâm Văn hóa Pháp, giáo sư P. Huard, đã nói chuyện về :

« *Các họa phẩm khoa học và kỹ thuật của Léonard de Vinci* ».

Theo diễn giả thì công chúng chỉ biết L.de Vinci có thiên tài về mỹ thuật, dù ông chỉ lưu lại hậu thế được 9 họa phẩm đã hoàn tất và một số rất ít mỹ nghệ phẩm. Quan niệm như thế tức là bỏ sót rất nhiều hoạt động tinh thần của de Vinci, một người suốt đời chăm chú tìm tòi và ghi chép những điểm nhận xét hữu ích về khoa học nên một số lớn đã lưu truyền đến ngày nay, và hiện còn được tàng trữ tại nhiều nước ở Châu Âu.

Các điều này chứng tỏ rằng de Vinci đã dành rất nhiều thì giờ vào việc nghiên cứu các vấn đề khoa học và kỹ thuật hơn là tạo ra những bức danh họa.

Hơn nữa de Vinci, có một khuynh hướng thiên phú về việc dùng hội họa để vạch rõ cơ cấu của con người, của động vật hoặc sinh vật, hay để giải quyết một vấn đề về hình học, hoặc cơ khí học.

Cuộc nghiên cứu các họa phẩm của de Vinci cho ta thấy rõ các công trình nghiên cứu của ông không thuộc về mỹ thuật, và chứng tỏ rằng ông rất say mê tìm hiểu các bí mật của tạo hóa bằng những phương pháp rất khác biệt nhau. Vì thế de Vinci đã nghiên cứu tất cả các ngành khoa học xác thực, và về sinh lý. Với tư cách của một họa sĩ, ông đã vẽ ra rất nhiều dụng cụ, máy móc, mà phần lớn dùng để lập những mô hình, kiểu mẫu.

Danh họa de Vinci là một trong số người rất hiểu biết đặt sự sáng tạo về nghệ thuật ngang hàng với sự nghiên cứu khoa học.



HỌA

— TRIỂN LÃM HỘI HỌA MÙA XUÂN TÂN SỬU.— Triển lãm hội họa mùa Xuân do Văn Hóa vụ tổ chức năm nay khai

mạc từ ngày 17-4 đến hết ngày 1-5 cho đợt đầu với 96 bức. Vì có cuộc triển lãm công trình xa lộ Biên Hòa, nên đợt hai phải gián đoạn, nhưng bắt đầu mở cửa từ 18-5 cho đến hết ngày 31-5.

Phòng triển lãm năm nay, cũng như mọi năm, đã được họa sĩ khắp nơi hưởng ứng sốt sắng, gửi rất nhiều tranh về tham dự. Điều đặc biệt là năm nay, một số họa sĩ trẻ trung đã chiếm được những phần thưởng cao quý của Ban Tổ chức tặng do một Hội Đồng giám khảo định đoạt.

Dưới đây là danh sách các họa sĩ được tặng thưởng huy chương và Tưởng lệ danh dự :

HUY CHƯƠNG VÀNG

Họa phẩm « Thiếu nữ »
Cù-Nguyễn.

HUY CHƯƠNG BẠC

Họa phẩm « Chân Dung »
Nghieu-Đề.

Họa phẩm « Những Người Đàn Bà » Trần-kim-Hùng.

HUY CHƯƠNG ĐỒNG

Họa phẩm « May áo cho con »
Đỗ-Thị-Tố-Phượng

Họa phẩm « Gương Nước »
Nguyễn-trí-Minh

Họa phẩm « *Đi Tìm Sống* »
Nguyễn-hiếu-Đệ

Họa phẩm « *Tình Hoài Hương* » Ng-văn-Phương.

Họa phẩm « *Phố Nâu* »
Ngọc-Dũng

TƯỜNG LỆ DANH DỰ

Họa phẩm « *Mai Già* » Tú-Duyên.

Họa phẩm « *Vui Xuân* »
Nhan-Chí

Họa phẩm « *Quê Nghèo* »
Phạm-huy-Tường.

Họa phẩm « *Biển* » Chí-Ngo

Họa Phẩm « *Thuyền Chài Nghỉ Lười* » Bé-Kỷ.

Họa phẩm « *Thiếu Nữ* »
Duy-Thanh.

Họa phẩm « *Những Tà Áo Trong Phố Buồn* » Lê - Thị Phương-Mai.

Họa phẩm « *Tĩnh Vật* »
Châu-Bé.

Họa phẩm « *Tình Quê* » Cồ-Tấn Long-Châu.

Họa phẩm « *Đui* » Nguyễn-Lâm.

Họa phẩm « *Lạc Loài* »
Nguyễn-kiết-Nhu

Họa phẩm « *An Ủi* » Lê-hoàng Phượng.

Họa phẩm « *Say Nhạc* »
Lưu-văn-Quang

Họa phẩm « *Cảnh Biển* » Bà Guillaume

Họa phẩm « *Tĩnh Vật* »
Trần-Thoại.

Họa phẩm « *Anh Sầu Vọng Cờ* » Lê-minh-Tri



— Sở Bưu điện Tunisie mời các họa sĩ Việt Nam dự một cuộc thi vẽ mẫu tem thư đề kỷ niệm « Ngày Liên Hiệp Quốc » tổ chức vào ngày 24-10-61. Giải nhất chừng 480 Mỹ kim và nhiều giải khác bằng tiền. Kích thước là 132×216 ly, vẽ bằng mực Tàu hay Thủy thái họa và chừa hai chỗ để in những hàng chữ Ả rập : Cộng Hòa Tunisie Bưu chính, Ngày Liên Hiệp Quốc 1961.

Mẫu tem gửi đến Bộ Bưu điện số 3 đ. Angleterre Tunis.



— *THI VẼ BÍCH CHUÔNG CHO HỘI CHỢ QUỐC TẾ VIỆT NAM 1962.*— Khổ 65—100 ít nhất ba màu, phải có các hàng chữ : Hội chợ Quốc tế tại Việt-Nam 1962, Foire Internationale Fait 1962. Giải nhất 10.000đ ; nhì 5 ngàn, ba 4 ngàn. Gửi đến 69 đường Tự Do.



— *TRIỂN LÃM HỘI HỌA THI LỊCH STANVAC.*— Cuộc triển lãm hội họa thi lịch Stanvac lần thứ ba đã khai mạc hôm 10-5 tại số 8đ. Thống Nhất.

Có 225 tác phẩm của 98 họa sĩ tham dự so với năm ngoái chỉ có 135 tác phẩm.

12 họa phẩm sẽ được chọn để in vào cuốn lịch 1962, phát hành tại Việt-Nam và ngoại quốc.



— Từ 16-5 đến 26-5 đã có cuộc trình bày tác phẩm hội họa của Văn-Thọ tại Trung tâm Văn Hóa Pháp. Tranh của họa sĩ Thọ hầu hết đều vẽ trên lụa và giấy bản.



— *TRIỂN LÃM TRANH LÊ-PHỒ TẠI BA-LÊ.*— Lê Phồ, một danh họa sang Pháp từ mấy chục năm nay cùng loạt với Lê-thị-Lựu, Mai-trung-Thu đã gây được tên tuổi cho mọi người mến tài. Trong các Viện Bảo tàng ở Pháp, và nhiều tư nhân đều có mua tranh của ông.

Mới đây tại gian hàng Pomarnet ở Ba Lê cũng có một cuộc

triển lãm tranh của Lê-Phồ, kéo dài tới gần một tháng và đã được công chúng rất tán thưởng. Người ta đã yêu cầu Lê-Phồ làm một thạch bản mới lạ, in hạn chế theo tác phẩm nhan đề « Maternité aux Fleurs ». Vẽ sơn trên lụa đề bày bán trong thời gian triển lãm.

Ngoài ra, Lê Phồ từng đã trình bày tranh tại Đức, Bỉ, Thụy Sĩ, Hoa Kỳ v.v...



— *TRIỂN LÃM HỘI HỌA QUỐC TẾ TẠI BA-LÊ.*— Triển lãm mỹ thuật Quốc tế lưỡng niên kỳ 2 do « Hiệp hội Pháp quốc mỹ thuật » tổ chức từ 29-9 đến 5-11-61, tại Viện Bảo Tàng Mỹ thuật cận đại « Musée d'Art moderne de la ville de Paris. »

Họa sĩ phải có từ 20 đến 35 tuổi, và đã trưng bày sáng tác phẩm của mình trong vòng 4 năm trở lại, bằng tranh sơn dầu, sơn mài, lụa, phấn màu, chì, điêu khắc đồng hay gỗ.

Giải thưởng dành cho những họa phẩm đặc sắc của các họa sĩ các nước tham dự gồm có : 10 học bổng cho tạo hình thuật « arts plastiques », mỗi học bổng được lưu trú và du ngoạn tại Pháp trong 5 tháng, mỗi

tháng được trợ cấp 11 200 đồng V.N. Ngoài ra tác phẩm được thưởng, sẽ được chính phủ Pháp mua với giá 14.000 đ. các chi tiết khác hỏi ở Mỹ thuật học vụ Saigon.



NHẠC

— Tối thứ hai, tại phòng Khánh tiết tòa Đô Sản có cuộc trình diễn đại vĩ cầm của nhạc sĩ Đức *Ludwig Hoelsches*.

Ông đã đọc tấu một cách tuyệt mỹ những tác phẩm của *Schubert, Bach, Beethoven, Baval, Faure, Frescobald*. Phần đệm dương cầm đảm nhiệm bởi nhạc sĩ *Otto Soellner*, tổng giám đốc nhạc viện ở Trêves.

Buổi hòa nhạc này do hội thân hữu Việt Đức tổ chức.



Đêm 4-4, giáo hội Tin Lành đã tổ chức, nhân dịp lễ Phục

Sinh, tại số 2 đại lộ Thống Nhất cuộc trình diễn Nhạc Thánh.

Mở đầu ông *Barthélemy* sử dụng ống sáo chơi bản *l'Editation de Thais* của *Massedet*, kể đó đến hợp xướng bản thánh ca da đen và bản *Vers you thers whou thay crucified my Lord* và bản *Lè Sauveur est ressuscité* (Recueil de Cologne 1623). Một bản thánh ca da đen khác được thính giả hết sức tán thưởng là : « *Climbing upon jacob's ladder* và bản *Le Crucifix*, nhạc của *Faure* lời của *Victor Hugo*. Các ban hợp xướng. Việt-Nam và Hoa kiều đã trình bày các nhạc phẩm *Hossanna* của *Grégor* ; *Le roi Victorieux*, một cổ điệu Hòa Lan ; *Christ* phục sinh của *Robert Lowry*.

Giáo sư *Piclin* tại Đại học Sài Gòn đọc tấu rất xuất sắc bản « *Seigneur, dirige...* » của *Haender*.

NGOÀI NƯỚC

«*TOI ET MOI*». — Một tập thơ lãng mạn được in ra một triệu cuốn... Tập thơ «*Toi et moi*» của Paul G raldy xuất bản trước đây năm mười năm, vừa rồi lại được tái bản và được dịch ra mười tám thứ tiếng, trong số c  bản dịch tiếng Nhật.

Đ  chỉ l  một tập thơ, chứa đầy tư tưởng lãng mạn, song được thanh ni n nam nữ ng m đọc say m  như tiểu thuyết kể từ 1913 ; nh  xuất bản Stock đ  cho in tập «*Toi et moi*» đến một triệu cuốn, cho đến nay người ta vẫn tìm đọc, và cứ mỗi năm, lại in ra chừng v i chục ngàn cuốn. B y giờ đ y thanh ni n nam nữ thuộc đ t s ng mới cũng đọc một cách say sưa.



— Ở PH P, TRONG HAI NGƯỜI THÌ MỘT NGƯỜI KHÔNG HỌC GI .— Ngh  bán s ch v  xuất bản ở xứ ta, c  th  n i, hi n đang l m v o một th  b  Nhưng ch ng phải chỉ ở đ y mới bị x  v o tình trạng  y ; chợ bu n v n, bán ch  ở Ph p, theo một th i  i tra của tờ Figaro Litt -

raire cho ta thấy c c nh  xuất bản, c c hi u s ch cũng đang kêu cứu v     m qu .

Cuộc  i tra cho bi t rằng : trong số hai ngàn tám trăm nam nữ đọc gi  đủ c c hạng tuổi từ hai mươi trở l n, th  chỉ c  2,5% người chuy n đọc s ch ; 39,5% vừa đọc s ch vừa đọc b o ch , 52% đọc b o ch , v  6% kh ng đọc một thứ g . Do nh ng con số tr n đ y, ta bi t rằng hơn n i phần người Ph p kh ng c m đến một cuốn s ch.

N m qua kể c  c c loại s ch mới in v  t i bản tổng cộng l  150 triệu cuốn. Trong số n y, kh ng kể 42 triệu cuốn s ch gi o khoa 33 triệu cuốn, c n lại 75 triệu cuốn chia cho 30 triệu người d n Ph p, tuổi từ 20 trở l n.

N n nh  rằng cuộc  i tra cho ta bi t trong hai người Ph p th  chỉ c  một người đọc s ch, một người kh ng đọc g , nghĩa l  kh ng mất tiền mua s ch. V y 75 triệu cuốn s ch kia chia cho 15 triệu đọc gi , nghĩa l  mỗi người mua một năm 5 cuốn s ch.



— Tại hi viện Carnegie ở Nữu Ước, nhạc sĩ Robinstein vừa trình diễn bản nhạc « Fantaisie impromptu », của Chopin.. Đây là bản nhạc mà Robinstein mới mua được trong một tập những bản thảo viết tay tại một cuộc bán đấu giá ở Balè. Bản Fantaisie « mpromptu » do chính Chopin viết ra đề ngày « thứ sáu 1835 ».

HOÀNG LAN

TÀI LIỆU

NHỮNG TRIỂN VỌNG CỦA KHOA NGHIÊN CỨU NHIỄM SẮC THỂ.— Trong địa hạt Y học, vấn đề di truyền ngày càng đóng một vai trò quang trọng mà trước kia không ai ngờ đến. Nhất là từ 2 năm nay, khi khám phá được các chứng bệnh nhiễm sắc thể (maladies chromosomiques) thì khoa di truyền học nghiêm nhiên bước qua một giai đoạn mới, được giới Y học đặc biệt chú ý.

Về nguyên nhân các chứng đó, người ta không phải tìm kiếm xa xôi, hoặc căn cứ vào triệu chứng để đoán bệnh, mà có thể nhìn thấy căn bệnh tận mắt, rõ ràng bằng kính hiển vi. Người ta chỉ cần đếm số lượng và xem hình dạng bất thường của nhiễm sắc thể (Chromosomes) trong tế bào.

Nhờ công trình nghiên cứu của 2 nhà bác học Tijo và Levan, ta biết rằng mỗi tế bào bình thường của con người chứa đựng một số nhiễm sắc thể nhất định là 46 chứ không phải 48 như trước đây vẫn công nhận. 46 nhiễm sắc thể đó thành 23 đôi, mỗi đôi gồm một nhiễm sắc thể của nguồn gốc cha truyền qua và một nhiễm sắc thể do nguồn gốc mẹ.

Và trường hợp nhiễm sắc thể nhiều hay ít hơn số 46 nói trên là nguyên nhân sinh ra một số bệnh tật.

Trước tiên là bệnh mông cổ (mongolisme), một chứng si ngốc của người Âu Châu. Gọi là bệnh mông cổ là vì người nào mắc chứng đó đều có khuôn mặt giống người Mông Cổ. Bệnh này là một chứng di truyền trầm trọng và bệnh nhân mang trong tế bào một nhiễm sắc thể nhiều hơn mức bình thường (47 thay vì 46). Người ta cũng nêu lên nhiều chứng nhiễm sắc thể khác mà đặc tính là gây nên những hỗn loạn trong vấn đề chủng tính (sexualité).

Có chứng gọi là « Klinefelter », một tật phát sinh bởi sự hỗn hợp các đặc tính nam và nữ trong cùng một người. Bên ngoài là bộ phận sinh dục của nam giới, nhưng một trong 2 cao hoàn (hòn giá) lại là một noãn sào (ovaire). Các hạch vú phát triển mạnh. Nghiên cứu ra thì thấy cặp nhiễm sắc thể xác định biệt tính của những người đó có trạng thái bất thường.

Ở người đàn bà bình thường, cặp ấy gồm 2 nhiễm sắc thể lớn bằng nhau, gọi là nhiễm sắc thể X và một nhiễm sắc thể nhỏ hơn gọi là Y. Ở người bị chứng Klinefelter cặp nhiễm sắc thể đó không có tính cách đàn ông cũng không có tính cách đàn bà, vì họ có 2 nhiễm sắc thể X như đàn bà và 1 nhiễm sắc thể Y như đàn ông.

Một chứng khác gọi là chứng Turner. Người mắc chứng này có một bề ngoài hoàn toàn giống đàn bà, và sự sinh dục không phát triển đầy đủ. Khám phá ra thì tế bào những người đó có một nhiễm sắc thể X đơn độc không có một nhiễm sắc thể X hoặc Y đi kèm.

Ở những người có cơ thể dị thường khác, người ta lại thấy tế bào họ mang 45 nhiễm sắc thể chứ không phải 46. Và trường hợp bệnh bạch huyết (leucémie), người ta tìm được trong tế bào nạn nhân một nhiễm sắc thể nhỏ hơn các nhiễm sắc thể khác.

Không biết những khám phá trên đây sẽ có thể chiếu giọi sáng lỗ địa hạt đen tối của vấn đề tâm lý chủng tính (Psychologie sexuelle) hay chăng? Và không rõ trong những trường hợp ái tình đồng tính nam hoặc nữ, người ta có gặp được những bất thường nào về nhiễm sắc thể không.

Trong tình trạng về dụng cụ khoa học hiện tại, chắc chắn rằng có nhiều cái dị thường về nhiễm sắc thể quá tế vi, quá mong manh, lọt ra ngoài sự tìm kiếm của chúng ta. Tuy nhiên hy vọng rằng với sự cải tiến của kính hiển vi điện tử, phạm vi bệnh lý nhiễm sắc thể sẽ ngày càng mở rộng.

Ngày mai đây và ngày đó tưởng không còn xa bao nhiêu, người ta sẽ lập thẻ nhiễm sắc thể cho từng cá nhân một. Các bác sĩ sẽ căn cứ vào đó để tiên đoán bệnh tật của từng người và những sự rối loạn sẽ xảy đến cho người đó lúc về già. Người ta cũng sẽ căn cứ vào đó để quyết định việc hôn nhân. Nhất định người ta sẽ không cho lấy nhau 2 người nam nữ mang những chứng di truyền nhiễm sắc thể giống nhau.

Và có lẽ sau này mỗi người sẽ có « thẻ căn cước nhiễm sắc thể » của mình ; những loại nhiễm sắc thể (caryotypes) sẽ thay thế cho dấu vân tay. Và biết đâu chừng trong những vụ án đại hình, luật sư sẽ không vịn vào những bất thường của nhiễm sắc thể để biện hộ cho tội lỗi của can nhân ?

Người ta cũng hy vọng sẽ khám phá ra những đặc tính dị thường của nhiễm sắc thể trong trường hợp siêu nhân hoặc thần đồng có thiên tài xuất chúng.

Cuối cùng, người ta cũng có thể đem đối chiếu bằng nhiễm sắc thể của người và của loại vượn để tìm hiểu các điều kiện di truyền trong việc xuất hiện của giống người trên quả địa cầu này.

Như vậy, việc nghiên cứu bệnh lý nhiễm sắc thể sẽ vượt qua giới hạn y học để xâm nhập vào các ngành hoạt động khác của nhân loại.

VỊ VŨ sưu tầm
(Thec báo *Le Figaro Littéraire*)



PHẢI CHĂNG NGHỆ THUẬT LÀ MỘT CHỨNG THẦN KINH SUY NHƯỢC. — *Tạo hóa ban cho mỗi người được quyền tiến vào nguồn mạch cuộc sống uyên thâm.*

Xét về bản tính, nghệ thuật không phải là một khoa học cũng như khoa học, theo bản tính, không phải là một nghệ thuật : vì vậy, 2 lãnh vực tinh thần ấy có phạm vi riêng biệt của mình và phạm vi đó chỉ có thể lý giải bởi chính mình nó. Cho nên, khi chúng ta nói đến những tương quan giữa tâm lý học và nghệ thuật, chúng ta chỉ chú trọng đến cái phần nghệ thuật có thể chịu đựng sự khảo sát lối ấy mà không bị xâm phạm giới hạn ; Những điều mà tâm lý học có thể nói về nghệ thuật, luôn luôn sẽ bị giới hạn ở những diễn biến tâm lý của hoạt động nghệ thuật mà không bao giờ đạt đến bản tính sâu xa nhất của nó. Không thể nào làm việc đó được cũng như lý trí không sao hình dung hoặc lý hội được bản chất của tình cảm.

Đã hẳn, những điều kiện sáng tạo nghệ thuật, cũng như đề tài và phương thức tiến hành của mỗi người trong công việc đó có thể quy về những liên hệ của bản thân thi sĩ đối với cha mẹ của thi sĩ, nhưng các yếu tố ấy không giúp ta hiểu gì hơn về nghệ thuật của thi sĩ đó. Bởi vì có nhiều trường hợp ta không thể quyết đoán như vậy được, nhất là trường hợp thác loạn bệnh tật. Các chứng thần kinh suy nhược và tâm bệnh cũng có thể quy về những liên hệ của cha mẹ đối với con cái, và những tập quán xấu hoặc tốt, những tin tưởng những đặc điểm của tính tình, những đam mê, những hứng thú đặc biệt cũng có thể quy về như vậy. Nhưng không thể nào giả thuyết được rằng tất cả những phát hiện rất khác nhau đó có một lối giải thích như nhau ; bằng không, ta phải kết luận rằng chúng chỉ là một sự kiện duy nhất. Vậy nếu người ta giải thích một nghệ thuật như giải thích một chứng bệnh thần kinh hoặc cho tác phẩm nghệ thuật là một chứng bệnh thần kinh hay chứng bệnh thần kinh là một tác phẩm nghệ thuật ta có thể xem lối nói đó là một ý kiến ngược đời có thể chấp nhận được, nhưng lương tri con người không thể nào chịu đặt bệnh thần kinh và tác phẩm nghệ thuật lên trên cùng một bình diện. Nhất là một y sĩ tâm phân tích, vốn quen nhìn sự vật ngang qua lằn gương thành kiến nghề nghiệp, nên có thể cho bệnh

thần kinh là một tác phẩm nghệ thuật, nhưng người « tay ngang» thông minh không bao giờ có ý nghĩ lẫn lộn một hiện tượng bệnh lý với nghệ thuật cả mặc dù không thể chối cãi rằng nhiều lúc việc sáng tạo nghệ thuật dựa trên những hiện tượng tâm lý tương tự với những hiện tượng gây nên bệnh thần kinh.

Có điều chắc chắn là việc định hướng cho khoa tâm lý học chữa bệnh do Freud đề xướng đã tạo một đà tiến mới mẻ cho các nhà văn học sử, và thúc đẩy họ đem một số đặc điểm của tác phẩm nghệ thuật cá nhân đối chiếu với những biến cố riêng tây và sâu xa của cuộc đời thi sĩ. Ở đây, tôi không có ý quả quyết rằng đã từ lâu việc nghiên cứu khoa học một thi phẩm chưa khám phá ra các yếu tố cá nhân tiềm tàng trong tác phẩm đó. Nhưng các cuộc nghiên cứu của Freud cho phép ta nhìn sâu hơn và bao quát hơn những ảnh hưởng mà các biến cố của cuộc sống đã gieo vào việc sáng tạo nghệ thuật. Áp dụng chừng mực và khéo léo, đường lối nghiên cứu đó nhiều khi hiến cho ta một cái nhìn lồng quát đẹp đẽ về cách thức vận chuyển sáng tạo nghệ thuật, từ lúc chất liệu được dồn chứa trong đời sống cá nhân của nghệ sĩ đến lúc giải thoát khỏi vòng cương tỏa ấy. Theo đường hướng đó, cái mà người ta gọi là tâm phân tích tác phẩm nghệ thuật, trên nguyên tắc, không khác gì việc phân tích tâm lý và văn chương thực hiện một cách sâu sắc, tinh tế. Có khác chăng chỉ là khác về cấp độ, phát sinh do những kết luận và nhận xét thô lỗ mà một lối nghiên cứu tế nhị hơn sẽ bỏ qua đi cách dễ dàng.

Thái độ thiếu dè dặt đó trước những gì thuộc về con người chính là đặc điểm của khoa tâm lý học trị bệnh. Theo lời nhận xét thích đáng của Méphistophélès, khoa tâm lý này tự tiện cho mình có quyền nói những điều mà một ngành nghiên cứu khác phải thận trọng dò xét hàng nhiều năm. Nhưng khốn thay, sự kiện này không phải luôn luôn có lợi cho khoa tâm lý đó.

Cái khuynh hướng kết luận táo bạo sẽ dễ dàng đưa đến những phê phán cưỡng ép. Một vài hành động xấu xa nhiều khi làm cho thiên tiểu sử thêm phần mặn mà; nhưng nếu người

ta vượt quá mức trung dung, cho dù rất ít, điều đó sẽ trở nên một sự tìm tòi như bản, một sự sa đọa của khiếu giám thức được che dấu dưới bộ áo khoa học. Vô tình, người ta bỏ rơi tác phẩm nghệ thuật để đi vào cái lãnh vực đầy những liên quan tâm lý vô cùng rối ren và thi sĩ trở nên một trường hợp bệnh lý, mang một con số nhất định của khoa Tâm-bệnh-lý chủng tính (Psychopathia sexualis). Như vậy, việc tâm phân tích của tác phẩm nghệ thuật đã rời xa đối tượng của nó, để chuyển cuộc tranh luận sang địa hạt con người tổng quát, chứ không riêng biệt cho nghệ sĩ và nhất là không liên quan gì đối với nghệ thuật của ông cả.

Đứng trước tác phẩm nghệ thuật, một y sĩ khó lòng cởi bỏ nhãn quan nghề nghiệp của mình và gạt ra ngoài tư tưởng cái liên quan nhân quả thông thường của khoa sinh vật học. Nhưng rồi tôi hiểu ra rằng một nền tâm lý học có chiều hướng hoàn toàn sinh vật học sẽ có thể áp dụng cách hợp lý đối với con người, nhưng không hợp lý đối với tác phẩm nghệ thuật và do đó đối với con người kẻ là kẻ sáng tạo. Một nền tâm lý học hoàn toàn dựa trên nguyên tắc nhân quả, không có thể làm gì khác ngoài việc xem mọi người như nhau, một phần tử của giống vật có lý trí, bởi vì đối với khoa này chỉ có những yếu tố hợp thành và những hậu quả mà thôi. Nhưng tác phẩm nghệ thuật không chỉ có thế; nó còn là một sự sáng tạo mới, phát sinh do những điều kiện mà khoa tâm lý học nhân quả nhất thiết bảo là nguyên nhân của nó. Cây không phải chỉ là một sản phẩm của đất; nó là một quá trình tiến triển riêng biệt, sống động, sáng tạo và không có dính líu gì với bản tính của đám đất. Tác phẩm nghệ thuật phải được khảo sát bằng cách đó, nghĩa là giống như một sự sáng tạo tự do xử dụng tất cả các điều kiện sẵn có từ trước của mình. Chiều hướng và phương thức đặt biệt của nó dựa trên bản thân nó chứ không phải trên các điều kiện sẵn có ở bên ngoài; Người ta có thể bảo tác phẩm nghệ thuật là một vật thể (être) xử dụng con người với những bầm tính cá biệt của nó như một đám đất màu mỡ và xử dụng các năng lực đó theo các định luật riêng của mình và tự uốn nắn theo kiểu mẫu mình muốn.

Muốn bàn về Tâm lý học của tác phẩm nghệ thuật, trước hết ta phải chú ý đến hai cách thức xây dựng tác phẩm hoàn toàn khác biệt nhau. Nhiều việc rất quan trọng cho việc phê phán tâm lý tùy thuộc vào sự phân biệt đó. Chính Schiller đã cảm thấy điều tương phản ấy và đã thử biểu thị nó bằng những ý niệm của *người đa tình* (sentimental) và *người ngây thơ* (naïf). Sở dĩ ông chọn kiểu nói đó, chắc là vì Ông đã chú ý đến việc sáng tác thi ca. Về phương diện tâm lý, chúng ta gọi hạng thứ nhất là những người *hướng nội* (introvertis) và hạng thứ hai là *những người hướng ngoại* (extravertis). Đặc điểm của thái độ hướng nội là việc đặt nổi chủ thể (sujet), các ý hướng và các mục đích của nó trước đối vật (objet). Trái lại đặc điểm của thái độ hướng ngoại là sự tuân phục của chủ thể đối với những đòi buộc của đối vật. Theo ý tôi, những kịch bản cũng như một số lớn thi phẩm của Schiller có thể hiện cho ta một ý niệm đúng đắn về thái độ hướng nội trước đối vật.

NGHỆ THUẬT KHÔNG PHẢI LÀ MỘT CHỨNG THẦN KINH SUY NHƯỢC

CHẤT liệu bị thống trị bởi ý hướng (intention) của thi sĩ. Một tỉ dụ thích đáng của thái độ trái ngược, với thái độ trên là phần thứ hai của tác phẩm Faust. Ở đây chất liệu đã tỏ ra có một sức đề kháng kịch liệt; chúng ta thấy một tỉ dụ khác còn rõ rệt hơn nữa ở tác phẩm Zarathoustra của Nietzsche, tác giả quả quyết rằng trong quyền đó « bản ngã của mình hóa thành hai ».

Ở đây chúng ta đề cập đến một vấn đề mà không thể nào căn cứ vào những lời xác nhận của chính các thi sĩ về cách thức họ sáng tạo để trả lời được, bởi vì đó là một vấn đề có tính chất khoa học mà chỉ có tâm lý học mới có thể tìm ra câu giải đáp. Bởi vì, có trường hợp hình như thi sĩ sáng tạo một cách hữu thức (consciement), tự do và hoàn toàn theo ý muốn của mình; tuy nhiên sự thực họ bị chiếm đoạt bởi sức thúc đẩy sáng tạo đến nỗi họ không thể nhớ mình có muốn những điều gì khác, trong lúc có thi sĩ lại không thể nhận ra ngay lập tức

ý muốn riêng của mình trong nguồn cảm hứng có vẻ xa lạ, mặc dù họ vẫn có thể tri giác hoàn toàn bản ngã của mình. Như vậy, quan niệm sáng tạo hoàn toàn tự do của họ chỉ là một sự ảo tưởng của ý thức, họ tưởng mình bơi, nhưng thực ra một giòng nước đẩy họ đi tới.

Đó không phải là một nghi vấn tưởng tượng ; khoa tâm lý học phân tích nhiều lần đã thí nghiệm điều đó. Trong khi khảo sát cõi vô thức, khoa này đã khám phá ra rằng ý thức không những chịu ảnh hưởng mà còn bị điều khiển bởi vô thức bằng nhiều đường lối ; do đó, mỗi nghi ngờ có những lý do chính đáng của nó. Nhưng chúng ta lấy bằng chứng nào để giả thuyết rằng một thi sĩ có ý thức có thể bị chiếm đoạt bởi tác phẩm mình ? Các bằng chứng có thể là trực tiếp hoặc gián tiếp. Về bằng chứng trực tiếp chúng ta có những trường hợp mà thi nhân nói nhiều hơn hoặc ít hơn ý tưởng của mình trong khi phôi diễn. Những trường hợp đó không phải là hiếm. Về bằng chứng gián tiếp, chúng ta có những trường hợp mà bề ngoài việc sáng tạo có vẻ tự phát (spontané), nhưng bên trong lại che giấu một « mệnh lệnh » cao hơn, và mệnh lệnh này sẽ công khai cưỡng bách khi có sự cố ý từ khước không chịu thực hiện việc sáng tạo, hoặc xảy ra các biến chứng tâm lý trầm trọng một khi sáng tạo vô tình bị gián đoạn.

Việc phân tích tâm lý của nghệ sĩ bao giờ cũng cho ta thấy rằng khuynh hướng sáng tạo nghệ thuật phát sinh từ cõi vô thức có một mãnh lực lạ thường và khuynh hướng đó rất là kỳ dị và chuyên chế. Đời sống của bao nghệ sĩ tài danh đã minh chứng rằng sức sáng tạo của họ rất mãnh liệt đến nỗi nó chiếm đoạt tất cả những gì là nhân tính trong người họ để đem phục vụ tác phẩm, cho dù có phương hại, đến sức khỏe và hạnh phúc của họ. một tác phẩm còn mạnh nhất trong tâm hồn nghệ sĩ là một sức mạnh tự nhiên đòi được thực hiện hoặc bằng uy lực chuyên chế hoặc bằng mưu kế tinh vi, không đếm xỉa đến những lợi hại của bản thân người mang sức sáng tạo. Sức mạnh đó sống và lớn lên như một mầm cây trong mảnh đất dinh dưỡng. Vì vậy, chúng ta có thể xem

quá trình tiến triển của việc sáng tạo như một sinh vật sống trong tâm hồn.

Tâm lý học phân tích gọi nó là *mặc cảm tự trị* : nó có một đời sống tâm lý biệt lập, ở ngoài hệ thống của lương tri, như một phần linh hồn tách biệt và tùy theo giá trị năng lượng (valeur énergétique) và sức mạnh, nó chỉ xuất hiện như một sự rối loạn của các sự diễn biến hữu thức do ý chí hướng dẫn hoặc như một sự thúc bách có thể bắt ngay cả bản ngã phục vụ nó. Cho nên những thi nhân nào tự đồng hóa với quá trình diễn biến sáng tạo, sẽ là những người sẵn sàng tuân phục một « mệnh lệnh vô thức. » Trái lại có những thi nhân mà sức mạnh sáng tạo xuất hiện như một mãnh lực xa lạ, sẽ là những người không chịu tuân phục và do đó sẽ bị đột kích bởi mệnh lệnh kia.

Người ta có thể cảm thấy được sự khác biệt của các đường lối sáng tác bộc lộ trong tác phẩm. Hoặc là một sự suy tưởng hướng dẫn đến hình thức và kết quả mong muốn. Trái lại hoặc là một hiện tượng từ cõi vô thức đột hiện, tự thành hình mà không cần đến sự can thiệp của ý thức và độc đoán chiếm đoạt lấy hình thức và kết quả của nó. Vì vậy, ở trường hợp thứ nhất, ta có thể tin rằng tác phẩm không vượt quá giới hạn của sự lãnh hội hữu thức, và ấn tượng do nó phát sinh không bao giờ đi quá khuôn khổ của chủ đích đồng thời nó không diễn đạt cái gì ngoài những điều tác giả đã đặt trong đó. Ở trường hợp thứ hai người ta nhất định sẽ gặp một cái gì siêu bản ngã và trong lúc thực hiện nghệ phẩm, ý thức tác giả, càng xa rời bao nhiêu thì hiện tượng siêu bản ngã đó càng vượt quá giới hạn của sự lãnh hội hữu thức bấy nhiêu. Ta sẽ chứng kiến những hình ảnh và dạng thức kỳ dị, những tư tưởng ta không chút ngờ đến, một lời văn căng đầy ý nghĩa mà mỗi từ ngữ đều có giá trị của những tượng trưng chân xác, bởi vì chúng diễn tả hết sức đúng đắn những điều còn xa lạ và là những chiếc cầu nối liền với một bờ bến vô hình.

Chung ra, các tiêu chuẩn đều đúng. Đối với một tác phẩm thực sự có định ý về một đề tài được chọn lựa một cách hữu thức, các đặc tính kể trên đều xác đáng. Về trường hợp thứ hai

cũng vậy. Chúng ta có thể lấy các kịch bản của Schiller, mà chúng ta đã biết, và phần thứ hai của tác phẩm Faust hoặc tốt hơn nữa là tác phẩm Zarathoustra để làm thí dụ. Tuy nhiên ta không nên vội khoe rằng ta có thể dễ dàng liệt tác phẩm một thi sĩ xa lạ vào loại này hay loại kia, khi chưa nghiên cứu cách sâu sắc về mối liên quan của thi sĩ đó đối với tác phẩm. Cũng còn chưa đủ, nếu ta biết được một thi sĩ thuộc về loại hướng nội hoặc hướng ngoại bởi vì một người có thể sáng tác khi thi bằng thái độ hướng nội khi thi bằng thái độ hướng ngoại. Thái độ đặc biệt ấy, ta có thể nhận thấy ở Schiller do sự khác biệt giữa các tác phẩm thi ca, và các tác phẩm triết học của Ông. Ở Goethes, là do sự khác biệt giữa các bài thơ với hình thức toàn vẹn của ông và sự chiến đấu lâu dài trong khi sáng tác phần thứ hai của quyển Faust; Ở Nietzsche là do sự khác biệt giữa các câu châm ngôn và đợt sóng liên tục của tác phẩm Zarathoustra. Cũng một thi sĩ có thể có nhiều thái độ khác nhau tùy theo mỗi tác phẩm và việc áp dụng phương thức xử trí còn tùy thuộc vào từng trường hợp riêng biệt.

Vấn đề này thật vô cùng phức tạp và sự phức tạp đó càng tăng thêm khi ta khảo sát kỹ hơn những lý lẽ trình bày trên đây về trường hợp nhà thơ đồng hóa với sức sáng tạo. Nếu quả thực chính phương pháp sáng tác hữu thức và có ý hướng cũng chỉ là một ảo tưởng chủ quan của thi nhân, thì tác phẩm kia cũng sẽ mang những tính chất tượng trưng và các tính chất đó sẽ đạt đến mức vô hạn và vượt quá ý thức của thời đại nó. Chỉ có điều các tính chất ấy sẽ kín đáo hơn, bởi vì độc giả không thể bước qua giới hạn do tinh thần của đương thời (*esprit du moment*?) vạch ra cho ý thức của tác giả. Chính tác giả cũng bị giam hãm trong giới hạn của ý thức hiện đại, nên không sao có thể tìm gặp ở ngoài thế giới của mình một điểm tựa để đánh bật ý thức của đương thời (*conscience du moment*) ra ngoài; nói cách khác, tác giả không thể nhận ra cái tượng trưng trong một tác phẩm loại đó. Vậy mà tượng trưng có nghĩa là: Sự có—thể—có và những nét phác họa của một ý thức rộng rãi và cao xa vượt quá các khả năng lãnh hội của hiện tại.

Trên đây đã nói tác phẩm nghệ thuật trong trạng thái mạnh

nha được coi như một mặc cảm tự trị. Danh từ ấy thường dùng để chỉ tất cả những cơ cấu tâm lý mà sự phát triển lúc đầu còn hoàn toàn vô thức và chỉ xuất hiện trong ý thức lúc chúng đã tiến đến bậc cửa của ý thức. Sự phối hợp của chúng với ý thức lúc bây giờ không phải là một sự đồng hóa mà chỉ là một tri giác (perception); điều đó có nghĩa rằng ý thức có thể tri giác mặc cảm tự trị, nhưng không thể kiểm soát nó cũng như cảm đoán và tái tạo nó tùy theo ý muốn. Mặc cảm ấy biểu lộ tính chất tự trị của nó ở chỗ nó xuất hiện hay biến mất tùy theo khuynh hướng sâu kín của mình. Nó không lệ thuộc chuyên quyền của ý thức chút nào. Đó là một đặc điểm chung cho các mặc cảm sáng tạo và mọi mặc cảm tự trị khác.

Và cũng chính vì vậy mà một tác phẩm nghệ thuật có phần tương tự với các diễn biến tâm bệnh, bởi vì các diễn biến bệnh hoạn có những đặc điểm giống hệt sự xuất hiện của các mặc cảm tự trị; Đó là trường hợp của phần nhiều các rối loạn tâm lý. Cảm hứng thần diệu của nghệ sĩ quả rất giống với bệnh tật tuy nhiên vẫn không thể đồng nhất với nó. Lý do tương tự đó chính là sự hiện diện của một mặc cảm tự trị. Nhưng sự hiện diện ấy, tự bản chất nó, ta không thể cho là một bằng chứng của bệnh tật. Bởi vì có nhiều người bình thường vẫn bị ảnh hưởng của những mặc cảm tự trị trong một lúc hoặc luôn mãi. Đó chỉ là một đặc tính tự nhiên của linh hồn (La Psyché) và hẳn phải có một khu vực vô thức khá rộng lớn mới không nhận thấy có một mặc cảm như vậy. Mỗi thái độ điển hình đều có ít nhiều khuynh hướng trở nên một mặc cảm tự trị; rất nhiều trường hợp như vậy đã xảy ra. Bản năng nào cũng có ít nhiều những tính chất như vậy, cho nên mặc cảm đó, tự nó không phải là một hiện tượng bệnh lý. Chỉ khi nào nó năng xuất hiện một cách rối loạn mới chắc chắn rằng có bệnh tật.

BÍ QUYẾT CỦA HÀNH VI SÁNG TẠO

NHỮNG yếu tố nào cấu tạo nên mặc cảm sáng tạo tự trị? Tuyệt đối không thể biết được, bao lâu mà tác phẩm đã hoàn thành không để cho ta thấy những đường lối đưa đến những

nền tảng đó. Tác phẩm hiển chúng ta một *hình ảnh toàn vẹn*, theo nghĩa rộng rãi nhất của tiếng ấy. Ta có thể đem phân tích hình ảnh đó, miễn là chúng ta nhìn thấy được tượng trưng ở trong nó. Nhưng nếu chúng ta không thể khám phá một giá trị tượng trưng nào, thì tác phẩm kia—ít ra đối với chúng ta—không phổ diễn ý nghĩa gì vượt quá hình thức minh thị (*explicite*) của nó, nói cách khác, tác phẩm đó, đối với chúng ta, có lẽ không có gì khác với hình thức bề ngoài của nó. Dù sao, trong trường hợp này, chúng ta không gặp được một cơ hội nào, một điểm tựa nào để phân tích. Trái lại, trong trường hợp thứ nhất, chúng ta có thể nhắc lại câu nói của Gerhart Hauptmann như là một nguyên tắc: « Làm thi sĩ tức là làm vọng lên ở sau lời thơ cái tiếng nói nguyên thủy ».

Theo lối nói tâm lý, chúng ta có thể đặt câu hỏi thứ nhất như vậy; « Ta có thể quy hình ảnh trong tác phẩm nghệ thuật về hình ảnh nguyên thủy của vô thức tập thể không ? »

Vấn đề này cần được giải thích về nhiều phương diện. Ở đây chúng ta đã xét về trường hợp một tác phẩm nghệ thuật tượng trưng và hơn nữa, một tác phẩm nghệ thuật mà ta không nên tìm nguồn gốc ở cõi vô thức cá nhân của tác giả mà là trong khu vực thần thoại vô thức mà các hình ảnh nguyên thủy là tính chất chung của nhân loại. Vì lẽ đó, tôi gọi khu vực ấy là *vô thức tập thể*.

Trái với vô thức cá nhân là một lớp tâm lý bề mặt nằm ở gần cửa ý thức, vô thức tập thể, trong những điều kiện bình thường, không thể nào nhập vào ý thức được; không có kỹ thuật phân tích nào có thể làm sống lại hoài niệm về nó, bởi vì nó không bị dồn ép cũng không bị quên lãng. Cõi vô thức ấy, tự nó, nó không có; Nó không là gì khác hơn là một khả năng, một khả năng chúng ta thừa hưởng được từ những ngày xa xưa dưới hình thức những hình ảnh kỷ ức hoặc theo lối nói của khoa giai phẩm, nó đã được truyền lại cho ta trong cơ cấu óc não; Không có những ý tượng (*représentation*) bẩm sinh đầu, nhưng là những khả năng ý tượng, đặt những giới hạn rõ rệt cho óc tưởng tượng ngóng cuồng nhất, có thể nói là

những phạm trù của hoạt động tri tưởng tượng, những loại ý tưởng tiền nghiệm mà ta không thể minh chứng sự hiện hữu của nó nếu chưa có kinh nghiệm trước. Chúng chỉ xuất hiện trong chất liệu đã thành hình như những nguyên tắc điều chỉnh sự cấu thành, điều đó có nghĩa rằng chúng ta chỉ có thể tái tạo những khuôn mẫu nguyên thủy của hình ảnh chính tổng nhờ những kết luận rút ra từ tác phẩm văn nghệ đã hoàn thành.

Hình ảnh nguyên thủy là một biểu tượng như quỳ, người, hoặc quá trình diễn biến lặp đi lặp lại trải qua lịch sử, là nơi mà sự sáng tạo hoạt động một cách tự do. Vì vậy hình ảnh đó trước tiên là một biểu tượng thần thoại. Quan sát kỹ, chúng ta có thể nói rằng nó đã được cấu thành do muôn ngàn kinh nghiệm diễn hình kế tục từ đời tổ tiên chúng ta cho đến về sau này. Ta có thể cho nó là căn bản tâm linh của vô vàn biến cố đồng dạng. Nó tiêu biểu cho hàng triệu kinh nghiệm cá nhân và phản chiếu đời sống tâm linh vào những hình thức khác nhau của cái « Điện Âm phù thần thoại. » Chính các biểu tượng thần thoại đã là những sản phẩm được tinh luyện của trí tưởng tượng sáng tạo ; chúng chờ đợi được diễn tả bằng một ngôn ngữ ý niệm mà chúng ta đương chắt vớt ở giai đoạn đầu. Các ý niệm mà một phần lớn chúng ta phải tạo ra, có thể hiển chúng ta một trí thức trừu tượng và khoa học về những diễn biến vô thức mà các hình ảnh nguyên thủy đậm rề ở trong đó. Mỗi một hình ảnh ấy đều có hàm chứa một mảnh tâm lý và vận mệnh con người, một chút đau khổ và vui mừng như đã xảy ra không biết bao nhiêu lần kể từ đời tổ tiên chúng ta cho đến mãi về sau theo một vận hành luôn luôn giống nhau.

Giờ phút xuất hiện của trạng thái thần thoại bao giờ cũng đánh dấu bằng một cường độ xúc cảm đặc biệt dường như có bàn tay chạm vào những đường tơ chưa bao giờ bật lên thành tiếng ở trong chúng ta, hoặc như người ta buông ra những sức mạnh mà ta không ngờ là có. Cuộc tranh đấu đề thích nghi thực là vất vả, bởi vì chúng ta thường xuyên gặp phải những hoàn cảnh cá nhân riêng biệt, nghĩa là không thể sắp vào loại nào được. Vì

vậy, khi chúng ta đạt đến một hoàn cảnh điển hình chúng ta không nên ngạc nhiên thấy bỗng dưng chỗi dậy trong tâm hồn ta một tình cảm giải thoát hoàn toàn đặc biệt, chúng ta nghe mình lâng lâng như bị chiếm đoạt bởi một mãnh lực siêu phàm.

Trong những lúc đó, chúng ta không còn là những người đặc thù nữa, chúng ta là chúng loại và chính tiếng nói của toàn thể loài người vang dội trong ta. Vì lý do đó, người cô độc không sao tận dụng được sức mạnh của mình nếu một trong các ý tượng tập thể (*représentation collectives*) gọi là lý tưởng, không đến giúp sức và buông thả ra trong người y tất cả các sức mạnh bản năng mà một mình ý chí hữu thức thường ngày không bao giờ đi đến được. Những lý tưởng kiến hiệu nhất luôn luôn là những biến thể trong đó thoáng hiện ít nhiều một điển hình nguyên thủy : Người ta nhận thấy dễ dàng điều đó, do chỗ các lý tưởng ấy tự nhiên có thể biểu hiệu rằng những tỷ dụ ; chẳng hạn như tổ quốc được biểu hiệu bằng người mẹ ; Điển hình nguyên thủy là sự thông chia huyền diệu của con người nguyên thủy với mảnh đất y ở và chỉ mảnh đất đó chứa đựng vong hồn tổ tiên của y. Điều xa lạ đối với y là sự cùng khổ.

Người nào nói bằng hình ảnh nguyên thủy, tức là tự phát biểu bằng hằng ngàn tiếng nói ; người đó chụp bắt, thống trị và đồng thời nâng đỡ vật tư tưởng của mình từ tính cách đơn độc và vắn vỏi của nó lên đến địa hạt của vật — hữu muôn đời ; Người đó nâng vận mệnh bản thân lên thấu vận mệnh nhân loại, đồng thời giải phóng mọi sức mạnh hay cứu giúp ở trong ta và sức mạnh đó đã luôn luôn cho phép nhân loại thoát khỏi mọi hiểm nghèo và vượt qua cả những đêm tối lâu dài nhất.

Đó là bí quyết của hành động nghệ thuật. Quá trình diễn biến sáng tạo, theo như sự quan sát của chúng tôi, chủ ở sự hoạt động vô thức của điển hình nguyên thủy, sự phát triển và sự đào luyện nó cho đến khi thực hiện tác phẩm hoàn toàn — Sự đào luyện hình ảnh nguyên thủy, nói được, là một sự phiên dịch bằng tiếng nói của giai đoạn hiện tại, nhờ đó mỗi người có thể gặp lại lối vào các nguồn mạch uyên thâm nhất của cuộc sống. Không có đường lối nào khác và sự quan trọng

của nghệ thuật về mặt xã hội nằm ở đó. Nó thường xuyên đào luyện tinh thần của thời đại bằng cách làm chỗi dậy những hình thức còn thiếu sót. Sự khát vọng của nghệ sĩ không đếm xỉa đến sự bất mãn đối với hiện tại và rút lui, rút lui mãi vào trong tiềm thức cho đến khi gặp được hình ảnh nguyên thủy và hình ảnh đó có thể đền bù lại sự bất toàn và thiên lệch của tinh thần thời đại mình. Nó chiếm đoạt hình ảnh ấy và kéo nó ra khỏi khu vực sâu thẳm vô thức rồi đưa đến gần khu vực ý thức, và biến đổi mãi cho đến khi con người ngày nay có thể lãnh hội được hình ảnh đó tùy theo năng lực của mình.

C.G. JUNG (báo Arts)

TRẦN VĂN LONG dịch



Hộp thư tòa soạn

CHÚNG tôi trân trọng đáp thư bạn đọc đã gửi về tòa soạn Văn Hữu trong tháng qua. Các bạn có sáng tác phẩm hoặc có điều gì cần hỏi trong phạm vi văn nghệ, xin gửi về Văn Hữu, chúng tôi cố gắng làm vui lòng các bạn với thiện chí và khả năng của chúng tôi.

Sau đây, chúng tôi xin đáp thư ;

— Cô **TRẦN-THỊ-THÌN** : Ty học chánh — Pleiku. — Đa tạ những lời khen ngợi khuyến khích của cô. Văn Hữu vẫn còn sống và tiếp tục đến với độc giả bốn phương hằng tháng. Cảm tình của cô đối với Văn Hữu thật vô cùng quý báu, chúng tôi xin ghi lại. Có lẽ bộ Văn Hữu trước bị thất lạc nên cô không nhận được, đề đáp lại lòng tin yêu của cô, chúng tôi cho gửi tiếp bộ khác đến cô ngày 11-4-1961 vừa qua. Nhận được, xin cô vui lòng cho hay đề tòa soạn khỏi mong tin.

— Ông **TRẦN-THANH-HOA** : 73 Phan-Đình-Phùng — Đà-Nẵng. — Cảm tạ những lời khen thưởng, góp ý xây dựng của bạn. Lần trước (Văn Hữu số 10), chúng tôi có giải đáp cho một bạn đọc về lý do V.H. ra chậm không đúng với định kỳ. Hôm nay chúng tôi xin lập lại là chúng tôi muốn quý bạn đọc có một số báo hoàn hảo, nhất là phần đặc biệt, nên thả ra chậm một tí mà được đọc giả 'vừa lòng hơn. Chắc bạn cũng cảm thông và đồng ý với chúng tôi. Bắt đầu, số tới (Văn Hữu số 12), chúng tôi sẽ có một vài thay đổi nhỏ trong các phần, nhất là phần sáng tác. Văn Hữu mở rộng cửa đón chào những cây bút mới và cũ ; bài hay, có giá trị sẽ được đăng tải. Năm bài thơ của bạn, chúng tôi đang đọc và sẽ có tin.

— Ông **TRẦN-ĐÌNH-UẦN** tự **NGỌC BÍCH** : 154, Bạch Đằng, Huế. — Cảm ơn ý kiến xây dựng của bạn. Muốn đóng bộ Văn Hữu từ 1 số 10 (2 tập) bạn gửi về tòa soạn tiền 10 số báo (15\$ mỗi số) và tiền đóng sách (bìa giấy dày 35\$, bìa da mạ chữ vàng : 70\$) cộng thêm 15\$ tiền bưu phí — Sau khi đóng thành bộ rồi, chúng tôi sẽ gửi thẳng đến địa chỉ của bạn — Bạn nên gửi bằng tiền mặt và đề tên ông Nguyễn-Cửu-Vĩnh, quản lý Văn-Hữu — Đang đọc chuyên « Một Phút » của bạn.

Sáng tác phẩm nhận được : Nhớ (thơ) của Hoàng-Thao — Nhật Kỳ (thơ) của Huy-Giang — Thầm Lặng (thơ) của Trúc Chi — Từ Biệt, Ra đi ; Đêm : Hoang Phế ; Úp Mặt, Man Dại (thơ) của Trần thanh Hoa — Lặng Lẽ, Phố Buồn (Truyện ngắn) của Yên Lang — Sinh Thành (truyện) của Linh Giang...

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

— **CỔ ĐÔ HUẾ.** — Tập thơ của Thái-văn-Kiểm do Nha Văn Hóa Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản. Sách dày 340 trang có nhiều phụ bản tranh ảnh và họa đồ, in trên giấy tốt, trình bày rất mỹ thuật.

Huế là thủ đô của triều đại nhà Nguyễn nổi tiếng là nơi có nhiều phong cảnh thơ mộng và di tích lịch sử. Người trong nước và ngoại quốc đều ước ao được chân tới viếng thăm. Đọc giả có thể được thỏa mãn mọi phương diện nếu muốn tìm hiểu những cổ tích thắng cảnh của đất thần kinh thì chỉ cần đọc **CỔ ĐÔ HUẾ** của Thái văn Kiểm, vì đây là một tập sách biên khảo công phu, đầy đủ nhất từ trước đến nay mang một giá trị đặc biệt về hai phương diện lịch sử và văn chương.

— **TIẾNG HÁT TỰ DO.** — Tập thơ của Hoàng Trinh. Đây không phải là một tập thơ tự do chạy theo phong trào như nhiều nhà thơ khác, nhưng có nhiều thể, nhiều loại, tỏ ra tác giả là một người sành thơ. Thơ của Hoàng Trinh giản dị trong lời thơ và tứ thơ ; chứa đựng nhiều tình cảm chân thực, khiến người đọc gần ông và mến ông.

— **VĂN HÓA VIỆT-NAM VỚI ĐÔNG NAM Á.** — của Nguyễn-dăng-Thục do Văn Hóa Á Châu xuất bản. Đây là một tập nghiên cứu đại cương về địa lý, nhân chủng lịch sử, kinh tế, triết lý và tôn giáo của những quốc gia trong vùng Đông-Nam-Á, như Phi-luật-Tân, Thái-Lan, Miến-Điện, Cao-Miên, Việt-Nam. Trong đó tác giả đề cập đến những đặc tính văn hóa chung của Đông-Nam-Á ; tinh thần Tam giáo trong văn hóa Việt-Nam và Đông-Nam-Á. Khu vực Đông-Nam-Á với cuộc gặp gỡ Đông Tây cận đại v.v...

— **KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU.** — Của giáo sư Nguyễn-Khoa do « Sống Mới » xuất bản. Tác giả nghiên cứu về thân thế của cụ Nguyễn-dinh-Chiều và khảo luận toàn truyện Lục-vân-Tiên. Lại có thêm phần phụ lục. Lục-vân-Tiên, và thi ca văn tế, ai điếu cùng nghị luận văn chương. Một cuốn sách khảo cứu rất công phu và đầy đủ về thi hào Nguyễn-dinh-Chiều rất lợi ích cho các học sinh ban trung học.

— **ĐI HOANG.** — Tập thơ của Hoàng-văn-Trung do tác giả trình bày và ấn hành, gồm 30 chục bài thơ.

Trước đây, tác giả đã cho ra đời tập thơ : « Đêm không ngủ »

M·A·N

HAMBOURG

GUSTAVSBURG

NUREMBERG

AUGSBOURG

MUNICH

USINE D'AUGSBOURG

Moteurs Diesel stationnaires et marins, moteurs Diesel d'implantation. Machines d'imprimerie pour l'impression typographique, en héliogravure et offset, machines auxiliaires d'imprimerie. Echangeurs de chaleur, chaudières, appareils, réservoirs. Equipement pour centrales therm nucléaires.

USINE DE HAMBOURG

Moteurs Diesel suivant le programme de construction d'Augsbourg. Turbines pour la propulsion de navires. Chaudières marines et terrestres. Accessoires pour machines motrices: échangeurs de chaleur, condenseurs, réfrigérants d'huile, bouteilles de démarrage.

USINE DE NUREMBERG

Centrales thermiques, clé sur la porte. Centrales therm nucléaires. Turbines à vapeur et générateurs de vapeur. Centrales à gaz. Moteurs M d'implantation. Engins de levage et de manutention, constructions métalliques. Automotrices, voitures pour voyageurs et wagons à marchandises. Machines pour l'essai de matériaux. Installations de conduite d'air.

USINE DE MUNICH

Camions Diesel à moteurs M silencieux - également à caractère polycarburant. Véhicules communaux et spéciaux. Autobus pour services de ligne et de tourisme. Tracteurs agricoles et forestiers, pour les services de l'industrie et d'entreprises de tout genre.

USINE DE GUSTAVSBURG

Ponts, constructions hydrauliques métalliques, constructions à ossature métallique. Ascenseurs, scènes de théâtre. Gazomètres, réservoirs sous pression, tuyauteries, pompes. Installations pour l'industrie chimique et pétrolière. Pièces embouties, estampées et étirées.

Représentations principales M·A·N en dehors de l'Europe